

HỒ CHÍ MINH - HỒI ỨC MÀU ĐỎ

VỞ CA KỊCH CHÂN THỰC VÀ XÚC ĐỘNG

NGÔ MINH

Tối mừng 2-1- 2010, tôi được Nhà hát nghệ thuật ca kịch Huế mời đến rạp Hưng Đạo xem diễn báo cáo vở ca kịch *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ*, trước khi mang đi tham dự Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc dành cho Ca kịch và Tuồng ở Đà Nẵng vào ngày 8-1-2010. Theo Phó phòng nghệ thuật của Cục nghệ thuật - Đồ Kỷ vào xem diễn báo cáo, thì Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc năm nay có hơn 100 vở tham dự, chỉ có vở ca kịch *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ* là vở duy nhất về Bác Hồ. Trước khi mở màn, tôi cứ nghĩ diễn về cuộc đời Bác Hồ là "quá tầm" của một đoàn ca kịch địa phương. Nhưng thật bất ngờ là vở ca kịch đã làm tôi xúc động đến nước mắt. Tôi xem nhiều vở ca kịch, cả trên sân khấu và trên tivi, nhưng chưa có vở nào lay động lòng người đến vậy. Lâu nay các bộ phim hay vở diễn về lãnh tụ hay danh nhân lịch sử thường hay bị khô khan, công thức, ít xúc cảm nghệ thuật. Có lẽ vì phim, vở diễn về danh nhân ấy tác giả kịch bản, đạo diễn không dám hư cấu các chi tiết đời thường, những hỉ, nộ, ái, ố vì sợ bị phê phán là làm sai lệch chân dung lãnh tụ, nên họ chỉ dựng lại bộ xương sự kiện lịch sử với những nhân vật khiên cưỡng, thiếu hồn vía, thiếu đi da thịt của cuộc sống đời thường. Cái bệnh này kéo dài nhiều chục năm qua và đến nay vẫn chưa chấm dứt. Đó là đối với phim, kịch, còn đối với ca kịch hay kịch dân ca căn bệnh này còn nặng hơn. Vì ca kịch phải vừa nói vừa hát, nếu diễn không nhuần sẽ gây sáo, phản cảm.

Sau khi diễn xong vở *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ*, trong phần phát biểu đóng góp ý kiến, mới hay không chỉ có tôi khóc, mà hơn trăm người được mời xem, ai cũng khóc đỏ hoe mắt. Nhiều nhà quản lý, lãnh đạo trước đó đã được mời xem diễn thô, đã biết nội dung các trường đoạn, biết hành động từng nhân vật, thế mà xem lại lần này vẫn không cầm được nước mắt. Ông Nguyễn Ngọc Thiện, chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, một vị quan đầu tỉnh quan tâm đến nghệ thuật một cách chí tình, ít có. Ông đã bỏ ra hai buổi để ngồi xem diễn thô, rồi diễn báo cáo vở ca kịch. Ông Thiện bảo: "Mừng lắm, mừng lắm. Cảm ơn tác giả Nguyễn Quang Vinh, cảm ơn đạo diễn Ngọc Bình. Tôi xúc động quá, xem diễn lần trước tôi không khóc, nhưng lần này thì tôi đã khóc thực sự vì quá cảm động...".

Tạo sao vở ca kịch *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ* lại làm xúc động người xem đến vậy? Lâu nay chưa có vở nào nói về đời thường của Bác Hồ, đây là lần đầu tiên có một vở nói về chuyện đó. Do kịch bản điểm đúng huyết, đạo diễn giỏi, bài trí sân khấu và âm nhạc tuyệt vời và một dàn diễn viên trẻ xuất sắc - tất cả đã hoà quyện tạo nên tác phẩm nghệ thuật sân khấu âm ảnh.

Trước hết xin nói về kịch bản. Đây là kịch bản mà nhà văn Nguyễn Quang Vinh "viết theo đơn đặt hàng" của Nghệ sĩ ưu tú Ngọc Bình, giám đốc Nhà hát nghệ thuật ca kịch Huế. Viết theo đặt hàng mà làm say mê khán giả mới là cao cường. Làm một vở ca kịch về Bác Hồ diễn chỉ 2 tiếng đồng hồ là vô cùng khó, vì cuộc đời và hoạt động của Bác qua khắp năm châu, trải dài hơn nửa thế kỷ XX. Và cũng đã có nhiều tác giả làm phim, vở diễn sân khấu về Bác Hồ. Vậy chọn thời điểm nào trong cuộc đời của Bác để vừa không lặp lại người khác, lại vừa gần gũi với người xem? Với tư chất thông minh, nhạy cảm, nhà văn Nguyễn Quang Vinh tìm ra chìa khoá của câu chuyện. Anh đã chọn thời điểm Bác Hồ vào thăm Quảng Bình quê hương anh năm 1959. Cảnh nhân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh, người Vân Kiều, người Kinh nô nức đi đón Bác; cảnh người Vân Kiều xin được mang họ Bác Hồ mở đầu vở diễn muốn gửi đến người xem một thông điệp: Vở

diễn đang nói về một lãnh tụ của nhân dân, luôn được nhân dân cả nước kính yêu. Bác Hồ về thăm Quảng Bình là về gần với miền Nam hơn, nên chuyện Bác Hồ đêm không ngủ, nghĩ về cha, mẹ, nghĩ về thời thơ ấu của mình ở Huế là rất lo-gic. Đó là tài năng của nhà biên kịch.

Đồng Hới, biển Nhật Lệ chỉ cách Huế 160 cây số. Lúc đó Bác đã xa Huế hơn 60 năm và xa miền Nam 58 năm. Vì thế mà Bác Hồ thao thức, trầm tư với những hồi ức cuộc đời mình cuộn chảy trong đêm biển Nhật Lệ. Bác đã tâm sự với cấp dưới mà như độc thoại: Từ Nhật Lệ tôi muốn thả câu thơ vô Huế... Từ Nhật Lệ tôi muốn làm cánh buồm dong vào miền Nam... Huế đó, miền Nam đó chỉ một khoảng không gian thôi mà sao cách trở xa vời... Huế là nơi có mẹ và em Bác, miền Nam là nơi có mẹ cha Bác... Đi cùng đội vệ binh tháp tùng Bác vào Đồng Hới lúc đó có Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, một người con của đất Thừa Thiên, và là vị tướng được Bác rất tin cậy, yêu quý. Đó là cái duyên có để Bác tâm sự với đại tướng về thời thơ ấu và thời thanh niên của mình ở Huế và thời khắc từ bến Nhà Rồng bốn ba năm châu tìm đường cứu nước. Đó là sự hư cấu rất hợp lý của nhà biên kịch. Đó là những hồi ức buồn, thật đau buồn, nhưng là những hồi ức đỏ thắm màu tim của một Danh nhân văn hoá thế giới. Chuyện Bác Hồ về Đồng Hới là chuyện thật lịch sử. Chuyện Bác kể cho đại tướng Nguyễn Chí Thanh nghe những năm tháng tuổi thơ của mình ở Huế lịch sử không chép, nhưng cũng là một sự thật - sự thật trong tâm cảm, tâm linh. Chuyện gia đình Bác những ngày ấu thơ ở Huế với bao nỗi đắng cay, cô độc cũng là sự thật lay động tâm can. Cái thật là tiêu chuẩn đầu tiên của cái hay trong văn chương nghệ thuật. Kể về lãnh tụ kính yêu của dân tộc, lại kể toàn chuyện buồn, chuyện thật, thì không ai không xúc động. Tức là nhà văn đã cho nhân vật Hồ Chí Minh, một con người, kể về mình, là kể về nỗi buồn đau rất đời thường của một con người. Là con người thì ai cũng có buồn đau, cay cực. Và chính những hồi ức buồn đau đó càng nâng cao tầm vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó chính là phát hiện của tác giả

để mở ra bối cảnh để có thể kể về nỗi buồn của Bác. Và sự sáng tạo đó đã thành công đưa người xem vào câu chuyện chân thực, tạo nên xúc động mạnh mẽ.

Với kịch bản rất đời của Nguyễn Quang Vinh, đạo diễn, NSUT Ngọc Bình đã bắt được cái hồn của câu chuyện, và anh đã xây dựng rất thành công trên sân khấu ca kịch, nhân vật chính Hồ Chí Minh (mà chính anh là người đóng vai) và các nhân vật Nguyễn Sinh Côn, Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Sinh Sắc, Hoàng Thị Loan và nhiều nhân vật khác để làm nên vở ca kịch sinh động, cuốn hút người xem.

Câu chuyện về đời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế đã được nhiều sách báo nói tới. Năm 1895, cậu bé Nguyễn Sinh Cung (thường gọi là Côn) vừa tròn 5 tuổi cùng anh trai Nguyễn Sinh Khiêm, được mẹ Hoàng Thị Loan (25 tuổi) gánh vượt đèo Ngang vô Kinh đô Huế để nuôi chồng "dùi mài kinh sử". Ông Sắc thuê căn nhà 114 Mai Thúc Loan ở trong 5 năm liền (1895-1901) (bây giờ đã trở thành một trong những di tích về Bác Hồ ở Huế thuộc Bảo tàng Hồ Chí Minh - Thừa Thiên Huế). Để có tiền giúp chồng khoa cử, nuôi con, bà Hoàng Thị Loan đã phải mang từ làng Sen, Nam Đàn vào chiếc xa quay, bộ khung cửi để dệt vải bán lấy tiền. Tại đây bà đã sinh người con thứ tư đặt cái tên thật buồn: Nguyễn Sinh Xin. Cuộc đời bà Loan thật ngắn ngủi: 16 tuổi lấy chồng, 33 tuổi đã rời cõi tạm. Bà qua đời vào một ngày giáp Tết Canh Tý (10-2-1901), do bị bệnh nặng sau khi sinh nở. Lúc này ông Nguyễn Sinh Sắc theo lệnh triều đình đi coi thi ở Thanh Hoá rồi ghé về thăm quê, chưa về. Ông Sắc đi chuyến ấy mang theo cả Nguyễn Sinh Khiêm. Ở nhà lúc đó chỉ có Nguyễn Sinh Côn mới 11 tuổi cùng đứa em mới sinh. Mẹ mất, em gào khóc vì đói sữa, là cảnh tượng đau buồn, cô đơn khắc thành sẹo trong trái tim bé bỏng của Côn. Bà con lối xóm đã giúp đỡ dùm bọc hai anh em từng lon gạo, bó củi, nắm lá xông... Đám tang bà Hoàng Thị Loan được bà con lo liệu, diễn ra âm thầm giữa lúc thiên hạ đang náo nức đón Tết. Quan tài bà Hoàng Thị Loan không được đưa qua cổng thành Đông Ba gần

đó do quy định của triều đình, mà phải đưa dò qua cổng Thanh Long ra sông Hương rồi đến bến dò Nam Giao để đưa lên núi. Đám tang thừa thớt chỉ có bà con chòm xóm và cậu bé Nguyễn Sinh Cung 11 tuổi. Sau đó, do đói sữa, vắng hơi mẹ, bé Nguyễn Sinh Xin mới sinh cũng qua đời. Thế là trong một cái Tết, Nguyễn Sinh Cung phải chịu tang mẹ và tang em, không có sự đau đớn nào hơn. Rồi kỷ niệm những ngày Nguyễn Sinh Cung thành chàng trai Nguyễn Tất Thành học trường Quốc Học đã dẫn đầu đoàn người biểu tình chống sưu thuế năm 1907, bị đuổi học phải vào Nam...

Câu chuyện lịch sử đau buồn ấy đã được đạo diễn Ngọc Bình biến thành trường đoạn ca kịch chủ đạo, nhiều thời lượng nhất của vở diễn với nhiều tình tiết đời thường vô cùng sống động. Xem sử sách không rung động bằng xem những hình ảnh thực đang diễn ra trên sân khấu. Đó là lý do giải thích tại sao rất nhiều người đã đọc đã biết về tuổi thơ của Bác ở Huế vẫn không cầm được nước mắt khi xem vở diễn. Đây là trường đoạn mang lại hiệu quả nghệ thuật cao nhất. Cảnh Bác Hồ ngồi tâm sự với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh bên bờ Nhật Lệ, cảnh mẹ con bà Loan tiễn ông Sắc và bé Khiêm lên đường đi Thanh Hoá, cảnh bà Loan vừa quay tơ dệt vải vừa dạy con, bà Loan bị bệnh, cảnh chèo dò đưa đám bà Loan, cảnh bà con đùm bọc Nguyễn Sinh Cung, rồi những gánh hàng rong,... Cảnh bé gái Huệ Minh, bạn học của Côn luôn tận tình giúp bạn, cảnh Nguyễn Sinh Côn hát ru em... Tất cả dù ước lệ sân khấu, nhưng đều rất chân thật, rất xúc động nhờ sự phối hợp hài hoà, nhuần nhuyễn giữa âm thanh, ánh sáng, diễn xuất của diễn viên, và nhất là nhờ những đoạn nhạc, những câu hò Huế, hò ví dặm Nghệ Tĩnh cất lên đúng lúc làm nao lòng người. Bà Loan tiễn ông Sắc đi xa: *Thương anh lắm, anh ơi/ Nhớ anh lắm, anh ơi / Nhớ ngao ngán trần đời / Em thương anh vô kể/ Thiếp nhớ chàng vô kể...* (ví dặm); Người bán hàng rong thương cảm trước hoàn cảnh thương tâm của bé Nguyễn Sinh Cung: *Chiều chiều trước bến Văn Lâu / Ai ngồi ai câu ai sầu ai thảm...* (hò Huế). Dựng vở về lãnh tụ Hồ Chí Minh, một nhân vật

đại nhân, đại dũng, đại trí là vô cùng khó. Qua vở diễn này, từng diễn viên đều thể hiện rất thành công tâm trạng, cá tính của nhân vật trên sân khấu. NSUT Ngọc Bình đã thể hiện được tài năng của một đạo diễn sân khấu chuyên nghiệp xuất sắc.

Ngọc Bình đã hàng chục lần vào vai Bác Hồ trong những chương trình quảng diễn kỷ niệm Bác ở Vinh, Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Cà Mau v.v. rất thành công. Dường như việc vào vai Bác Hồ là một đam mê lớn của cuộc đời nghệ sĩ của anh. Anh đã được giải thưởng Cố Đô Huế lần thứ 3 nhờ vào vai Bác Hồ trong liên ca khúc *Hương Sen đất Việt* của Đoàn ca kịch Huế. Nhưng ở những chương trình đó, nhân vật Bác Hồ chỉ xuất hiện vài phút, nói vài câu hoặc không nói gì. Còn trong *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ*, Hồ Chí Minh là nhân vật chính, phải xuất hiện, đi lại, diễn xuất nhiều lần với thời lượng dài, nhưng Ngọc Bình đã thể hiện vai Bác Hồ rất thành công, từ đi đứng, nói năng, cảm xúc đều "rất Bác Hồ". Vừa tĩnh tại ung dung vừa giằng xé tâm trạng; vừa là lãnh tụ tối cao của đất nước, vừa là con người nhân văn thâm trầm. Tác giả kịch bản Nguyễn Quang Vinh đã nhận xét: "Tôi xem nhiều phim, kịch về Bác Hồ, thấy các diễn viên vào vai Bác Hồ, kể cả Tiến Hợi khi diễn thỉnh thoảng cũng để lộ ra nét Tiến Hợi, còn Ngọc Bình vào vai Bác Hồ không lộ mà rất Bác Hồ". Đây là vai khó nhất và thành công nhất trong vở diễn. NSUT Đình Dũng trong vai ông Cử Nguyễn Sinh Sắc cũng rất đạo mạo "thầy đồ xứ Nghệ". Đặc biệt, NSUT Kiều Oanh trong vai bà Hoàng Thị Loan rất xuất sắc, gây xúc động mạnh đối với người xem. Nhân vật Hoàng Thị Loan vừa nết na chịu đựng vừa đầy thương yêu lo lắng cho chồng con. Những cảnh tiễn chồng đi xa, cảnh thương con, hát ru con, cảnh đau đớn dần vật... Kiều Oanh đều diễn xuất rất tài nghệ. Đây là vai góp được nhiều thành công cho vở diễn. Rồi Thu Hằng trong vai Kan Liên người Vân Kiều ở Quảng Bình đi đón Bác, đã diễn rất có hồn; Lê Anh Cao Cường, mới 20 tuổi, vừa tốt nghiệp trường văn hoá nghệ thuật tỉnh đã vào vai Nguyễn Sinh Cung rất sinh động, giàu cảm xúc, Trần Phương Loan vai bé Huệ Minh diễn xuất rất nhí nhảnh, hồn

nhiên và cảm động; hay Nguyễn Tâm Phú trong vai Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Tuấn Linh trong vai Tất Thành, Nguyễn Tuấn Linh trong vai Đại tướng Nguyễn Chí Thanh... tuy xuất hiện ít nhưng cũng đã thể hiện được trình độ diễn xuất chuyên nghiệp. Những diễn viên phụ trong vai quan Tây, quan An Nam, ông già, bà lão, bộ đội, người bán hàng rong, người kéo xe, rồi đông đảo diễn viên trong vai quần chúng cũng đã thể hiện hết mình cho vở diễn. Tất cả họ đã cùng chung tay làm nên một tác phẩm nghệ thuật độc đáo và xúc động về Bác Hồ.

Làm nên vở diễn đặc sắc *Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ* còn có sự đóng góp không thể thiếu của nhạc sĩ Minh Tiến với nền nhạc đậm chất dân gian Huế và Nghệ Tĩnh, với những khúc dân ca được chọn lọc rất đắt giá. Đặc biệt là NSND Lê Huy Quang, một bậc thầy trong lĩnh vực trang trí sân khấu Việt Nam. Với hình tượng sáu cánh hoa sen biểu trưng cho phẩm cách Hồ Chí Minh (*Tháp Mười đẹp nhất bông sen/ Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ* - Bảo Định Giang) vừa đặc trưng sen Tĩnh Tâm Huế cách điệu. Với biểu tượng hoa sen và 5 bậc tam cấp bán nguyệt, nghệ sĩ tài ba Lê Huy Quang đã dựng nên một cảnh trí sân khấu vừa cách điệu, tượng trưng vừa dân dã truyền thống, vừa thực vừa ảo, tạo ra không gian sân khấu vừa tiện dụng vừa hoành tráng cho diễn viên say mê diễn xuất, đáp ứng được cho tất cả các lớp của vở ca kịch, mang lại hiệu quả trực tiếp của vở diễn.

TÙ TAY BÁC NÂNG

TUYẾT NHUNG

Năm đó, tôi mới là cô học trò, học khoá cải lương đầu tiên của Trường Nghệ thuật sân khấu.

Lần đầu chính thức bước lên sân khấu, là lần chúng tôi được vào Chủ tịch phủ biểu diễn.

Đêm liên hoan thật giản dị, đầm ấm. Không có phong màn ngăn cách, không có sân khấu và khán giả, chỉ có chúng tôi với Bác Hồ, giữa những nụ cười và muôn câu ca, trong ánh mắt triu mến bao la của Bác.

Màn cải lương *Trần Quốc Toàn ra quân* được diễn ở cuối chương trình. Tôi đóng vai Trần Quốc Toàn. Trên sân khấu, Trần Quốc Toàn đang ôn luyện đường gươm gia truyền, lòng nấu nung việc nước. Bỗng người lão bộc chạy vào cấp báo:

- "Quân giặc đã tràn sang xâm lấn, gây bao thảm cảnh cho quê hương...".

Trần Quốc Toàn tức giận bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết...

- "Vừa nghe qua ta sôi máu căm hờn...".

Vừa múa, vừa hát, Trần Quốc Toàn tập hợp các bạn trẻ cùng tuổi, nguyện nối chí cha ông lên đường giết giặc lập công. Dưới sự điều binh, khiển tướng của người thiếu niên anh hùng, quân sĩ tiến lên như "triều dâng thác đổ...".

Chính trong giây phút hào hùng ấy, không hiểu vì quá hồi hộp xúc động, hay vì hấp tấp vụng về, mà tôi vừa ra roi lên ngựa tiến lên đầu hàng quân, oái oăm thay, bỗng trượt chân đổ sòng

xoài ra giữa sàn, ngã một cái trời giáng. Tôi vừa lo lắng bàng hoàng, lại vừa xấu hổ thẹn thùng. Mắt như tối sầm lại, đầu óc hoang mang quay cuồng, ánh đèn xanh đỏ xáo lộn trong tâm trí tôi. Đang loay hoay không biết phải làm thế nào trở dậy, và sẽ nói năng thế nào đây, chứ chưa dám nghĩ là sẽ tiếp tục biểu diễn nữa, thì bỗng nhiên, tôi nghe thấy giọng nói ầm áp của Bác, giản dị, yêu thương, trù mên làm sao:

- Nào! Bác đỡ anh hùng dậy!

Tôi bàng hoàng mở mắt ra, mà ngỡ mình đang trong giấc chiêm bao: Bác đã đến bên tôi lúc nào không biết. Nhanh như tia sáng, nhẹ như làn gió ấm, Bác đỡ tôi lên, độ lượng, hiền từ. Vừa nói, vừa cười, vòng tay Người dang rộng:

- Nào! Bác đỡ anh hùng dậy!

Mười bảy năm đã trôi qua, buổi đầu chập chững trên bước đường nghệ thuật không còn trở lại nữa, nhưng những giây phút đầm ấm bên Người vẫn còn đọng mãi trong tôi. Bàn tay trù mên của Bác nâng dậy, câu nói giản dị chứa chan tình yêu thương của Bác mãi mãi là nguồn động viên thôi thúc chúng tôi tiếp bước trên con đường nghệ thuật:

- Nào! Bác đỡ anh hùng dậy!



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Đoàn văn công Trung ương
sau buổi biểu diễn tại Phủ Chủ tịch (31/12/1956)

Ảnh: Đinh Đăng Định

BÁC HỒ VỚI ĐIỆN ẢNH

PHAN TRỌNG QUANG

Suốt cả đời Người, lúc còn sống Bác Hồ chúng ta hai vai gánh nặng ngày đêm lo việc nước nhà. Thế nhưng, bao giờ Bác Hồ cũng thư thái ung dung, vẫn dành thời gian đọc sách, ngâm thơ, càng dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc đời sống tinh thần cho đồng bào hai miền Nam Bắc, nhất là các cháu thiếu niên, nhi đồng; quan tâm đầy đủ đến các ngành văn hoá, văn nghệ. Trong rất nhiều lời căn dặn, chỉ bảo ân cần của Người, câu nói giản dị sau đây của Bác đã trở thành phương châm hoạt động và lý tưởng phấn đấu của toàn thể chúng ta: "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Riêng đối với ngành điện ảnh, dường như Bác Hồ có phần chăm sóc, yêu thương hơn, phải chăng vì trong cuộc đời hoạt động của Bác, Bác từng "làm nghề phóng ảnh và rửa ảnh"? Hoặc giả vì nó là đứa em út của ngành nghệ thuật nên Bác quan tâm chú ý khích lệ động viên, xây dựng nó mau lớn mạnh. Thực ra, điều đó chẳng có gì lạ. Ngành nào, người nào, ai mà chẳng nghĩ Bác quan tâm đến ngành mình hơn, giới mình hơn. Ấu cũng là tình cảm tự nhiên xuất phát từ đáy lòng mình đối với Bác kính yêu.

Có thể kể ra nhiều dẫn chứng. Hầu như bộ phim nào khi mới ra đời kể cả phim truyện và tài liệu cũng đều được Bác xem. Đó là dịp rất may mắn, là hạnh phúc to lớn của những người làm phim được gặp Bác, được nghe ý kiến nhận xét của Bác - nhiều hơn, đó là những lời nhắc nhở hết sức giản dị, không chút cao xa, khó hiểu, và bao giờ cũng tỉ mỉ, cụ thể, rõ ràng. Thí dụ Bác đã dặn dò các diễn viên: "Các cô các chú phải đoàn kết thương yêu nhau, phải năng tập thể dục cho khoẻ mạnh". Với

các đạo diễn thì Bác nói: "Phim của các chú tốt, có nhiều phim hay. Nhưng có phim còn nhanh, đồng bào xem không hiểu. Làm phim cho đồng bào xem mà đồng bào chưa hiểu, chưa thấy bổ ích thì không thể gọi là tốt và hay". Với các anh em thuyết minh phim, Bác cũng nhắc nhở: "Các chú cần nói cho rõ ràng, dễ hiểu. Nếu chỗ nào phim nhanh quá, đồng bào chưa nắm được thì có thể chiếu lại đoạn ấy cho đồng bào xem". Anh chị em hiểu rằng đó là những chỉ bảo hết sức quý báu và cần thiết, và nguyện cố gắng thực hiện. Đồng bào hiểu và cảm thấy bổ ích mới gọi là phim hay! Tiêu chuẩn ấy quả thật không đơn giản. Người làm phim phải tâm niệm, phấn đấu suốt đời! Đó cũng chính là mục tiêu cao nhất mà nghệ thuật điện ảnh Việt Nam cần đạt tới.

Không thể nào nhắc lại hết ở đây những lời dạy bảo ân cần của Bác Hồ. Có một lần, vào năm 1950 Bác tới thăm xưởng phim Thời sự Tài liệu. Bác đến đột ngột, không báo trước. Bác đi thăm khắp nơi, vào cả phòng in tráng phim. Bác hỏi thăm sức khoẻ các công nhân và cán bộ kỹ thuật, rồi Bác căn dặn:

- Bây giờ nước ta còn nghèo, cho nên cơ sở vật chất của điện ảnh còn thiếu thốn là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nhân dân ta rất giỏi, nghèo nàn mà vẫn làm nên sự nghiệp. Các cô các chú đã cố gắng từ trước tới nay, bây giờ khắc phục khó khăn, đề cao tinh thần trách nhiệm, tự lực cánh sinh và sử dụng tốt những máy móc của anh em giúp ta để đạt được những tiến bộ mới...

Các bạn nước ngoài biết câu chuyện này, reo lên vì thích thú và kinh ngạc. "Chủ tịch của một nước mà đi tận vào phòng tối xem làm phim? Hạnh phúc thay những người làm công tác điện ảnh Việt Nam!".

Sự ngạc nhiên của các bạn nước ngoài thật ra cũng không có gì là quá đáng, lạ lùng. Bởi một lẽ giản dị là Bác Hồ rất am hiểu nghệ thuật điện ảnh.

Xin nhắc lại một điều ai nấy đều đã biết: Sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh Việt Nam, Hồ Chủ tịch ký trước chiến thắng Điện Biên Phủ, cụ thể là ngày 15 tháng 3 năm 1953 trong rừng Việt Bắc. Kháng chiến chưa thành công, mà điện ảnh đã ra đời, phải chăng đó là sự biểu hiện cao nhất tấm lòng yêu thương của Bác đối với ngành ta? Điều đó một phần, nhưng sâu xa hơn là Bác thấy được tác dụng của ngành nghệ thuật non trẻ này trong sự nghiệp cách mạng, qua câu nói bất hủ của Lê-nin: "Trong tất cả các ngành nghệ thuật đối với chúng ta, nghệ thuật điện ảnh là quan trọng nhất".

*

* *

Hình ảnh đầu tiên máy quay phim ta ghi được là giây phút lịch sử ngày 2 tháng 9 năm một nghìn chín trăm bốn mươi lăm, Hồ Chủ tịch đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Và, như ta đã biết, những thước phim cuối cùng ta quay được về Bác là bộ phim màu *Bác Hồ với thiếu nhi*, nhân dịp các cháu Trường Âm nhạc Việt Nam được vinh dự vào biểu diễn cho Bác xem nhân ngày Thiếu nhi quốc tế 1-6 năm 1969. Một thiếu sót mà ngành ta đang cố gắng bổ sung trong năm 1975 lịch sử này: nhất định phải có hình tượng Bác Hồ trong phim truyện Việt Nam! Đây không chỉ là trách nhiệm của những người làm phim trước Đảng và Nhà nước, mà còn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta và nhân dân thế giới mong sớm được thấy Bác trên màn ảnh.

Bác đi nhiều nơi, thăm hỏi nhiều vùng, từ biển lên rừng, xuống nông thôn, vào nhà máy, đến các đơn vị bộ đội... Phim tài liệu và thời sự ta ghi được một số hình ảnh của Bác ở Việt Bắc những năm đánh Pháp và những năm đánh Mỹ. Hình ảnh Bác trên mình ngựa ung dung vượt suối, hay đang ngồi trên mô đá, đưa ống nhòm lên quan sát mặt trận; Bác ung dung đọc sách bên khung cửa nhà sàn, hay đang xách bình nước tưới cây; Bác

quàng tay các chiến sĩ miền Nam dưới bóng cây trong Chủ tịch phủ hay đang âu yếm ôm một cháu nhỏ vào lòng... Bác sống giản dị giữa lòng dân. Giữa mây núi Côn Sơn, sóng nước Hạ Long, hay những bậc đá đền Hùng, con đê lũy lợi công trường Bắc Hưng Hải, hay cánh đồng lúa vàng hợp tác xã..., những bà già, em nhỏ vẫy tay đón Bác bên bụi tre, anh bộ đội Hải quân trong khoang lái, mắt chứa chan hạnh phúc khi được Bác cầm mũ của anh đội lên đầu - cái mũ có hai dải lụa mỏng bay phấp phật trước gió... Con sông, dòng suối, mái rạ bờ tre, non nước Việt Nam càng trở nên diễm lệ và rạng rỡ khi có Bác, đúng như lời đồng chí Lê Duẩn đã nói: "Non sông đất nước Việt Nam ta đã sinh ra Người và chính Người đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta". Đó chính là những hình ảnh đẹp đẽ, trong sáng, mãi mãi đi vào lịch sử, mãi mãi đọng lại trong ký ức của hàng chục triệu người xem ở trong và ngoài nước.

Mừng thọ Bác bảy mươi tuổi, ta có bộ phim tài liệu *Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Ở đây tôi không có tham vọng đánh giá bộ phim. Chỉ nhân dịp này, mà nhắc lại sự chăm sóc ân cần của Bác đối với những người làm nghệ thuật điện ảnh. Bác đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các đồng chí quay phim làm việc. Điều kiện thiếu ánh sáng, Bác đồng ý cho dỡ hẳn một phần mái nhà, tại một cuộc họp kia trong rừng. Bộ Chính trị đang làm việc với Bác, quay phim cũng được phép mang máy tới. Bác gợi ý cho cả về chỗ đặt máy và lúc nào thì bấm máy để tạo hình đẹp nhất. Và có lần, để chiều theo ý chuyên môn, Bác đã miễn cưỡng mặc thêm chiếc áo kaki đứng trước ống kính cho thêm phần... long trọng. Hạnh phúc thay cho ngành ta, Bác Hồ đã từng là diễn viên và đã từng là đạo diễn.

Nhưng rõ ràng là ngành Điện ảnh ta chưa tròn nhiệm vụ một cách xuất sắc để xứng đáng với sự chăm sóc ân cần của Bác. Những thước phim ta đã ghi được về hình tượng lãnh tụ vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, dù đẹp đến đâu vẫn còn là quá ít so với công lao vĩ đại và cuộc đời lớn lao của Bác và so với tấm lòng

mong muốn thiết tha của mỗi một chúng ta. Mỗi chúng ta, từ người viết kịch bản, người đạo diễn, diễn viên, người cầm máy quay và bao nhiêu anh chị em khác làm việc trong buồng tối, dù có tên hoặc không có tên trên phim, tất cả đều là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá. Tuân theo lời dạy của Bác, nắm vững đường lối nghệ thuật của Đảng, chúng ta đi vào những mũi nhọn nóng bỏng của cuộc sống, làm ra những thước phim chân thật và hùng hồn vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất nước nhà, đạt tới những đỉnh cao nghệ thuật.

ĐIỆN ẢNH QUÂN ĐỘI VỚI BÁC HỒ

NGUYỄN THÀNH LẬP

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của toàn Đảng, toàn dân, người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Tuy “sinh sau đẻ muộn” nhưng không một cán bộ chiến sĩ nào của Điện ảnh Quân đội không biết ngày 15/3/1953, ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh thành lập “Doanh nghiệp quốc gia chiếu bóng và chụp ảnh Việt Nam” tiền thân của Điện ảnh cách mạng Việt Nam. Với Điện ảnh Quân đội, sau khi Cục Tuyên huấn Tổng Cục chính trị tổ chức triển khai xây dựng bộ phim “Dưới cờ quyết thắng”, đã được phép đem chiếu báo cáo với Người và Người đã nói: “Sau bộ phim này cần có nhiều bộ phim khác nữa để động viên, giáo dục bộ đội xây dựng lớn mạnh, chiến đấu thắng lợi”. Lời căn dặn ấy chính là một yếu tố có tính chất quyết định để Tổng Cục chính trị xúc tiến việc thành lập Điện ảnh Quân đội, và trong quá trình xây dựng, phấn đấu trưởng thành, rất nhiều người làm phim của Điện ảnh Quân đội đã có vinh dự được quay phim về Bác. Hồi ức của Nguyễn Xuân Bình về việc trong chuyến đi thực tập ở Hà Giang đã may mắn được đồng chí Nguyệt Hải (Trần Nhu) tin cậy giao cho việc quay chọn tin về chuyến lên thăm Hà Giang của Bác Hồ năm 1961, những mẫu chuyện của quay phim kiêm đạo diễn Phạm Thành kể về việc ông được vinh dự quay phim về Bác tiếp 2 nhà báo của Đảng Cộng sản Nhật, hình ảnh Bác hái bông hoa hồng tặng bạn, hình ảnh Bác tay cầm cuốn sách vẫy tạm biệt các nhà báo Nhật Bản rồi Hồ Quốc Vi, Trần Trọng Hiền được quay phim Bác Hồ ở một trận địa cao xạ pháo, Bác chia thuốc lá cho các pháo thủ, dành thuốc lá cho quay phim; Phạm Quốc Vinh, Phạm Chơn

quay phim Bác Hồ với đoàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc trong bộ phim “Về giữa lòng miền Bắc”; Nguyễn Thanh Xuân, Trần Anh Trà ghi những thước phim về những giờ phút cuối cùng của Bác, không chỉ là tình cảm của Bác đối với quân đội nói chung mà còn là sự mến yêu trân trọng của Bác đối với Điện ảnh Quân đội nói riêng. Từ tấm lòng của Bác đối với nền Điện ảnh cách mạng Việt Nam, từ tấm lòng của Bác đối với Điện ảnh Quân đội và với những người có vinh dự được quay phim về Bác, chúng ta cảm nhận được tấm lòng của Người cha già của dân tộc với các nghệ sĩ. Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Văn Thông kể lại rằng, ngày Đà Nẵng giải phóng, ông cùng Hà Tài, Vũ Oa làm phim “Thành phố bên sông Hàn”, ông có ghé về nhà thăm cụ thân sinh ông. Điều đầu tiên người cha đẻ của Nguyễn Văn Thông hỏi là: “Anh ra ngoài Bắc có được gặp Cụ Hồ không?” Nguyễn Văn Thông trả lời: “Dạ có ạ”. Cụ lại hỏi: “Có kỷ vật gì của Cụ không?” Nguyễn Văn Thông rút trong túi ngực lấy ra một tấm huy hiệu của Người bọc trong một miếng ni lông kính cẩn đưa cho cha. Cụ thân sinh ông rung rung nước mắt nhìn mãi vào tấm huy hiệu ấy khiến Nguyễn Văn Thông cũng không nén nổi xúc động và ông càng hiểu sâu hơn về tấm lòng của người dân miền Nam với Bác cùng tâm vóc lớn lao vĩ đại của lãnh tụ.

Đã có bao nhiêu những bộ phim của Điện ảnh Quân đội khi có điều kiện đều dành những hình ảnh trang trọng nói về Người: những thước phim tư liệu về ngày độc lập 2/9 dùng trong bộ phim “Dưới cờ quyết thắng”, những lời dạy của Người với các thương binh “tàn nhưng không phế” trong bộ phim “Trận địa mới”; những tin ngắn trong các phim thời sự... Nhưng tập trung hơn cả là các phim nói về Bác: “Giương cao cờ Bác” của Phạm Quốc Vinh, Phạm Chơn, Lê Văn Bằng, Trần Trọng Hiền, biểu lộ một lý tưởng suốt đời đi theo con đường của Bác, đem ngọn cờ bách chiến bách thắng của Người vào công cuộc học tập chiến đấu xây dựng quân đội; là “Bác Hồ sống mãi” (Lê Huân, Hồng Nghi, Dương Minh Đầu...) rồi “Chúng con nhớ Bác” của Nguyễn Văn Thông, Trần Anh Trà. Chi tiết lá cờ “Quyết chiến quyết

thắng” Bác trao cho quân đội tung bay và bàn tay người chỉ đường, bàn tay Người vẫy đoàn quân trong bộ phim này có thể coi là hình tượng nghệ thuật rất độc đáo, rất xúc động mà các tác giả đã gửi gắm vào đây tất cả các tâm tình ý nguyện của mình, cũng là tâm tình ý nguyện của các lực lượng vũ trang với Bác.

Trong phim *Hà Nội bản hùng ca*, bộ phim làm về cuộc đổ sức ác liệt giữa quân đội Thủ đô với trận tập kích chiến lược bằng B52 của đế quốc Mỹ đánh vào Hà Nội 12 ngày đêm cuối tháng chạp năm 1972, biên tập và đạo diễn Phan Quang Định đã có cả một trường đoạn rất xúc động về Bác Hồ (tám rằm trong căn nhà Bác lay động, lời Bác kêu gọi ngày 17/7/1966). Trong phim “Muôn vàn tình thân yêu”, bộ phim tập trung suy nghĩ gần như một đời của Phan Quang Định về Bác lại có những trường đoạn, những hình ảnh thấm đượm tình cảm của quân đội và dân tộc với Bác. Như sống lại trong ông những câu thơ của nhà viết kịch Mịch Quang trong bài thơ “Ảnh Cụ Hồ”: *Ảnh Cụ tuy không treo/ Hình Cụ đâu cũng có*.

Trong “Muôn vàn tình thân yêu”, đoạn A Ma Hãn giờ cao tấm ảnh Bác với lời nói thiết tha: “Bác Hồ ở trong trái tim ta đây” trong khi ngực anh đã đổ máu là một trường đoạn có sức biểu cảm rất sâu sắc, cho thấy sức mạnh của niềm tin, của đức tin như một tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên cũng như đồng bào cả nước nói chung với lãnh tụ.

Ở bộ phim “Về giữa lòng miền Bắc”, hình ảnh Bác thật thân thiết, gần gũi, yêu thương với những người con ưu tú của miền Nam được ra thăm Bác. Cái vuốt râu triu mến và cái nhìn đầy yêu thương của Người với Trần Dương, Huỳnh Văn Đáng, rồi những chi tiết Bác đứng giữa hàng quân, Bác cưỡi ngựa, Bác chống gậy đi chiến dịch trong “Bác đi chiến dịch” của Phạm Quốc Vinh và đặc biệt bộ phim ông làm về “Những giờ phút cuối đời của Bác”, lần đầu tiên Điện ảnh Quân đội được công bố về những thước phim tư liệu mà đơn vị do hai nhà quay phim Nguyễn Thanh Xuân và Trần Anh Trà ghi được, có thể coi là

những đoạn phim đặc sắc trong những bộ phim đặc sắc của Điện ảnh Quân đội về Bác Hồ. Ngay trong “Miền Nam với Bác” của Lê Văn Vọng, Lê Hợi, những hình ảnh về đồng bào miền Nam trong vùng địch tạm chiến tổ chức lễ truy điệu lập đền thờ, phủ thờ tưởng nhớ Bác cũng là những đoạn phim, thước phim đầy ấn tượng, xúc động. Các bộ phim “Hai mươi năm ấy” của Phạm Ngọc Cảnh, Trần Duy Hình nói về bộ đội bảo vệ lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Ngày xuân bên lăng Bác” của Dương Minh Đẩu, Phạm Thành, Trần Trọng Hiền nói về tình cảm của các thế hệ người Việt Nam với Bác; “Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh” của Bùi Đắc Ngôn, Vũ Văn Chính, Nguyễn Xuân Nghiệp về 35 năm bộ đội và nhân dân xây dựng công trình lăng Bác và bảo quản thi hài Bác với những cảnh, những lời thiêu liêng trân trọng, thấm thiết nhất của người làm phim quân đội với Bác đã thêm những nhịp đập nối tiếp nhau tôn vinh niềm kính yêu trân trọng lãnh tụ và khẳng định ý chí của cả dân tộc quyết đi con đường của Bác, nguyện thực hiện bằng được những lời Người di chúc. Với “Bác Hồ trong những thời khắc lịch sử”, Nguyễn Thành Lập và Phạm Huyền lại góp một tiếng nói khác về thiên tài quân sự lỗi lạc của Người và lẽ sống một đời vì dân, vì nước của lãnh tụ. Rồi “Nguyện cùng Người” của Trần Thanh Hiệp, Lê Thi nói về 35 năm thực hiện Di chúc của Người... Nói như cố thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân sinh động những gì đẹp đẽ, cao quý nhất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam, là “Tinh hoa dân tộc”, “Lương tâm khí phách thời đại”, những bộ phim làm về Bác của Điện ảnh Quân đội chính cũng là sự diễn giải, sinh động cụ thể lời nhận định ấy cùng tấm lòng của nhân dân đất nước, tấm lòng của các nghệ sĩ với Người.

Bác đã đi xa nhưng di sản quý báu Người để lại qua những thước phim, bộ phim của Điện ảnh cả nước trong đó có Điện ảnh Quân đội làm về Bác vẫn ánh lên những nét đẹp, những lẽ sống bất diệt của một con người, một trái tim vĩ đại.

LÀM PHIM TÀI LIỆU LỊCH SỬ

PHAN ĐÌNH MẬU

Phim lịch sử chiếm một vị trí quan trọng trong nền điện ảnh tài liệu. Ở nước ta số lượng phim tài liệu lịch sử tương đối nhiều và trong quá trình phát triển cũng đã có thể rút ra những suy nghĩ, những kết luận.

Trong loại phim tài liệu lịch sử nói chung có thể phân chia mấy loại nhỏ, tiêu biểu sau đây:

- Loại phim tài liệu lịch sử chân dung, nói về những nhân vật lịch sử, ví dụ phim về Bác Hồ.
- Loại phim tài liệu lịch sử về Đảng, về những chặng đường hoạt động của Đảng.
- Phim tài liệu lịch sử về đất nước.

Chúng ta đã có những bộ phim tài liệu lịch sử như:

Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, Đường về Tổ quốc, Ba mươi năm hoạt động vẻ vang của Đảng, Chặng đường lịch sử vẻ vang, Chặng đường đi tới Điện Biên, Cuộc đọan đầu lịch sử v.v... Với những bộ phim như vậy chúng ta cũng thấy rõ vị trí của nó trong sinh hoạt chính trị của quần chúng. Mỗi bộ phim thường tổng kết một giai đoạn hoạt động quan trọng của Đảng, của đất nước hoặc của một con người lịch sử, và nó cũng nhằm để phục vụ cho một sự kiện lịch sử nào đấy, ví dụ như kỷ niệm ngày sinh, kỷ niệm ngày chiến thắng v.v...

Làm phim tài liệu lịch sử phải đảm bảo tính chân thực lịch sử của nó nhưng lại phải đứng trên quan điểm của hiện tại và phải phục vụ cho yêu cầu của hiện tại.

Bàn về văn học nghệ thuật, Mác đã nói: "Dựng lại các nhân vật, các anh hùng trong quá khứ là để nói được một điều gì đó với con người hiện tại, chứ không phải là để triệu "cái bóng ma" ấy trở về một lần nữa". Một điều hết sức khó khăn cho những người làm phim tài liệu lịch sử ở nước ta là không có hoặc ít có phim tư liệu, hồ sơ, tài liệu lịch sử. Nhiều anh em làm phim phải kêu là không thể nào xoay xở được, "có bột mới gột nên hồ", v.v. Khâu quay phim tư liệu của ta không có hoặc còn ít, do việc tổ chức các viện lưu trữ và sưu tầm lưu trữ các tài liệu hiện vật của ta chưa có hệ thống. Có những bộ phim mà chúng ta phải nhờ vào nguồn phim tư liệu của nước ngoài hoàn toàn. Ví dụ như những bộ phim nói về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch ở các nước ngoài, và ngay cả bộ phim ngày tuyên bố độc lập trên quảng trường Ba Đình lịch sử 2-9-1945 cũng do một Việt kiều của ta tại Pháp tặng. Trong trường hợp như vậy chúng ta không thể đòi hỏi nhiều ở tác giả. Cho nên muốn làm phim tài liệu lịch sử tốt, một vấn đề quan trọng là phải có công tác tư liệu phim và các tư liệu hồ sơ tài liệu khác tốt. Ở các nước người ta đã có ý thức này từ lâu. Tổ chức tư liệu lưu trữ của họ rất lớn.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Liên Xô đã đưa hơn 250 nhà quay phim ra mặt trận, đã quay được trên 5 triệu mét phim. Và trong mấy chục năm qua Liên Xô đã khai thác nguồn tư liệu này để làm rất nhiều bộ phim tài liệu lịch sử và phim truyện.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta cũng đã quay được một số phim tư liệu, nó sẽ giúp ích cho những bộ phim tương lai của chúng ta sau này.

Một trong những bộ phim tài liệu lịch sử đầu tiên của chúng ta đến nay vẫn làm xúc động người xem trong nước cũng

như trên thế giới là bộ phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Nó thể hiện sự đóng góp của nhiều nhà quay phim của nền điện ảnh non trẻ của chúng ta và nhà điện ảnh nổi tiếng của Liên Xô Rô-man Các-men. Bộ phim ghi lại quá trình diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ từ giờ phút chuẩn bị cho đến giờ phút kết thúc, mà cao điểm là trận đánh vào đồi Độc Lập bắt sống tướng Đờ Cát-tơ-ri và toàn bộ chỉ huy cứ điểm. Hàng ngàn vạn tù binh lũ lượt kéo nhau ra hàng. Và cũng vô cùng hân hoan phấn khởi khi đoàn quân chiến thắng trở về, đồng bào các dân tộc Tây Bắc đón mừng với bài hát mà âm hưởng của nó cho đến bây giờ như đang vẫn còn vang lên trong lòng mỗi người dân chúng ta.

Một bộ phim tài liệu lịch sử khác được hoàn thành vào năm 1960 nhân dịp mừng thọ Bác Hồ 70 tuổi, do nguyên giám đốc Xưởng phim thời sự Tài liệu Trung ương Nguyễn Quang Hưng và một số anh em thực hiện. *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* là tên của bộ phim. Nếu ai đã từng tham quan Viện bảo tàng cách mạng vào những thời kỳ đó hẳn sẽ nhớ là bộ phim được chiếu liên tục ở bảo tàng phục vụ khách trước lúc vào xem. Bộ phim gây xúc động lớn trong nhân dân Việt Nam và các khách nước ngoài. Chủ đề chính của phim là mối dây liên hệ giữa lãnh tụ và nhân dân. Mọi việc làm, mọi suy nghĩ của lãnh tụ đều vì cuộc sống của nhân dân, giải phóng mọi đói nghèo áp bức cho nhân dân. Sau này, bộ phim khác về Bác cũng phát triển theo chủ đề này, giải quyết mối dây liên hệ giữa lãnh tụ với nhân dân. Tuy nhiên ở mỗi phim được nhấn mạnh tập trung vào một vấn đề cụ thể, ví dụ phim *Đường về Tổ quốc* tập trung nói về ý chí nghị lực của Bác vượt qua mọi khó khăn trở lực để về Tổ quốc kịp lãnh đạo cách mạng Việt Nam nổi dậy giành chính quyền. Hoặc như phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* tập trung nói về việc Bác đến với chủ nghĩa Lê-nin, Bác tìm ra con đường cứu nước ở chủ nghĩa Lê-nin. Nhưng trùm lên trên đó vẫn là việc giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu dân của Bác.

Làm phim tài liệu chân dung về Bác có một điều khó là trong thời gian hoạt động của Bác nền điện ảnh Việt Nam chưa ra đời. Không có người quay phim để quay được những tư liệu về Bác. Thứ hai là Bác rất ít cho quay phim chụp ảnh về Bác. Bác bảo để dành những thước phim đó quay bộ đội chiến đấu, công nhân, nhân dân sản xuất. Đồng chí Nguyễn Quang Huy kể lại rằng ngày đồng chí quay bộ phim *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, đồng chí phải giấu không cho Bác biết. Thế nhưng hàng ngày đồng chí phải đem máy quay phim vào Phủ Chủ tịch để "quay trộm" Bác. Một hôm Bác hỏi:

- Chú làm gì mà cứ quanh quẩn ở đây?

Đồng chí Quang Huy trả lời:

- Dạ, thưa Bác. Cháu được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ quay một bộ phim về Đảng nhân kỷ niệm 30 năm thành lập.

- Quay phim Đảng sao chú không đến các đơn vị bộ đội, các công nông trường xí nghiệp mà quay các chi bộ, các đảng viên? - Bác hỏi lại.

- Dạ! Quay phim về Đảng nhưng trước hết phải quay về Bác ạ. - Đồng chí Quang Huy chống chế, gãi đầu gãi tai rồi cười.

Hôm quay xong đưa vào Phủ Chủ tịch chiếu để xin ý kiến Bác. Xem xong Bác bảo:

- Khi quay phim các chú có hỏi ý kiến Bác đâu. Bây giờ quay xong rồi còn hỏi làm gì nữa.

Nói thế nhưng rồi Bác cười gật đầu và bảo:

- Lần này thì thôi. Nhưng lần sau thì không được làm thế nữa.

Cái khó về Bác là như vậy nhưng cũng có cái dễ là vai trò quốc tế của Bác lớn lao. Nhiều nước trên thế giới còn giữ các hồ sơ, tài liệu và phim tư liệu về Bác. Dần dần chúng ta sẽ khai thác để làm tiếp các bộ phim về Bác.

Để khắc phục cái khó khăn về phim tư liệu, người ta đã khai thác những tư liệu sống. Tức là dùng những con người đang sống, nói lại, kể lại, dựng ảnh, tượng, các tài liệu số liệu để minh họa. Trong những phim về Bác Hồ như *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin*, *Đường về Tổ quốc* đã nhờ nhiều cán bộ đảng viên hoạt động với Bác ở Quốc tế Cộng sản hiện nay còn sống kể lại. Đây không những là nguồn tài liệu bổ sung mà còn là những nhân chứng làm tăng thêm tính chân thực, sức thuyết phục cho phim.

Phim *Chặng đường lịch sử vẻ vang* cũng sử dụng nhiều phương pháp này. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Văn Lương, Nguyễn Thị Thập, Hà Huy Giáp và nhiều cán bộ đảng viên hoạt động từ thời 30-45 kể lại. Nhiều đoạn kể rất xúc động, ví dụ đoạn kể về nhà tù Côn Đảo của đồng chí Hà Huy Giáp, đoạn kể về việc thành lập đội Tuyên truyền giải phóng quân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đoạn kể của Bà Sáu Mập về chị Nguyễn Thị Minh Khai và 18 thôn vườn Trầu, v.v...

Phương pháp sử dụng tranh ảnh và tượng cũng đem lại hiệu quả đáng kể cho loại phim này. Trong phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin*, tác giả đã dùng bức tượng bốn người khiêng quan tài Lê-nin thay cho đám tang thật của Lê-nin, phim tư liệu không có được cảnh này. Thủ pháp lặp đi lặp lại nhiều lần đã gây ấn tượng chân thực, mạnh mẽ.

Trong phim *Chặng đường lịch sử vẻ vang* cảnh chiến thắng trên sông Bạch Đằng, cảnh đại thắng ở gò Đống Đa, cảnh nổi dậy của phong trào Xô-viết - Nghệ Tĩnh năm 30 v.v... đều là những bức ảnh lớn. Ở đây còn kết hợp cả yếu tố âm thanh tạo giả như tiếng ngựa hí, quân reo, trống thúc v.v... đã tạo sức sống cho cảnh phim, gây không khí và cảm giác chân thực trong người xem.

Phim tư liệu rất cần để làm phim tài liệu lịch sử, nhưng một điều cũng quan trọng không kém là sử dụng phim tư liệu như thế nào. Có những trường hợp tác giả chìm ngấp trong kho tư liệu phim và người xem cảm thấy là đã quá phung phí

nguồn tư liệu này mà phim vẫn không hay. Nó lại trở về một chân lý giản đơn là vấn đề tài năng, trình độ của tác giả. Trong trường hợp này có thể lấy dẫn ở một số phim của các tác giả nước ngoài làm về Bác Hồ. Phim *Bảy mươi chín mùa xuân* của Cu Ba, *Tên người là Hồ Chí Minh* của Liên Xô có một phần phim tư liệu là do chúng ta cung cấp, một phần là do bạn quay được ở trên đất nước ta. Xem kỹ phim này chúng ta vẫn thấy chặt chẽ hơn, sâu sắc hơn.

Phim *79 mùa xuân* có một trong những đặc điểm đáng nói là tính vận động của montage (dựng phim), nhịp độ của các cảnh phim rất nhanh, dồn dập, thôi thúc, tăng kịch tính và tính chính luận cho loại phim tài liệu. Tính vận động của montage này nằm ngay trong cấu trúc kịch bản văn học chứ không phải chỉ có trên dàn dựng.

Còn phim *Tên Người là Hồ Chí Minh* thì lại bộc lộ sự hiểu biết của các tác giả khá sâu sắc và tường tận về Bác Hồ. Vai trò của Bác đối với đất nước Việt Nam và thế giới, tri thức uyên thâm của Bác, tính nhân từ, độ lượng và cuộc sống giản dị làm nên tính cách riêng của Bác. Các tác giả tuy ở nước ngoài nhưng có cái nhìn rất tinh tế về Bác của chúng ta.

Người xem hiện nay có một băn khoăn đối với một số phim tài liệu lịch sử của chúng ta là sự trùng lặp ở một số cảnh phim, hoặc một số bộ phim. Trong nhiều phim về Bác Hồ có những cảnh trùng lặp cũng như trong những phim về Đảng.

Có thể giải thích là trong lịch sử đấu tranh cách mạng của đất nước ta, mối dây liên hệ giữa Đảng, Bác Hồ và đất nước là vô cùng khăng khít. Khi nói về Đảng không thể không nói đến Bác Hồ. Khi nói về Bác Hồ không thể không nói đến đất nước.

Một nguyên nhân nữa là có những phim lớn, bao quát một giai đoạn dài đôi khi là sự tổng hợp, hệ thống hóa lại để có một cái nhìn toàn cảnh hơn. Cho nên sự trùng lặp trong trường hợp này là cần thiết.

Năm 1980 ta phải thực hiện hai phim về Bác Hồ. Phim thứ nhất *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* nói về thời gian Bác Hồ sang Liên Xô để gặp Lê-nin nhưng không may Lê-nin lâm bệnh mất. Phim thứ hai *Đường về Tổ quốc* nói về giai đoạn Bác rời đất nước Liên Xô về Việt Nam kịp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tất nhiên sẽ còn tiếp quãng đời hoạt động của Bác từ 1945 đến 1969 khi Bác mất. Sự phân công như vậy cũng đã xác định giới hạn của mỗi phim và theo khả năng thuận lợi của từng Xưởng phim để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên sự thành công và niềm vui thích của người xem với các bộ phận này thì lại còn tùy thuộc ở nhiều yếu tố khác. Ví dụ bộ phim *Đường về Tổ quốc* được đông đảo người xem hào hứng và đánh giá cao hơn bộ phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* có thể một mặt do những tư liệu lịch sử trong phim này mới mẻ. Thứ hai là do nhịp độ khẩn trương dồn dập, do không khí sôi động của bối cảnh lịch sử thế giới trong giai đoạn đó và phong cách của phim cũng khác. Phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin* nhịp độ khoan thai, điềm tĩnh, có phần nghiêm trang luyến tiếc vì cái chết đột ngột của Lê-nin, cái tang lớn của nhân loại, người mà Bác mong được gặp.

Phim "*Chặng đường lịch sử vẻ vang*" cũng có ý kiến cho rằng chưa phát huy được sức mạnh của tính hấp dẫn nghệ thuật, đưa phim tư liệu về Bác Hồ vào phim hơi nhiều. Có thể cả hai ý kiến đó đều cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc.

Chúng ta còn phải tiếp tục làm các bộ phim tài liệu lịch sử. Vị trí của loại phim này trong nền điện ảnh tài liệu có ý nghĩa giáo dục to lớn của nó, tính chính trị, tính thời sự của nó đặt ra cho chúng ta những suy nghĩ về nhiều mặt. Thứ nhất là công tác quay phim tư liệu, tổ chức sưu tầm, lưu trữ các tài liệu, tư liệu. Thứ hai là sự phân công phân nhiệm và xác định yêu cầu cụ thể giới hạn cụ thể cho từng phim. Cuối cùng là việc thể hiện nó. Tức là toàn bộ dây chuyền hoạt động của sản xuất phim về mặt nghệ thuật và kỹ thuật.

Điều cần phải nói thêm là việc chỉ đạo sản xuất về mặt thời gian cho các phim lớn này thường chậm. Phim không kịp với yêu cầu của các ngày lễ, các đợt vận động chính trị. Ví dụ làm phim về Bác Hồ nhưng không ra kịp vào ngày sinh của Bác Hồ, phim làm về Đảng nhưng không ra kịp vào trong thời gian kỷ niệm thành lập Đảng. Một số phim tài liệu lịch sử và cả phim truyện nữa làm để phục vụ cho những ngày lễ lớn trong năm 1980 đều ra muộn hoặc sát vào ngày kỷ niệm không kịp in hàng loạt để cung cấp cho mạng lưới phổ biến phim, không kịp làm công tác tuyên truyền ảnh hưởng đến tính thời sự của phim và cũng làm giảm bớt hiệu quả cảm thụ nghệ thuật trong người xem.

NHỮNG THUỐC PHIM VÔ GIÁ

NGUYỄN THANH XUÂN *kể*

Biết bao lần ông đã kể lại chuyện này cho đồng nghiệp và con cháu nghe. Thế mà khi tâm sự với chúng tôi, ông vẫn không giấu nổi xúc động. Gần 30 năm cầm máy quay phim, kỷ niệm nào đối với ông cũng đáng nhớ, nhưng có lẽ quý nhất là những ngày được sống bên Bác Hồ, ghi lại hình ảnh những giây phút cuối cùng của Bác. Ông Nguyễn Thanh Xuân, 67 tuổi, ở Liên Sơn 1, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An bồi hồi kể lại:

Ngày 29-8-1969, tôi và đồng chí Trà (người miền Nam) cùng một lái xe nữa được Tổng cục Chính trị điều đi làm nhiệm vụ đặc biệt. Chúng tôi sửa soạn máy móc, lau chùi sạch sẽ, chuẩn bị sẵn sàng nhưng không được biết sẽ đi đâu. Thế rồi xe đưa chúng tôi tới Phủ Chủ tịch. Mừng lắm, được gặp Bác thì còn gì vui sướng hơn, thế mà mắt ai cũng nhoà lệ khi trông thấy Bác. Lúc đó trông Bác yếu lắm rồi. Được gặp Bác là một bất ngờ, được ghi lại hình ảnh những ngày cuối cuộc đời của Bác lại là niềm hạnh phúc lớn lao. Hồi ấy đất nước còn nghèo, dù được ưu tiên nhưng những chiếc máy quay phim chúng tôi mang theo đều cũ và rệu rã. Mỗi lần bật máy, tiếng động phát ra làm chúng tôi ái ngại, sợ làm Bác tỉnh giấc. Tôi bèn nảy ra một ý: dùng các miếng xốp bao bọc quanh máy làm cách âm để tránh tiếng động. Một mình tôi "đánh vật" với hai chiếc máy quay phim cũ và liên tục nạp những cuộn phim mới vào các máy quay phim ấy. Chúng tôi đã dốc hết tâm trí vào đó và cho tới tận bây giờ tôi vẫn ước ao giá như lúc đó mình có những phương tiện kỹ thuật hiện đại như bây giờ thì những hình ảnh về Bác Hồ sẽ đẹp và rõ nét hơn nhiều.

Gần 10 ngày túc trực bên giường bệnh của Bác, ông đã sử dụng hơn 5.000m phim nhựa ghi lại những sinh hoạt cũng như những khoảnh khắc cuối đời Bác. Đó là những lúc đồng chí Võ Nguyên Giáp xới cơm mời Bác, những lời dặn dò của Bác với các đồng chí trong Bộ Chính trị... Cho tới khi Bác Hồ trút hơi thở cuối cùng vào lúc 9h47' ngày 2-9-1969, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh... đã ôm hôn thi thể Bác.

Ông là phóng viên duy nhất được Tổng cục Chính trị điều đi làm nhiệm vụ đặc biệt này. Khi những thước phim ông quay được chiếu trên truyền hình, ông không giấu nổi xúc động. Năm 1997, khi về nghỉ hưu, ông vẫn không quên nhấn nhủ với các đồng nghiệp ở Xưởng phim Quân đội làm sao cho số tư liệu về những ngày cuối đời của Bác Hồ được bảo quản chu đáo và sử dụng có hiệu quả, vì đó là kho tư liệu quý. Mãi tới dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Bác Hồ, ý nguyện của ông mới thành hiện thực khi người làm phim tư liệu về Bác là Phạm Quốc Sinh phối hợp với đồng chí Vũ Kỳ cho ra đời một bộ phim mới dùng những hình ảnh tư liệu do ông quay. Đặc biệt năm 1991, đoàn làm phim của Đảng Cộng sản Pháp sang làm phim về Bác Hồ đã về tận Kim Liên đón ông ra Hà Nội. Và mỗi lần ra Hà Nội ông không thể không đến thăm "người bạn" đã cùng ông ghi lại những hình ảnh tư liệu quý giá ấy. Đó là chiếc máy quay phim nhãn hiệu Convat của Nga mang số hiệu 67083 ở Bảo tàng Quân đội.

Giờ đây, về nghỉ hưu ông mới có nhiều thời gian dành cho gia đình. Trong căn nhà tuềnh toàng theo nếp xưa, ông cùng gia đình chăm sóc bà mẹ già nằm một chỗ, cùng con cái đi thăm đồng, thăm ruộng và tăng gia sản xuất. Rất nhiều người khách tới thăm ông và cũng rất nhiều người biết rằng không phải vì ông là người quê Kim Liên nên ông được Tổng cục Chính trị chọn để ghi lại hình ảnh cuối cuộc đời Bác Hồ, mà đó chỉ là sự tình cờ ngẫu nhiên, sự trùng hợp may mắn của cuộc đời ông.

THU HƯƠNG - THANH THUỶ ghi

BÁC HỒ TRONG PHIM ẢNH

QUANG HUY

Từ trước đến nay, phim tài liệu của ta đã ghi lại được nhiều hình ảnh của Hồ Chủ tịch. Có những phim tài liệu phóng sự dài ghi trọn vẹn các cuộc Bác đi thăm các nước trên thế giới, và phần lớn là những đoạn phim thời sự ngắn thường xuyên về hoạt động của Bác.

Qua những phim đó, đồng bào ta bất cứ ở đâu cũng đều được luôn luôn thấy Bác, được học tập sâu thêm ở Bác đạo đức, tác phong cần cù, giản dị, được thấy rõ Bác vẫn khoẻ mạnh, hồng hào, và nhất là Bác gắn bó thật thắm thiết với cán bộ, nhân dân như ruột thịt.

Chính những đoạn phim ấy trước tiên giáo dục trực tiếp cho chúng tôi, những người làm phim, học tập, noi gương Bác, tận tụy đem hết sức mình phục vụ nhân dân không biết mệt mỏi.

Biết tác dụng của mỗi đoạn phim về Bác lớn lao như vậy, nên chúng tôi thường lấy số thước phim dài hơn một ít vì nếu ngắn quá khi chiếu bà con thấy lướt nhanh, sẽ không thoả mãn.

Mặc dù có khi chỉ là những đoạn phim thời sự, những cán bộ quay phim đều cho việc quay Bác là khó nhất. Không những vác máy quay chạy theo kịp được chân Bác đã khó, Bác còn rất linh hoạt, khẩn trương và rất chủ động trong công việc. Không nhanh trí, nhanh tay điều khiển máy và chỗ đứng để đón trước thì thường bị lỡ, chẳng quay được gì cả. Nhiều đồng chí mỗi khi đi quay về thường xuýt xoa tiếc mãi những cảnh này, cảnh nọ không quay kịp. Nhưng rồi chịu khó rút kinh nghiệm, ngày một chu đáo hơn, nên những hình ảnh quay được về Bác càng thêm phong phú.

Hình ảnh về Bác trong kho tàng tư liệu của xưởng tích trữ được đến nay cũng đã khá nhiều. Các cán bộ quay phim già, trẻ, cũ, mới, ai cũng đã có phần đóng góp cả. Có những thước phim đầu tiên quay được về Bác từ mười tám năm nay, lúc Bác đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày mùng Hai tháng Chín ở Ba Đình. Có những thước phim do những nhà quay phim Việt kiều ở Pháp quay năm 1946, có lúc Bác nhân danh vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, sang thăm nước Pháp. Giờ xem lại rất đáng tự hào. Có những thước phim quay được về Bác lúc gian khổ trong kháng chiến, mà người quay trong buổi mới còn rất vụng về. Tất cả đều được gìn giữ toàn vẹn. Vì đoạn nào cũng có một giá trị lịch sử duy nhất.

Mỗi nhà quay phim người nước ngoài đến thăm Việt Nam đều xin được gặp Bác và được quay phim về Bác mới thoả tình.

Một đồng chí chuyên gia điện ảnh Trung Quốc, trong thời gian ở Việt Nam đã cố tranh thủ quay được gọn một bộ phim tài liệu giới thiệu riêng về sinh hoạt của Bác để mang về nước. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh của nhà quay phim vô tuyến truyền hình trong phái đoàn Nhật Bản sang thăm nước ta trước đây. Anh được Bác hẹn sáng hôm sau tiếp và đồng ý để anh quay phim. Suốt đêm trước, anh không ngủ, cứ loay hoay chuẩn bị kiểm tra máy móc, rồi thao thức chờ trời sáng để đi. Bác tiếp anh vào một buổi sáng sớm, dưới bóng mát ngoài vườn, thế mà anh cứ lã chã mồ hôi, ướt đầm cả cái áo mới trong lúc quay phim. Lúc đó, anh quay rất nhiều, nhưng vẫn bồn chồn lo lắng. Mãi đến hôm sau, lúc nhờ chúng tôi tráng hộ, thấy phim tốt cả anh mới yên lòng, vui mừng lộ hẳn ra trên nét mặt. Anh vừa trang trọng nâng niu phim, vừa nói: "Đây là phút cảm động và vinh dự nhất trong đời làm phim của chúng tôi, vì được Bác là một vị lãnh tụ vĩ đại tiếp thật chí tình. Ước mơ của chúng tôi đã toại nguyện". Anh còn nói chắc chắn rằng nhân dân Nhật sẽ vô cùng sung sướng khi được thấy những hình ảnh này chiếu rộng rãi trên đất Nhật vốn sẵn cảm tình với nhân dân Việt Nam và rất hâm mộ uy danh của Bác.

Mùa xuân năm 1960, khi làm bộ phim *Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, chúng tôi xin phép được vào thăm chỗ Bác ở. Nhân lúc Bác còn đang làm việc ở ngoài, chúng tôi xin vào phòng riêng của Bác. Cảm nghĩ của chúng tôi lúc đó thật là sững sốt, giường Bác trải chiếc chiếu con mọt mọt, đầu giường một cái gối vải xếp ngay ngắn. Dưới gầm có một đôi guốc đã cũ. Góc phòng một chiếc tủ nhỏ xinh xinh; ở trong, một bên treo hai bộ quần áo ka-ki thường thấy Bác vẫn mặc, Bác một bên, tuy có ba ngăn, nhưng chẳng ngăn nào đầy. Một cái va-li nhỏ, một cái chăn dạ, và dưới cùng là hai đôi giày. Vén vén chỉ có thể nhưng rất gọn gàng, ngăn nắp. Chúng tôi hết sức xúc động khi ghi những hình ảnh đó.

Lúc trở ra, trời đã chiều, hết giờ làm việc. Chúng tôi gặp Bác đang làm vườn. Bác vun gốc một cây vú sữa miền Nam còn nhỏ, và mức nước tưới cho cả các cây khác của Bác trông. Chúng tôi lại xin Bác cho quay phim. Bác không từ chối.

Đoạn phim sinh hoạt của Bác mà chúng tôi quay được lúc đó, so với những đoạn đã quay tám, chín năm về trước ở Việt Bắc, nội dung không khác mấy. Bác vẫn giản dị như thế và vẫn làm công việc tăng gia trong giờ nghỉ.

Tôi nhớ có lần đem đoạn phim quay được Bác đứng trên lễ đài ở Mát-xcơ-va cùng các vị lãnh tụ khác dự lễ kỷ niệm bốn mươi năm Cách mạng tháng Mười, về chiếu lên, thấy Bác mặc áo "pa-đờ-xuy" và đội mũ lông cừu, tất cả anh em đều reo lên và nói: "Chỉ có cái rét Liên Xô mới bắt được Bác mặc thêm đồ ấm đó". Và cũng chỉ có một đoạn phim ấy là thấy Bác ăn mặc "đặc biệt".

Trong các phim, có nhiều đề tài Bác đi thăm khắp đất nước từ thành thị đến nông thôn, miền núi, tiếp xúc với đồng bào, bộ đội và nhiều nhất là hình ảnh thiếu nhi với Bác. Từ ngày hoà bình lập lại, Bác cũng đã dành thì giờ đi thăm các cơ sở cách mạng, nơi Bác ở ngày xưa, hang Pác Bó lịch sử và về Kim Liên, quê hương Bác. Hầu như Bác không bỏ sót một ngành nào, và

Bác yêu mến tất cả mọi ngành mọi giới, từ công nông đến khoa học kỹ thuật, văn nghệ... Bác đi thăm tất cả, nhớ đến tất cả.

Bác thăm xưởng phim một lần, vào năm 1960. Bác đến thăm không báo trước, làm chúng tôi sửng sốt. Và từ sửng sốt đến bàng hoàng, rồi lúng túng, vì cảm động quá, không biết nói gì với Bác. Bác xem xét rất chi tiết mọi công việc làm phim, hỏi han mọi người và dặn phải làm tốt để phục vụ đồng bào.

Đối với anh chị em làm công tác báo chí và nghệ thuật Bác thường dành cho những tình cảm đặc biệt.

Có lần gặp Bác ở Thái Nguyên, đông đủ cả quay phim, nhiếp ảnh, nhà báo, chúng tôi đánh bạo xin được đứng chụp ảnh cùng với Bác làm kỷ niệm. Bác đồng ý ngay. Thế là vừa ăn cơm trưa xong, Bác không nghỉ, ra chỗ chúng tôi bố trí chụp ảnh. Bác chỉ cười khi thấy chúng tôi chen nhau chỗ đứng để ai cũng được gần Bác nhất trong tấm ảnh kỷ niệm hiếm có này.

Vào năm 1951, đồng chí Lê Minh Hiền, một cán bộ quay phim ở Nam Bộ, ra chiến khu Việt Bắc. Anh vinh dự và cũng là may mắn, được ở gần Bác ngay những ngày đầu tiên đến chiến khu. Anh có cái máy quay nhỏ mang theo từ Nam Bộ, và tuy chỉ có mấy cuộn phim ít ỏi, anh đã tận dụng hướng vào một số sinh hoạt của Bác để quay. Quay được cả những cảnh Bác dậy sớm đang tập thể dục buổi sáng, Bác ra suối ngồi câu cá buổi trưa, Bác rào vườn trong giờ tăng gia và đánh bóng chuyền với các anh em trong giờ nghỉ... Hồi đó, trông Bác gầy quá. Chỉ có râu tóc là chưa bạc như bây giờ.

Những hình ảnh chân thực ấy đã nói lên dù chỉ là phần nhỏ về cuộc đời và đức độ của Bác, làm cho mọi người đều cảm phục từ đáy lòng, kính yêu từ tim óc.

Bất cứ ở đâu, khi màn ảnh chiếu lên hình ảnh Bác, cảm tưởng của người xem đều như được gặp Bác thực sự, thấy Bác đến với chính mình và không muốn hình ảnh đó đi qua. Một sức

cảm hoá tự nhiên thấm sâu vào lòng mọi người. Tấm gương tinh thần tận tụy hy sinh phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân suốt đời chẳng quản, và đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư cao cả của Bác như bao trùm lên tất cả. Ai cũng tự thấy mình học còn chưa đủ, còn phải học, học nhiều hơn nữa ở Bác.

Các nhà điện ảnh quốc tế, mỗi khi đến Việt Nam đều muốn xin thêm những đoạn phim thời sự về Bác. Ai cũng dặn dò chúng tôi phải cố tìm cách quay nhiều nữa về Bác, vì theo các đồng chí, như thế cũng vẫn chưa đủ cho lịch sử. Các đồng chí thường lấy ví dụ những đoạn phim quay được về Lê-nin, ngày nay cả thế giới đều trân trọng giữ gìn.

Nhớ lại lúc còn tay không, phim máy chưa có thì đành chịu, huống hồ bây giờ phương tiện tạm gọi là đầy đủ, chúng tôi tự nhận thấy còn phải cố gắng nhiều hơn nữa để quay được thêm nhiều hình ảnh Bác.

VỀ BỘ PHIM

“NGUYỄN ÁI QUỐC ĐẾN VỚI LÊ-NIN”

TRUNG SƠN

Cuộc đời của Hồ Chủ tịch, càng đi sâu, càng tìm hiểu, ta càng thấy thêm tầm rộng lớn.

Chỉ riêng trong lĩnh vực điện ảnh, phim tài liệu, sau những bộ phim *Vài hình ảnh về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (sản xuất năm 1960), và *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh* (sản xuất năm 1975) và một số bộ phim khác, đến nay, nhân ngày kỷ niệm Đảng ta 50 tuổi và kỷ niệm 30 năm ngày nước ta thành lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô, chúng ta lại có thêm một bộ phim tài liệu nữa nói về những hoạt động của Người. Đó là bộ phim *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin*, do Hồng Hà viết kịch bản, Bùi Đình Hạc làm đạo diễn, Đỗ Duy Hùng quay phim, Thép Mới viết lời bình, Đàm Linh soạn nhạc... Bộ phim do Xưởng phim Thời sự tài liệu Trung ương sản xuất. Với tính chân thực của thể loại phim tài liệu, người xem hết sức xúc động khi thấy lại hình dáng Người với những hoạt động vô cùng sôi nổi, phong phú của một chiến sĩ cộng sản lớn. Qua từng tư liệu, dù đó là bài báo, là tấm ảnh, cho đến những thước phim quay thật về Bác cách đây hàng 60 năm, người xem vẫn luôn tìm thấy những điều mới mẻ, luôn khám phá thấy những điều cao đẹp trong con người Bác. Người làm phim ở đây, dù cố gắng đến đâu, thực sự cũng chỉ là làm công việc sưu tầm tư liệu lịch sử và bố cục hình ảnh cho thật chân thực. Vì so với cuộc đời Bác, làm sao một vài bộ phim có thể nói đủ! Từng hình ảnh chân thực có giá trị về Bác đã lay động

tâm hồn người xem, khiến người xem bồi hồi xúc động dõi theo những bước chân của Bác, Người đã bằng hành động cách mạng thực hiện điều mong muốn tốt bậc của mình: *muốn cho đất nước ta được độc lập, nhân dân ta ai cũng có cơm no áo ấm, ai cũng được học hành.*

Bộ phim *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh* nói về thời gian Bác hoạt động ở Pháp vào những năm 20. Ở đó tại ngôi nhà số 9 ngõ Công Poăng - Pa-ri, Bác đã được đọc bản *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin. Đây chính là con đường giải phóng dân tộc mà Bác hằng ước mơ. Tới *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin*, bộ phim khuôn lại trong hai năm 1923-1924, thời gian Bác rời Pháp, đến với đất nước Xô-viết, đến với Lê-nin. Từ đó, Người chiến đấu dưới lá cờ của Lê-nin và trở thành một chiến sĩ quốc tế và một nhà yêu nước vĩ đại. Và mối tình anh em Việt - Xô cũng bắt nguồn từ những ngày đó. Đây chính là chủ đề đặt ra cho bộ phim dài 6 cuốn này.

Một chuỗi hình ảnh liên tiếp, khi là nhiều màu sắc rực rỡ, khi chỉ là hai màu đen trắng. Xen kẽ những hình ảnh quay trực tiếp, có khi chỉ là một tĩnh vật như tư liệu báo chí, tranh ảnh, hiện vật... Và đặc biệt quý, trong phim này, ta thấy hình dáng Bác từ những năm 1923-1924 tại Đại hội Quốc tế lần thứ 5, tại Đại hội nông dân quốc tế, trên đài Lê-nin vui chơi với các bạn bè Xô-viết... do những nhà quay phim Xô-viết ghi lại từ hồi ấy. Những thước phim và những tư liệu đó được lưu trữ hết sức cẩn thận trong các viện phim, các thư viện quốc gia, viện Mác-Lê-nin ở Liên Xô... Và tới nay, lần đầu tiên những hình ảnh đó đến với người xem. Những thước phim tư liệu dù rất ngắn, nhưng với phương pháp dựng hình, ghi chậm lại, và từ trung cảnh rút lại cận cảnh, các tác giả đã giúp cho người xem thấy rõ hơn về Bác, với nét mặt, dáng nét của người thanh niên ở tuổi 30.

Xem phim mà lòng bồi hồi, xúc động biết bao như được dõi theo bước chân Bác đến với Lê-nin. Một con tàu, một hồi còi rúc lên... Con tàu mang tên Các Líp-nếch với người thuyền

trường Xô-viết An-tô-nốp, năm 1923. Một tấm hộ chiếu dán ảnh Bác với tên Trần Vương ghi ngày Bác đặt chân lên mảnh đất Xô-viết: 30-6-1923. Từ những hình ảnh tĩnh ghi các hiện vật trên, máy quay bỗng như rung động dõi theo ngọn hải đăng của cảng Pê-trô-grát qua con kênh, vào bến số 7. Con tàu Các Líp-nếch neo lại, một người thanh niên bước lên bờ. Hình ảnh rục rờ, tràn ngập ánh nắng và sắc màu. Cánh hải âu chấp chới. Biển xa biêng biếc. Con tàu rẽ sóng, phấp phới lá cờ búa liềm. Qua màn ảnh, những ngày đen tối, những giây sức truy lòng của Sở mật thám Pháp về người yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã nhường cho cảnh vật rục rờ sắc màu của đất nước Lê-nin, đất nước của tự do. Hình ảnh phim như cổ dõi theo những giờ phút lịch sử ấy. Đó là một ngày nắng đẹp: ngày 30 tháng 6 năm 1923. Chẳng phải chỉ tư liệu ghi lại đó là một ngày nắng (các đồng chí làm phim đã phải nghiên cứu thời tiết ngày đó, con đường tàu Các Líp-nếch vào bến), mà lòng người xem cũng nghĩ chắc chắn đó phải là một ngày nắng đẹp. Hình ảnh phim lướt nhẹ, như vương vẩn theo bước chân Bác. Và cứ thế phim đưa ta đến với năm tháng cách đây trên 60 năm, ở Pê-trô-grát, ở Mát-xcơ-va, ở U-krai-na... Tại đó, từng vết tích lịch sử được gìn giữ trân trọng về cuộc đời hoạt động sôi nổi, phong phú, kiên cường của Bác, lần lượt hiện lên. Khỏi phải kể công phu gìn giữ và sưu tầm ghi chép vào phim và ảnh của các nhà điện ảnh, nhà văn, nhà báo... của biết bao người Xô-viết làm công việc lưu trữ ở các viện phim, xưởng phim, thư viện... ở Liên Xô. Các đồng chí ở tổ làm phim, với nửa năm làm việc, đã phải bỏ bao công sức để tìm hiểu, xác định, đối chiếu, xây dựng lại những hình ảnh đó đứng bên nhau, trong một thể chuyển động, để người xem thấy được cả một phong trào cách mạng sục sôi dâng lên, trong đó có một chiến sĩ quốc tế kiên cường - đó là Bác của chúng ta. Qua cách làm đó, hình ảnh có khi chỉ là một tĩnh vật như một bài báo, một gian phòng, v.v... cũng trở nên sống động lạ thường.

Tư liệu ảnh, bài báo, sách, các nhân chứng như cụ xã viên Gri-gô-ri ở U-krai-na, cụ Gô-lu-kô-va... là những người chứng kiến Bác hoạt động trong các Đại hội Quốc tế cộng sản, các di vật như phòng họp, nhà nghỉ, nơi làm việc xưa của Bác, những tấm ảnh Bác chụp chung với các đồng chí cộng sản quốc tế: Nhật, Mỹ, Pháp, Anh v.v... những thước phim Bác dự Đại hội quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần 5, vui chơi trên đồi Lê-nin với dân chúng Mát-xcơ-va... tất cả được sắp đặt chân thực giản dị như cuộc đời Bác. Không có một nét thể hiện nào xa lạ, cầu kỳ trong kỹ thuật dựng phim. Do đó đường dây của phim đưa người xem lần lại lịch sử, bồi hồi nhìn góc khách sạn *Lux* ở Mát-xcơ-va, nơi đó Bác nghe tin Lê-nin mất. Rồi với bộ quần áo phong phanh, Người đi viếng Lê-nin. Hình ảnh phim gợi lại một đêm đông. Viếng Lê-nin về, người lạnh cóng, cả đêm Nguyễn Ái Quốc không ngủ, với bình trà nóng, Người viết bài báo *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa* đăng trên báo *Sự Thật* số ra ngày 27-1-1924. Từ đó phim thể hiện lại những hoạt động vô cùng rộng lớn của Bác, với hàng loạt các bài báo đánh vào chủ nghĩa thực dân, đòi quyền sống cho các tầng lớp bị áp bức. Hình ảnh Người mảnh khảnh, nhanh nhẹn với đôi mắt sáng rọi vào khắp mọi nơi: châu Mỹ, châu Phi, châu Á... để thức tỉnh mọi người. Con mắt Người còn đau đáu nhìn về góc trời phương Đông, với làng quê Việt Nam nghèo khổ, với người dân Việt Nam làm thuê, gánh mướn, bị bóc lột cùng cực...

Đến với đất nước Lê-nin, Người đón nhận tư tưởng của Lê-nin để trở về giải phóng dân tộc. Cuốn phim là một cảnh cảm động. Một tư liệu quý: giấy chứng nhận của Quốc tế Cộng sản bổ nhiệm Bác là thành viên của Bộ phương Đông, phụ trách Cục phương Nam. Trước giờ lên đường, tấm ảnh lưu niệm Bác chụp với các đồng chí quốc tế thân yêu. Có đồng chí vì phải giữ bí mật đã lấy tay che mặt trong tấm ảnh lưu niệm. Chỉ một tấm ảnh đó, một sự việc che mặt đó trong buổi chia tay, đã nói lên biết bao khó khăn của những người hoạt động cách mạng, trong đó

có Bác. Con tàu chạy về phương Đông, kèm theo là lời bình vang lên: "Bác Hồ đến với Lê-nin nối liền Việt Nam với thế giới mới, nối liền thế giới mới với Việt Nam".

Từ ngôi nhà số 9 ngõ Công Poăng tới những ngày Bác đến với Lê-nin, cho tới nay, mà một chặng đường đầy gian khổ nhưng hết sức vinh quang đã đưa dân tộc ta, đất nước ta đến một thế vững chắc, đẹp đẽ.

So với cuộc đời Bác, dù có cố gắng đến đâu, các tác giả phim cũng chỉ là ghi chép được một nét trong chặng đường vinh quang ấy của Đảng ta, của dân tộc ta, do Bác dẫn lối chỉ đường. Rồi đây, các nhà điện ảnh còn phải tiếp tục xây dựng những phim ghi lại cuộc đời hoạt động của Bác để hoàn thành một bộ sử thi bằng hình tượng điện ảnh nói về một con người đẹp nhất: Hồ Chí Minh - một chặng đường cách mạng đẹp nhất của dân tộc ta - chặng đường của thời đại Hồ Chí Minh.

NGÀY TẾT ĐI QUAY PHIM Ở ĐÔI CÂY "ĐÓN BÁC"

HỒNG NGHI

Tiếng pháo giao thừa nổ ran, tôi ngừng tay lau chiếc máy quay, hít dài một hơi thở đón mùa xuân và xúc động nghe lời chúc Tết của Bác:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.*

Lời thơ sang sảng, đầy hào khí. Cành đào ở góc phòng như thắm hơn. Mùa xuân đã đến, năm mới đã đến. Tôi lại cúi xuống bên chiếc bàn còn bệ bộn đồ nghề, phim nhựa, điều chỉnh nốt chiếc máy ngắm.

Và cứ thế tôi chập chờn trong giấc ngủ như mơ thấy điều gì hết sức phấn khởi và tràn đầy hy vọng...

Bốn giờ sáng, tôi mặc quần áo gọn gàng và cầm máy bấm cho chạy thử. Tiếng máy xè xè, ầm ập vang vọng khắp gian phòng. Quả nó đã không phụ công tôi lau chùi, sửa chữa suốt một đêm qua. Và tôi đến chỗ hẹn.

Sáng mùng một Tết. Mùa xuân như mặc chiếc áo mới cho cảnh vật. Xe lao qua các phố ở Hà Nội rực màu cờ, vượt qua ô Cầu Giấy, chạy băng băng trên mảnh đất màu mỡ của Hà Tây. Hai bên đường, rặng cây xanh hiện ra tít tắp trước mặt. Mười năm qua, từ ngày Bác Hồ phát động Tết trồng cây, biết bao rặng cây xanh đẹp đẽ như thế này đã vươn lên trên khắp nẻo đường của đất nước ta.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và anh em phóng viên quay phim,
chụp ảnh sau chuyến Người đi chúc Tết bộ đội, đồng bào Hà Bắc
(Xuân Đinh Mùi - 9/2/1967)

Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Sáng sớm hôm đó, có thể nói, chúng tôi đi giữa một màu xanh. Và giữa những màu xanh đó, điểm xuyết những cánh cò đỏ sao vàng tung bay trong từng xóm làng, từng nóc nhà. Trên con đường cái lớn có những đoàn người nô nức đi cấy hội trồng cây.

Rời khỏi thị xã, chiếc xe chạy trên con đường đất đỏ, ôm quanh những khu đồi vùng trung du. Những khu đồi đầy sỏi đá khô cằn trước kia, nay theo lời kêu gọi của Bác, bà con vùng này đã bắt sỏi đá nuôi thắm màu xanh. Những cây phi lao, bạch đàn vươn cao quá tầm người, bật lên một sức sống khoẻ khoắn.

Xe chúng tôi dừng lại bên một đồi cây ven đường. Tôi cầm máy nhanh chân đi về phía có các cụ già, cháu nhỏ đứng. Ai nấy đều hân hoan, đón đợi một điều gì. Tim tôi bỗng đập mạnh.

Cái điều linh tính đã báo cho tôi từ hôm trước khi tôi nhận được lệnh chuẩn bị đi quay một nơi đặc biệt, là có lẽ tôi sẽ được quay phim về Bác trong ngày đầu năm, đã trở thành sự thực rồi chăng? Hạnh phúc đến với tôi cùng với một vệt nắng đầu tiên lóe qua làn mây mỏng làm rực sáng cảnh vật. Không ngừng một giây, tôi chạy đi chạy lại, ngắm nhìn địa thế để bố trí góc độ. Tôi nhắm tính, nếu Bác đi từ phía này lại, tôi sẽ lấy góc độ máy quay từ đây. Nếu Bác đi từ phía kia, tôi sẽ chạy vòng sang góc này, lia góc độ máy sao để thấy rõ Bác và đồng bào. Tính toán mà lòng dạ cứ bồn chồn. Tôi nắm lại sợi dây điện, bình ắc quy, lau lại ống kính, cầm chắc máy quay như thử lại gân cốt. Hình ảnh Bác Hồ trong một bộ phim tương lai như hiện lên rành rõ trong tôi...

Bỗng có tiếng xôn xao: "Bác! Bác đến rồi!". Qua ống kính máy ngắm, tôi thấy Bác đi giữa hai hàng cây xà cừ. Bác hiền hậu và đẹp biết bao. Ánh nắng lùa xuống chan hòa, hàng cây lao xao, lòng người xúc động.

Tôi tự nhủ: không được để phí một giây. Phải quay được bằng hết mọi hình ảnh về Bác trong ngày đầu năm.

Bác khoan thai chào hỏi đồng bào. Bác ngồi bên một gốc cây giản dị và đẹp như thiên nhiên ở đây. Chiếc chiếu hoa trải

sẵn chờ đón Bác trở nên lạc lõng: không một ai ngồi cả. Mọi người vây quanh Bác. Tôi tiến lại gần, lấy toàn cảnh hình Bác ngồi dưới gốc cây bên đồng bào. Bác nói, Bác cười. Bà con cùng cười. Cảnh tượng mới êm ấm biết bao! Tôi lấy lại bình tĩnh qua mấy hơi thở, tiếp tục bấm máy.

Tôi lia một chùm nắng đậu trên một ngọn cây bạch đàn. Ánh lá lấp lánh như chào đón Bác. Máy quay hạ dần hạ dần theo thân cây và bắt vào hình Bác để nói lên một ý: "Bác mở đầu cho Tết trồng cây, thì những rừng cây ở đây, ở đồi cây "Đón Bác" đã mười năm chờ đợi Bác về, nay đã toại nguyện". Máy quay nhích sang một bên ghi cảnh Bác hỏi chuyện các cháu. Cách đây mười một năm, Bác Hồ có nói: "Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người". Tôi ghi cảnh rừng cây, rồi cảnh Bác hỏi chuyện các cháu thiếu nhi trong một cái lia dài, cốt mô tả ý này.

Bác Hồ đó, Bác đang vun đất vào gốc cây, từng xẻng đất giữ cho thân cây vững vàng. Bác cầm bình tưới, tưới cho tới những giọt nước cuối cùng, và cười vui hỏi:

- Hết rồi à? Sao ít nước thế?

Và Bác căn dặn mọi người phải năng chăm sóc cho cây, và trồng thêm nhiều nữa.

Những giọt nước Bác tưới xuống bắt nắng lóe lên long lanh đọng vào gốc cây, vào từng cành cây con, như mang cả mùa xuân thấm mát vào từng mạch rễ, để cho cây đâm chồi nảy lộc, vươn cao tỏa bóng mát cho con cháu đời đời.

PHỔ NHẠC THƠ XUÂN CỦA BÁC

(Ghi theo lời Nhạc sĩ ĐỖ NHUẬN)

Thơ của Bác, đặc biệt là thơ xuân của Bác, rất gần nhạc, có tính cổ vũ rất mạnh. Năm kỷ niệm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tròn 20 tuổi, tôi được đứng gần Bác. Hôm ấy, Bác cùng lên sân khấu hội trường Ba Đình chỉ huy dàn nhạc đánh bài Kết đoàn. Thường thì người chỉ huy quay lưng ra khán giả, nhưng Bác lại đánh nhịp trước người nghe. Tôi tự nghĩ rằng: Bác không chỉ huy dàn nhạc, mà Bác lại “cầm càng” cho quần chúng hát.

Bức ảnh Bác năm ấy, vẫn treo ở giữa nhà tôi, phía trên cao. Chỗ để chiếc dương cầm, mà ngày ngày tôi vẫn ấn tay trên phím “gieo vắn”. Khi nào ngược mắt nhìn lên tìm nước “nốt” mới, tôi lại được gác Bác cười tươi cầm đũa chỉ huy dàn nhạc. Bức ảnh Bác - nhà yêu nước vĩ đại, nhà nghệ sĩ lớn - như đang bắt nhịp cho cả cuộc đời sáng tác của tôi. Và mùa xuân năm Đinh Mùi (1967), tôi quyết định phổ nhạc bài *Xuân về xin có một bài ca* của Bác. Tôi cho rằng việc tôi làm như thế là táo bạo và khác nào “đánh trống qua cửa nhà sấm”. Tôi thâm nghĩ và tự trách mình: Chao ôi! Những nốt nhạc nghèo nàn của tôi làm sao thể hiện, diễn đạt được hết tầm vóc phi thường và hào khí trong vắn thơ xuân của Bác. Năm ấy, Bác chúc mừng đồng bào ở nước ta, chỉ gói gọn trong bốn câu súc tích.

*Xuân về xin có một bài ca
Gửi chúc đồng bào cả nước ta
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi
Tin mừng thắng trận nở như hoa*

Giao thừa năm ấy, Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam từ Hà Nội truyền đi khắp cả nước lời chúc mừng đầu xuân của Bác. Và tiếp sau đó, là năm đoạn nhạc theo tổ khúc soạn theo bài thơ trên. Trong bản nhạc, tôi dùng năm loại quả trong mâm bông ngày Tết (mâm ngũ quả) để diễn tả thêm tình cảm. Tôi nghĩ rằng ngày Tết dân tộc, đồng bào ta thường có mâm bông và Bác Hồ vô vàn kính yêu của chúng ta thường có phong cách cho quả Tết. Lúc thì Bác tặng hoa cho những người có thành tích, lúc thì Bác biếu lạp cho các cụ già, lúc Bác phát bánh kẹo cho trẻ em. Khi nhận quả các đoàn thể, các xã viên nông nghiệp như hoa quả, bầu bí, sắn khoai, Bác lại chuyển tặng lại những cá nhân xuất sắc trong các phong trào thi đua. Bởi vậy cho nên tôi soạn bài thơ của Bác thành thể nhạc biến tấu trên lời ca cố định. Đầu tiên tôi dùng hình ảnh quả dừa làm quả Bác tặng miền Nam. Miền Nam trăm nhớ ngàn thương, quả dừa nước ngọt, ruột bùi, vỏ cứng, xin gửi về Thành đồng Tổ quốc. Dựa theo âm điệu bài ca “Lý con sáo” dịu dàng, tình cảm. Đoạn hai hình ảnh quả chuối ngự để thưởng cho thiếu niên, nhi đồng, những cháu ngoan của Bác. Chuối ngọt, trẻ ăn lành, nét nhạc cũng vì thế mà trong sáng, ngọt ngào. Rồi tôi dùng quả bưởi làm đoạn ba. Quả bưởi có vỏ dày, ấn xuống nước vẫn nổi, tỏ rõ khí phách kiên cường, và tính khí sôi nổi của tuổi trẻ dành cho thanh niên xung phong mở đường xuân cho đất nước. Nhạc ở đoạn này tươi vui hẳn lên và giục giã lao động, phấn khởi. Hình tượng quả cam bồ mát, vỏ mỏng, ngọt lịm dành cho đồng bào các dân tộc miền núi. Ở đoạn bốn, âm điệu thông thả, lạc quan. Và đoạn cuối cùng nét nhạc mạnh khỏe với món quả quả phật thủ xù xì, ăn ngon, chìa bàn tay chào anh bộ đội và dân quân chiến đấu. Bài này dùng năm quả có thể hát với động tác trang phục của những nhân vật kể trên, hoặc có thể vừa múa, vừa hát. Năm ấy, bài thơ chúc Tết đầu tiên của Bác được phổ nhạc, có diễn xuất bằng những đối tượng mà Bác yêu, nên quần chúng dễ thuộc, dễ hiểu. Và cũng vì thế nên thơ xuân của Bác được hát phổ biến rộng rãi trong quần chúng công nông binh.



Chủ tịch Hồ Chí Minh sau buổi biểu diễn văn nghệ
mừng thọ Người nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Dậu
(Phủ Chủ tịch 15/2/1969)

Ảnh: Vũ Đình Hồng - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

Sở dĩ tôi có đóng góp chút ít cho văn nghệ, nhạc của tôi được quần chúng dễ hát và ưa thích, chính là vì ơn Bác và Đảng dạy bảo chỉ đường.

Tôi không bao giờ quên: năm 1952, tại một khu rừng Việt Bắc, giữa giờ giảng bài ở trường Nguyễn Ái Quốc, khoá 2, Bác đến thăm trường Đảng, mang lại cho mọi người sự bất ngờ, và một vinh dự quá lớn. Hồi ấy tôi cũng là một học viên. Bác nói chuyện thân mật, dặn dò cán bộ, đảng viên nhà trường phải gắn liền học và hành. Sau đó, Bác hỏi anh chị em trong trường có gì thắc mắc? Nhiều anh chị hỏi Bác những vấn đề thời sự chưa nắm chắc. Lâu rồi, tôi không còn nhớ rõ từng câu hỏi một. Riêng có câu hỏi của tôi, từ ấy đến nay đã hai mươi năm trôi, mà tôi vẫn còn nhớ như mới ngày nào. Tôi hỏi rất vắn, và câu trả lời của Bác lại cô đọng và sâu sắc làm sao! Đó là lời dạy của Bác đối với đời làm nghệ thuật của tôi. Hôm đó, tôi đánh bạo đứng lên thưa với Bác một điều gay cần bấy lâu nay trong lòng.

- Thưa Bác, Bác dạy cho cháu sáng tác thế nào thể hiện được tính dân tộc mà hiện đại?

Bác cười, đôi mắt âu yếm của nhìn tôi, như người cha hiền từ Bác giải thích:

- Bác không phải là nhạc sĩ. Nhưng chú soạn thế nào cho nhân dân thích, nhất là quần chúng công nông binh và trí thức thích, thế là vừa dân tộc và lại vừa hiện đại.

Lời Bác dạy, tôi ghi trong lòng tạc dạ. Và cũng từ đây sáng tác của tôi có hướng đi rõ rệt vào đối tượng công nông binh. Tôi đi sâu học tập vốn cổ ngàn đời của tổ tiên ta thuở trước, và tìm hiểu những mong muốn về âm nhạc của nhân dân trong giai đoạn cách mạng hiện thời.

Từ đó về sau, lời Bác sáng soi con đường sáng tác của tôi.

Năm 1967. Mùa xuân, tôi mạnh dạn phổ nhạc thơ Bác. Năm đó quần chúng hoan nghênh. Đến năm 1968 tôi lại tiếp tục

phổ nhạc thơ xuân của Bác. Thơ xuân Mậu Thân của Bác mang hào khí của mùa xuân Tổng tiến công ở miền Nam và thế thắng của quân dân miền Bắc đang đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!*

Bài này tôi lấy câu cuối làm đề cho tổ khúc bốn đoạn: “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!”

Bài thơ chỉ bốn câu, nhưng tôi dựa theo phong cách dân ca các miền của đất nước mà soạn nhạc khác nhau.

Đoạn 1: nhịp trống múa rộn rã, đồng ca nữ thêm giọng ca nam. Tôi viết theo vần điệu dân gian miền Bắc.

Đoạn 2: nhanh và khoẻ theo phong cách Tây Nguyên.

Đoạn 3: chậm, dịu dàng, theo dân ca Nam Bộ.

Và đoạn 4: phong cách Khu 5, nhịp điệu thơ Bác được nên trong tiếng nhạc âm hưởng suốt chiều dài của đất nước: từ Việt Bắc căn cứ thần thánh, chiếc nôi của cách mạng - qua núi rừng trùng điệp hào hùng của Tây Nguyên, khúc ruột yêu quý miền Trung, rồi vọng đến Nam Bộ thành đồng.

Hai mùa xuân 1967, 1968 hai tổ khúc ấy đánh dấu bước đường trưởng thành trong sáng tác nhạc của tôi.

Năm 1969 Bác qua đời. Quả tim lớn của Tổ quốc đã ngừng đập. Tôi nén đau thương, đóng cửa phòng, soạn bài ca “Trông cây lại nhớ đến người”.

Bài hát ấy, nhiều mẹ, nhiều chị khi nghe, khi hát đều không ngăn được nước mắt, nhất là đồng bào quê Bác. Điệu nhạc dựa theo dân ca Nghệ Tĩnh.

“A, ơi! (chứ) trông cây (a) tôi lại nhớ Người (chứ) rừng bao nhiêu (à) cây mọc thì tôi ơn Người (a) bấy nhiêu.

*Nhớ Bác Hồ trông cây năm xưa
Bác tuy già nhưng mạnh khỏe
Vì thương dân, Bác dặn dò cẩn kẽ:
“Ươm mầm xanh như mẹ thương con”
Cả một đời vì nước vì non!
Cả một đời vì nước vì non!
Bác vẫn còn nghe điệu hò ví dặm
Dòng sông Lam, núi Hồng nỏ hận
Chào quê hương Bác dặn lại ơ rồi...
Bác vẫn còn như mầm xanh bắt tử
Tình yêu thương núi đồi ấp ủ
Rừng cây ru Bác ngủ ngon lành!”*

Bài hát ca “Trông cây lại nhớ đến Người”, khi đoàn văn công không chuyên quân khu bốn, do nhạc sĩ Phạm Đình Sáu dẫn đầu đi biểu diễn ở nước ngoài, Song Thao phải hát đến lần thứ sáu, theo yêu cầu của thánh giả Triều Tiên. Nhiều bà mẹ Triều Tiên nghe, khóc thương Bác ướm cả áo.

Gần đây, tôi phổ nhạc bài thơ ngụ ngôn của Bác *Hòn đá to, hòn đá nặng*. Cũng như khi cùng nhạc sĩ Phê-Rê (Liên Xô) sáng tác bài hát *Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*, tôi đều không quên lời dạy bảo của Bác. Những lời vàng ngọc ấy là cánh buồm đầy gió thổi cho con thuyền sáng tác của tôi đến gần bến bờ nhân dân.

Bác ơi! Bác đã xa cháu con. Nhưng thơ xuân và cuộc đời của Bác vẫn sống mãi trong lòng cháu con. Bác không những là một chiến sĩ vĩ đại suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do cho nhân loại mà còn là một nghệ sĩ lớn đã viết những vần thơ Xuân tươi thắm và hùng tráng.

ĐOÀN MINH TUẤN ghi

LUU HỮU PHƯỚC VÀ HAI BÀI CA VỀ BÁC HỒ

NGUYỄN THUY KHA

Sinh thời khi Bác còn sống và từ khi Bác Hồ mất, đã có nhiều bài ca về Bác. Nhưng với riêng Lưu Hữu Phước, hai bài ca về Bác được ông viết; bài đầu từ năm 1947, còn bài chót hồi 1969 là hai bài ca mang đậm dấu ấn của kỷ niệm.

Trong số các nhạc sĩ Việt Nam, Lưu Hữu Phước có thể nói là người duy nhất trung thành với việc sáng tác những bản hành khúc chính luận. Là linh hồn của tổng hội sinh viên trong phong trào ca hát "Thanh niên và lịch sử", sau khi viết nhiều bài ca mang chất sử thi như "Bạch Đằng giang", "Ái Chi Lăng", "Hội nghị Diên Hồng", Lưu Hữu Phước đã nổi tiếng bởi "Tiếng gọi thanh niên", "Lên đàn", "Xếp bút nghiên", những bài ca này được hát vang trong ngày Sài Gòn khởi nghĩa 23/8/1945.

Sau Cách mạng tháng Tám, Lưu Hữu Phước trở thành Giám đốc phòng xuất bản Nam Bộ. Khi Nam Bộ kháng chiến, cuối năm 1945 ông viết hành khúc: "Đoàn quân ca", ca ngợi những người du kích Nam Bộ dũng cảm. Nếu số phận gắn bó Lưu Hữu Phước với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ tới cùng thì chắc chắn những giai điệu ông viết về Bác khác với những gì chúng ta đã biết. Nhưng tháng 5 năm 1946, Lưu Hữu Phước được điều ra Hà Nội. Ở Hà Nội, trong kỳ họp thứ hai của Quốc hội khoá I tháng 10 năm 1946, lần đầu tiên, ông đã xúc động được gặp Bác Hồ. Ông từng kể với bạn bè: "Khi nhìn thấy Bác Hồ ôm anh Tạo (tức ông Nguyễn Văn Tạo - NTK) tôi tưởng chừng như Bác đang ôm tôi, ôm cả ba má chú bác, bà con gần xa

của tôi và toàn dân Nam Bộ. Nước mắt của Bác rơi lên vai anh Tạo, tôi cảm thấy nóng hổi như rơi lên vai tôi. Bỗng tôi sực nhớ ra là chính nước mắt tôi đang chảy rờn rờn trên mặt tôi". Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, mở chiến khu Việt Bắc, Lưu Hữu Phước có dịp gặp Bác ở an toàn khu (ATK). Càng ngày ông càng ý thức sâu sắc rằng Hồ Chủ tịch không những là người bác, người cha mà còn là linh hồn kháng chiến, là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

Bài "Ca ngợi Hồ Chủ tịch" ra đời vào năm 1947. Ngay sau khi ra đời, nó đã được gọi là "Lãnh tụ ca". Âm nhạc ngợi ca chậm chậm, trang nghiêm cùng lời ca thành kính mà Lưu Hữu Phước soạn cùng Nguyễn Đình Thi làm xúc động cả dân tộc: "Sao vàng phấp phới ánh hồng sáng tươi - toàn Việt Nam đón chào ngày mới - Hồ Chí Minh dắt toàn dân nước ta...". Bây giờ, mỗi khi giai điệu này ngân lên hàng ngày như tiếng chuông trên nóc nhà Bưu điện Bờ Hồ trước khi điểm giờ, lòng ta vẫn không khỏi bồi hồi thương nhớ về Bác.

Kháng chiến thành công, những năm đầu hoà bình ở Hà Nội. Lưu Hữu Phước vẫn tiếp tục những giai điệu chính luận qua "Đông Nam Á châu", "Cả cuộc đời về ta" - và ngay cả khi chính quyền Sài Gòn lấy "Tiếng gọi thanh niên" của ông làm "Quốc ca" với biệt danh Huỳnh Minh Siêng, Lưu Hữu Phước đã viết "Giải phóng miền Nam" bài ca chính thức cho mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam. "Vận nước đã đến rồi, bình minh chiếu khắp nơi. Dựng xây non nước sáng tươi muôn đời", cái vô thức của lời ca đã đến "vận nước" một quy luật thống nhất Nam Bắc không thể nào đảo ngược.

Năm 1965, sau khi viết những bài ca thúc giục thanh niên lên đường như "Sẵn sàng chiến đấu", "Bài ca thanh niên lên đường". Lưu Hữu Phước vào công tác tại miền Nam. Ông vẫn tiếp tục rèn vang những hành khúc của mình sau những "Hành khúc giải phóng", "Giờ hành động", "Bài ca giải phóng quân" là "Xuống đường". "Tiến về Sài Gòn". Những tưởng Lưu Hữu

Phước đã trọn vẹn hiến dâng mình cho việc khẳng định hành khúc Việt Nam thì 4 năm sau, khi nghe tin Bác Hồ vĩnh biệt toàn dân tộc, Lưu Hữu Phước đã nghẹn ngào đưa ra "Tình Bác sáng đời ta" tha thiết và trữ tình và dạt dào xúc cảm. Có thể nào không rung rung con tim khi nghe Quốc Hưng thỏn thức cất lên: "Từ trong chiến hào hôm nào nghe tiếng Bác - Hồn ta sáng rực như nở hoa...". Nếu như lần trước, Lưu Hữu Phước soạn lời chung với nhà thơ Nguyễn Đình Thi thì lần này lời cũng được soạn chung với nhà thơ Diệp Minh Tuyền và điều kỳ lạ là cả nhà thơ Nguyễn Đình Thi và nhà thơ Diệp Minh Tuyền cũng đều là nhạc sĩ. Đó cũng là duyên nợ tình cảm riêng biệt ông Phước dành cho Bác Hồ kính yêu.

TÔI VIẾT BÀI HÁT "HỒ CHÍ MINH ĐẸP NHẤT TÊN NGƯỜI" TRẦN KIẾT TƯỜNG

Theo luật 10/59, Ngô Đình Diệm cho lê máy chém đi khắp miền Nam đàn áp phong trào cách mạng. Đang ở tại Hà Nội tôi muốn góp phần mình vào cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước ở miền Nam. Tôi hình dung nhớ lại những cánh đồng, những dòng sông mà tôi đã đi qua thời 9 năm. Tôi đứng hẳn trên mảnh đất miền Nam mà sáng tác.

Tôi nghĩ, miền Nam đau thương muốn sống và chiến đấu là khi nhớ tới Bác Hồ.

*... Trên cánh đồng miền Nam
Đau thương mây phủ chân trời
Khi ca lên Hồ Chí Minh
Nghe lòng phơi phới niềm vui
Trên xóm làng miền Nam
Hình người như "Tiến quân ca"
Giục lòng vươn cánh bay xa
Vùng lên giải phóng quê nhà
Là một niềm tin
Hồ Chí Minh
Đẹp nhất tên Người.*

Bác Hồ là niềm tin yêu của nhân dân, đặc biệt là của nhân dân miền Nam. Nói sao cho hết công ơn trời biển của Người đối với dân tộc. Phải hàng ngàn trang sách, nói chỗ này thiếu chỗ

kia, nói điều này thiếu điều nọ, tôi nghĩ: đất nước Việt Nam này tuyệt đẹp, nhưng tên Bác Hồ còn đẹp hơn, vì có Bác thì cái đẹp của đất nước mới được nguyên vẹn, dân tộc Việt Nam mới đứng thẳng làm người, thoát kiếp ngựa trâu hàng ngàn năm Bắc thuộc, hàng trăm năm bị thực dân đế quốc xâm lược. Vì thế, Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người là đúng. Trong kháng chiến 9 năm, nhà thơ Bảo Định Giang cũng đã làm 2 câu ca dao:

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ.*

Và, lời hát của tôi như sau:

*Hồ Ơ, tôi hát ngàn lời ca
Bao la hơn những cánh đồng
Mênh mông hơn mặt biển Đông
Êm đềm hơn những dòng sông
Hồ Ơ...
Tôi hát ngàn lời ca
Nồng nàn hơn nắng ban mai
Đẹp tình hơn cánh hoa mai
Hùng thiêng hơn núi sông dài
Là một niềm tin
Hồ Chí Minh
Đẹp nhất tên Người.*

Mãi đến năm 1972 anh Quốc Hương mới phát hiện là trong bài hát của tôi có 6 chữ "hơn". Tôi xem lại mới biết vì khi tôi viết lời hoàn toàn không suy tính xếp đặt chữ nghĩa. Lời viết sau nhạc chớ không phải phổ thơ và tự nhiên nó tràn ra như thơ. Khi tôi sáng tác tất cả đều xuất phát từ trái tim kể cả lời và nhạc không có sự suy tính kỹ thuật tác khúc hay kỹ thuật làm thơ để viết lời. Ca ngợi Bác Hồ, thực ra là ca ngợi Đảng Cộng sản Việt Nam mà Bác Hồ là người đã khai sinh ra, ca ngợi Bác nhưng thực ra là ca ngợi dân tộc Việt Nam anh hùng, vì Bác cũng từ nhân dân mà ra. Nghĩ như vậy nên tôi dùng chất liệu dân ca *Hồ*

Cần Thơ quê hương tôi. Mở đầu bằng một nét hò nguyên gốc để nói là Bác từ nhân dân mà ra, rồi phát triển lên dần thành những bước đi trù mển, để nói lên cái đẹp của đất nước rực sáng dần trong đó có Bác. Bác Hồ rất hiểu điều đó nên khi anh Quốc Hương hát lần đầu tiên cho Bác nghe ở Chủ tịch phủ, Bác chỉ hỏi: chú nào sáng tác? Chớ Bác không thấy ngượng ngùng vì người ta ca ngợi mình như ông thánh và anh Quốc Hương đã hát bài hát đó cho Bác nghe tất cả đến 7 lần.

HÌNH TƯỢNG BÁC HỒ TRONG CA KHÚC CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH SAN

Gắn với sự phát triển của nền ca khúc cách mạng Việt Nam, hình tượng lãnh tụ Hồ Chí Minh luôn là trung tâm, là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều thế hệ nhạc sĩ. Trên thế giới từng có nhiều lãnh tụ vĩ đại của các dân tộc để lại dấu ấn cho cả nhân loại, nhưng ít ai có được một khối lượng đồ sộ tác phẩm âm nhạc nói đến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt chặng đường lịch sử kéo dài hơn nửa thế kỷ qua, hình tượng Bác Hồ đã nổi bật, chói sáng trong rất nhiều bài hát. Cùng với tài năng của các nhạc sĩ, việc tạo nên thành công của những tác phẩm viết về Bác chính là nhờ tình cảm sâu nặng, tự nhiên và giản dị đối với Người. Những nhạc sĩ nổi tiếng có nhiều thành tựu trong sự nghiệp sáng tác hầu như không có ai lại không trân trọng muốn viết về Bác. Và họ đã để lại những tác phẩm có giá trị nhất góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của công chúng.

Sau ngày trở về nước qua mấy chục năm bôn ba hải ngoại (1941), Bác đã lãnh đạo dân tộc ta trong phong trào tiền khởi nghĩa đi tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Ngay từ những ngày này, có thể nói, một trong những bài hát đầu tiên viết về Người là bài *Biết ơn cụ Hồ Chí Minh* của Lưu Bách Thụ. Vừa ra đời, bài hát đã được nhân dân đón nhận nồng nhiệt bởi tính quần chúng, dễ hát, dễ thuộc của một ca khúc thuộc thể loại *chanson populaire* (ca khúc quần chúng): "*Dân Nam ơi biết ơn cụ Hồ đời đời. Bao nhiêu năm sống trong nguy*

nan điều linh...". Bằng âm nhạc, tác giả đã nêu bật được công đức lớn lao của vị lãnh tụ vĩ đại đối với dân tộc và tình cảm thành kính biết ơn của toàn dân Việt Nam dành cho Người. Chỉ sau đó một thời gian ngắn, trong những ngày đầu "nước sôi lửa bỏng" của cuộc kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng cả dân tộc phải đương đầu với kẻ thù trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Hình ảnh vị lãnh tụ vĩ đại lại hiện ra như một đấng cứu tinh trong những ca khúc của Lưu Hữu Phước, Đỗ Nhuận, Văn Cao (Cùng có tên *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*), Tô Vũ: *Nhớ ơn Hồ Chí Minh*, Vũ Thế Khanh: *Người về là chiến thắng*. Những bài hát về Bác trong giai đoạn này có chung một đặc điểm là đề cao vị lãnh tụ theo hướng tôn nghiêm, coi Người như vàng thái dương, một điều gì đó rất vĩ đại, cao siêu.

Tiêu biểu nhất cho khuynh hướng trên là bài *Ca ngợi Hồ Chủ tịch* của Lưu Hữu Phước. Bài hát ngắn gọn, hàm súc, ở thể một đoạn đơn với âm hình tiết tấu gần như không hề có biến đổi, tiết tấu dàn trải ở nhịp 4/4, âm vực hẹp tiện cho tất cả mọi người có thể hát, đã nhanh chóng có sức lan toả rộng rãi ngay từ khi ra đời. Lời ca khái quát cô đọng: *"Sao vàng pháp phối ánh hồng sáng tươi. Toàn Việt Nam đón chào ngày mới, Hồ Chí Minh dắt toàn dân nước ta, vững bền tranh đấu cho đời chúng ta..."*. Một bài hát ngắn nhưng có giai điệu trang nghiêm, khi hát đồng ca gây cho người nghe cảm giác âm thanh dày, sâu, rất phù hợp với việc ca ngợi một vị lãnh tụ như Hồ Chủ tịch. Có lẽ vì vậy mà bài này đã được coi là *Lãnh tụ ca*, giống như bài *Tiến quân ca* của Văn Cao là *Quốc ca*, bài *Chào mừng Đảng lao động Việt Nam* của Đỗ Minh là *Đảng ca*.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, sau năm 1954, bài hát về Bác Hồ đã bớt dần tính chất *thánh ca* như đã nói. (Đây là một đặc điểm tâm lý mang tính tất yếu. Bởi ở thời kỳ đầu, lãnh tụ Hồ Chí Minh xuất hiện như một đấng cứu tinh trong suy nghĩ của người dân Việt Nam. Bác chưa có dịp gần gũi mọi tầng lớp nhân dân như về sau này (sau năm 1954). Hai trong

số những bài hát hay nhất về Bác đã ra đời trong thời kỳ này: *Tiếng hát giữa rừng Pác Bó* của Nguyễn Tài Tuệ; *Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người* của Trần Kiết Tường. Nếu bài hát của Nguyễn Tài Tuệ khai thác chất dân ca Tày Nùng ở Cao Bằng, diễn tả tình cảm của người dân Việt Bắc với Bác thì bài của Trần Kiết Tường lại sử dụng điệu hò Đồng Tháp làm chất liệu chính, biểu hiện lòng biết ơn và tình nghĩa sâu nặng của đồng bào miền Nam dâng lên Người. Cả hai bài đều do NSND Quốc Hương thể hiện lần đầu tiên trên sóng phát thanh, đem lại hiệu quả đặc biệt. Đây là hai bài hát tuy sử dụng chất liệu dân ca ở hai địa phương cụ thể nhưng có sức khái quát nhất về việc khắc họa hình tượng Bác Hồ trong âm nhạc. Bởi vậy không khó hiểu khi nó đã có sức sống mãnh liệt suốt 40 năm nay. Có thể nói, không người Việt Nam nào lại không biết và ưa thích hai bài hát này.

Ngày 2-9 hằng năm là ngày lễ lớn của dân tộc Việt Nam. Nhưng từ năm 1969 còn mang một mốc dấu ấn lịch sử khác: ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩnh biệt chúng ta "về với thế giới người hiền". Người ra đi để lại tổn thất không gì có thể bù đắp đối với toàn thể dân tộc. Sự kiện này khiến các nhạc sĩ cho ra đời hàng loạt bài hát thật xúc động. Có thể nói, các nhạc sĩ đã khóc Bác bằng âm nhạc. Tiêu biểu nhất cho loạt bài này là *Người là niềm tin tất thắng* của Chu Minh với lời lẽ và âm điệu mang đậm chất bi thương tưởng niệm: "*Đất nước nghiêng mình, đời đời tiếc thương. Tên Người sống mãi với non sông Việt Nam...*". Giai điệu bài hát đã khiến người nghe xúc động không thể cầm được nước mắt do tác giả đã tả đúng tình cảm của họ. Cùng lúc này có rất nhiều bài khác đều chung chủ đề về Bác. *Người là niềm tin tất thắng*, tuy ngậm ngùi thương tiếc nhưng phần sau của ca khúc đã sáng lên một nghị lực ý chí của người Việt Nam, biến đau thương thành sức mạnh, quyết tâm thực hiện bằng được Di chúc thiêng liêng của Người: "*Hồ Chí Minh rạng rỡ tên Người rạng rỡ núi sông. Vì độc lập tự do*

đường lên phía trước rực màu cờ sao. Hồ Chí Minh kính yêu Người là niềm tin tất thắng sáng ngời".

Một chi tiết độc đáo nữa liên quan đến lãnh tụ Hồ Chí Minh: trên thế gian này cũng có nhiều lãnh tụ lớn của nhiều quốc gia, khi từ trần được dân tộc xây lăng tẩm, gìn giữ hài cốt, nhưng chẳng ở đâu lại có nhiều bài hát về Lăng của lãnh tụ hay người nổi tiếng như ở Việt Nam nói về Lăng của Bác. Có thể nhắc tới khá nhiều bài tiêu biểu: *Bên lăng Bác Hồ* (Dân Huyền), *Vào lăng viếng Bác* (Hoàng Hiệp), *Chúng con canh giấc ngủ của Người* (Nguyễn Đăng Nước), *Vàng trắng Ba Đình* (Thuận Yến), *Tre ngà bên lăng Bác* (Hàn Ngọc Bích)... Nói đến Lăng Bác là nói đến tấm lòng biết ơn, tình nghĩa mặn nồng luôn thường trực trong trái tim mọi người đối với Bác, mặc dù Người đã đi xa. Từ mọi miền đất nước, người dân về bên lăng Bác để kính viếng hương hồn Người giống như việc làm của người Việt Nam tưởng nhớ thờ cúng tổ tiên, ông bà. Chi tiết đó đủ nói lên giá trị thiêng liêng của lãnh tụ trong tâm linh mỗi người dân - một giá trị thật tự nhiên giản dị.

Như là một quy luật, dường như Bác càng đi xa càng trở nên gần gũi thân quen đối với mỗi chúng ta. Cho nên hình tượng Bác trong những bài hát càng về sau càng có khuynh hướng bớt đi phần ca ngợi theo kiểu trang nghiêm, có màu sắc *thánh ca* mà thiên về việc bộc lộ tình cảm quyết tâm của các thế hệ thực hiện Di chúc, lời dạy và noi theo đức độ phẩm cách lớn lao của Bác. Nhớ thương, ca ngợi Bác, tính hành động đã thấm đượm trong ý nghĩa ca từ của những bài hát này. Các nhạc sĩ đã hóa thân vào các tầng lớp bộ đội, nông dân, người vùng cao Tây Bắc, Tây Nguyên, mọi miền đất nước mà hát về Bác. Khi nghe những bài hát này ta như thấy Bác vẫn còn ở bên ta, giữa lòng ta, vẫn chỉ đạo dắt tay ta cùng hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề của lịch sử như những năm nào, vẫn cùng các cháu thiếu nhi vui trung thu hàng năm, vẫn chúc Tết giao thừa, vẫn bắt nhịp bài ca *Kết đoàn*... Đó chính là tài năng và cũng là công sức rất đáng ghi

nhận của giới nhạc sĩ khi đã làm cho hình tượng Bác Hồ luôn sống động, vĩnh hằng. Trong thành tựu chung, không thể không ghi nhận công sức và hiệu quả đặc biệt của một số nhạc sĩ với nhiều bài hát hay về Bác được đông đảo công chúng ưa chuộng: Thuận Yến, Phạm Tuyên, Văn An, Lưu Hữu Phước, Huy Thục... Đây là những nhạc sĩ rất nổi tiếng với những nhạc phẩm viết về Bác có sức sống lâu bền.

Có hàng trăm nhạc phẩm đặc sắc về Bác Hồ, hình tượng vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta đã hiện ra với tầm cao vĩ đại về trí tuệ, nhân cách, đức độ, nhưng lại giản dị và đặc biệt rất gần gũi với nhân dân. Bác là kết tinh những giá trị văn hoá tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, giữa Người với nhân dân là mối quan hệ gắn bó ruột thịt. Chính yếu tố này đã tạo nên uy tín, sức mạnh đặc biệt trong sự nghiệp lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi trong công cuộc giải phóng dân tộc. Về phương diện nghệ thuật, dù bài hát viết cho đơn ca hay hát tập thể, dù chủ thể cảm xúc là tôi hay chúng ta, vẫn luôn mang đậm tính dân tộc trong cấu trúc giai điệu. Âm hưởng dân gian đã toát ra khá rõ ở những bài hát đặc sắc nhất.

Cùng với chủ đề về Tổ quốc, về Đảng, hình tượng Bác Hồ đã tạo nên sức nặng và vẻ đẹp hoàn chỉnh của nền ca khúc cách mạng Việt Nam. Viết về Người vẫn luôn là nỗi trăn trở, niềm thôi thúc hào hứng đối với mọi thế hệ nhạc sĩ. Chắc chắn trong tương lai, nền âm nhạc nước nhà sẽ còn tiếp tục cho ra đời nhiều tác phẩm hay về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, bởi đó luôn là nguồn cảm hứng dồi dào vô tận của văn nghệ sĩ nói chung, giới nhạc sĩ nói riêng.

NHẠC SĨ THUẬN YẾN: "BÁC HỒ LUÔN LUÔN LÀ NGUỒN CẢM HỨNG VÔ TẬN CỦA TÔI"

THUẬN YẾN

Thuận Yến là nhạc sĩ từ lâu đã trở nên gần gũi với công chúng yêu âm nhạc qua nhiều ca khúc nổi tiếng. Đặc biệt, ông có 4 bài hát về Bác Hồ đều đặc sắc, rất được người nghe tán thưởng: *Bác Hồ - một tình yêu bao la, Vàng trắng Ba Đình, Miền Trung nhớ Bác, Người về thăm quê*. Đó là một hiện tượng quý hiếm. PV đã có dịp hỏi chuyện người nhạc sĩ tài hoa này.

PV: Xin chào nhạc sĩ Thuận Yến! Những ngày này khắp nơi lại vang lên những bài hát của nhạc sĩ viết về Bác Hồ kính yêu. Đã được nghe rất nhiều lần mà mỗi dịp nghe lại các bài hát của ông, người nghe vẫn nguyên vẹn cảm giác bồi hồi. Xin nhạc sĩ cho biết vì sao lại có thể viết được nhiều bài hay như thế về Bác?

NS Thuận Yến: Tôi nghĩ không có gì ghê gớm đâu, chẳng qua vì tình cảm của bà con mình với Bác đã quá sâu nặng. Trong mỗi chúng ta luôn sẵn có sự tôn kính, tình yêu thương ngưỡng mộ và lòng biết ơn vô bờ bến đối với Bác nên chỉ cần một bài hát nào đó nói lên được những tình cảm ấy là họ chấp nhận. Người sáng tác cần nói đúng được tâm tư, tình cảm của mỗi con người bình dị nhất đối với vị lãnh tụ kính yêu. Tôi đã cố gắng làm điều đó.

PV: Nhưng ai cũng công nhận ông quá đặc biệt: viết bài nào về Bác là thành công liền. Có vẻ như trước đây trong thời chống

Mỹ ông đã phải phấn đấu gian khổ mới trở nên nổi tiếng thì sau này, khi viết về Bác, thành công đã đến với ông quá dễ dàng?

NS Thuận Yến: Không hẳn như vậy, vì đâu phải tôi chỉ viết 4 bài mà đã viết tới trên 20 bài. Như vậy thì tỷ lệ thành công cũng đâu phải là nhiều.

PV: Khi bài hát "*Bác Hồ - một tình yêu bao la*" vừa ra đời, người nghe đã rất có cảm tình, nhất là qua sự trình diễn của ca sĩ Thanh Hoa hát với dàn hợp xướng. Nhưng có hơi hướng nhạc nhẹ. Ông có ý đồ từ ban đầu hay là do người hát, người phối khí cố tạo nên?

NS Thuận Yến: Tôi muốn thể nghiệm dùng phong cách nhạc nhẹ để chuyển tải một nội dung nghiêm túc, có sức nặng tư tưởng xem sao. Bởi ở thời điểm ấy, nhạc nhẹ đang rộ lên, từ các tỉnh phía Nam tràn ra phía Bắc, lây lan như một bệnh dịch nên người ta có phần "dị ứng", không thiện cảm. Tôi muốn chứng minh: bản thân nhạc nhẹ (thể loại) không có "tội" gì, cũng rất cần cho tuổi trẻ. Vấn đề ở chỗ những nghệ sĩ âm nhạc xử lý, sáng tạo như thế nào mà thôi. Hay, dở, có giá trị hay tầm thường không ở thể loại mà ở người nghệ sĩ.

PV: Và ông đã thành công?

NS Thuận Yến: Cho đến bây giờ, rõ ràng điều đó đã được khẳng định. Chẳng những giới trẻ ưa thích mà lớp công chúng có tuổi vốn dĩ rất không ưa nhạc nhẹ cũng hoàn toàn chấp nhận và hưởng ứng bài này. Có một kỷ niệm khiến tôi nhớ mãi. Sau khi bài hát đã có sức lan tỏa, một lần, tôi cùng nhóm nhạc sĩ về sáng tác cho tỉnh Hà Nam Ninh, nghỉ ở khách sạn Vị Hoàng (Nam Định). Tôi nghe ở hội trường có một dàn nhạc xập xình đệm cho ai đó hát "*Bác Hồ - một tình yêu bao la*" theo tiết tấu si-lô rốc (Slow Rock). Không khí có vẻ rất đông vui. Hoá ra là một đám cưới. Kể cũng thú vị khi người ta đã hát bài này trong một buổi lễ thành hôn. Giá mà một cuộc liên hoan văn nghệ hoặc hội diễn nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác thì không có gì đáng nói.

PV: Bài *Vàng trắng Ba Đình* có sự cộng tác của Phạm Ngọc Cảnh. Ông phổ thơ có sẵn hay làm nhạc xong thì mời nhà thơ đặt lời?

NS Thuận Yến: Năm 1984, công trình Lãng Bác đã hoàn thành. Bộ Tư lệnh Lãng mời tôi sáng tác về sự kiện này nhưng nêu rõ yêu cầu: không ca ngợi Bác chung chung như trước đây mà nói cụ thể về việc bảo vệ Lãng của các chiến sĩ, từ đó sẽ thấy được tình cảm sâu nặng của họ đối với vị lãnh tụ kính yêu.

Tôi được đưa đến thăm nơi tạm ở của Bác ở Đá Chông, nghe kể những chuyện liên quan đến việc gìn giữ như thế nào. Cảm xúc đã có nhưng hơi bí lòi. Giữa lúc đang loay hoay vắt óc, tôi nhận được bài thơ của Phạm Ngọc Cảnh có nhan đề *Trăng lên*. Thế là tôi phổ nhạc.

PV: Có một điều rất thú vị là bài *Miền Trung nhớ BÁC* của ông được khắp mọi nơi hát. Một lần tôi được dự hội diễn ở một tỉnh tại miền núi Tây Bắc, vẫn nghe người ta hát bài này. Tôi hỏi họ: "Sao bạn không tìm bài nào nói về Tây Bắc nhớ BÁC cho hợp hơn". Họ cười: "Làm gì có bài như vậy. Vả lại cứ bài hay là hát thôi, sao phải phân biệt?". Ông nghĩ sao về chi tiết này?

NS Thuận Yến: Đó là hạnh phúc, phần thưởng cao quý nhất của người sáng tác, không gì sánh bằng. Khi bài hát đã có sức sống thì nó sẽ bay đi khắp mọi nơi. Công chúng sẽ đón nhận tự nhiên, không còn để ý đến nội dung viết về nơi nào.

PV: Các bạn trẻ đặc biệt là ở Nghệ An rất thích bài *Người về thăm quê*. Bài hát ra đời thế nào?

NS Thuận Yến: Năm 1989, để chuẩn bị kỷ niệm 100 năm ngày sinh BÁC, tỉnh Nghệ Tĩnh (cũ) mời tôi vào sáng tác. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh nhấn mạnh yếu tố: BÁC gắn với quê hương. Tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng không lẽ lại: "Nghệ Tĩnh nhớ BÁC".

Tôi được nghe rất nhiều chuyện các cụ kể lại lần BÁC về thăm quê khi Người còn sống. Tôi vô cùng xúc động và bật ra:

"Đi suốt cuộc đời mới được thăm quê hương, gặp lại tiếng thoi mẹ ngồi dệt cửi, gặp lại giọng trầm đêm trăng cha làm thơ".

PV: Ông có thể tự lý giải ngắn gọn về nguyên nhân dẫn tới thành công của mình với 4 bài rất đặc sắc về Bác?

NS Thuận Yến: Như đã có dịp nói, chính từ sự cảm phục, kính yêu của tôi đối với Bác, có lẽ do tôi vừa được nghe kể, vừa mục kích cuộc sống đời thường của Bác nên tôi vô cùng xúc động. Ví như lần tôi cùng Đoàn văn công Trị Thiên ra biểu diễn phục vụ Bác.

Tôi vô cùng hồi hộp, thậm chí còn hơi run vì mình sắp được gặp một con người vĩ đại. Nhưng khi gặp và tiếp xúc cảm giác đó biến mất khi thấy Bác rất đời thân thương, như một người cha hiền của mình. Trước khi hỏi thăm việc luyện tập, nội dung chương trình, Người quan tâm đầu tiên đến chuyện ăn ở, sinh hoạt, trang phục xem thiếu đủ thế nào, rồi nói đến gia đình, ruột thịt mỗi thành viên. Tôi không sao quên được những chi tiết ấy.

PV: Cho đến hôm nay, ông có còn ý định tiếp tục viết bài hát về Bác?

NS Thuận Yến: Sao lại không? Đó là đề tài vô tận, vì đã có được chút thành công nên tôi cần đề dặt để tác phẩm sau phải có cái gì mới hơn so với trước. Chỉ như vậy, công chúng mới có thể chấp nhận.

KIỀU THẨM thực hiện

KỶ NIỆM VỀ NHỮNG BÀI CA

THUẬN YẾN

Tháng 6 năm 1967, Đoàn văn công Quân Giải phóng Trị Thiên Huế từ chiến trường ra Hà Nội tập huấn nghiệp vụ và củng cố tăng cường diễn viên chuẩn bị cho cuộc tổng công kích Mậu Thân mùa xuân năm 1968.

Cục Cán bộ Tổng cục Chính trị bố trí chúng tôi ở tại 83 Lý Nam Đế. Được tin có đoàn văn công từ chiến trường miền Nam ra, bác Vũ Kỳ đến thăm đoàn và tổ chức cho hai diễn viên hát, vào thăm Bác và dặn rằng Bác hỏi điều gì thì trả lời - có nguyện vọng gì cũng bày tỏ với Bác. Hai ca sĩ Thu Hồng và Bích Lộc được phép vào thăm Bác. Không rõ hai cô ấy có báo cáo với Bác về quân trang, quân phục thiếu thốn không mà sau đó vài ngày đoàn chúng tôi được trang bị đầy đủ từ quần áo, giày dép, tăng, màn, võng, ba lô, mũ, mới toanh không thiếu thứ gì. Nghe kể lại rằng, bác Vũ Kỳ chuyển lời Bác với Tổng cục Chính trị:

- Đoàn văn công Quân Giải phóng Trị Thiên Huế chỉ có 16 người, 6 cô gái và 10 chàng trai. 16 năm cơm thôi. Chăm sóc chu đáo.

Sau hai tuần đoàn chúng tôi được phép vào biểu diễn phục vụ Bác ngay trong Chủ tịch phủ.

Cả đoàn hồi hộp, chờ đợi được nhìn thấy Bác. Bỗng Bác đi từ từ cùng với hai chiến sĩ bảo vệ đưa Bác vào chỗ ngồi phía trước. Thật hạnh phúc biết bao lần đầu tiên được nhìn Bác rất gần.

Bác ngồi trên chiếc ghế mây, một cháu bé ngồi trong lòng Bác. Trên chiếc bàn mây đặt trước Bác có một đĩa kẹo.

Tôi quan sát ở phía sau Bác có các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, v.v... Biểu diễn xong mỗi tiết mục Bác lên tặng cho mỗi diễn viên hai chiếc kẹo. Xong chương trình Đoàn đoàn tập hợp xếp hàng trước mặt Bác. Bác nhận xét:

- Các cháu biểu diễn như thế là hay đấy! Nhưng chưa tốt bậc đâu! Cố gắng trau dồi thêm. Trở về lại chiến trường các cháu chuyển lời của Bác thăm hỏi đồng bào Trị Thiên - Huế. Vì điều kiện Bác chưa đi thăm được. Khi thống nhất đất nước Bác sẽ vào thăm đồng bào miền Nam...

Ba ngày sau đoàn văn công chúng tôi trở về lại chiến trường mang theo hình ảnh Bác, một kỷ niệm không bao giờ quên.

Hình tượng Bác Hồ là đề tài lớn của văn học nghệ thuật. Riêng lĩnh vực âm nhạc đã có nhiều tác phẩm viết về Người từ những năm 1945 của Nguyễn Xuân Khoát, Lưu Bách Thụ, Trần Kiết Tường, Tô Vũ... Tôi thuộc thế hệ sau này.

Sau chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 Bác Hồ có viết thư động viên quân và dân Trị Thiên - Huế. Cảm thư Bác trong tay tôi xúc động quá, lúc bấy giờ đang thực tế ở đại đội 16 - còn có nhà văn Học Phi, nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh và tôi. Đêm ấy tôi chui xuống căn hầm chữ A ngồi viết ngay ca khúc *"Mỗi dòng thư Bác sáng ngời niềm tin"*. Lời ca có đoạn:

*"... Dù nhà tan, dù cửa nát mà cũng ừ
Quyết tâm đánh Mỹ dẫu cực chày rồi sương sau...
Trong khó khăn! Trong gian khổ chẳng sờn
Nhớ thơ Bác dặn sẽ bền lòng mà tiến lên!"*

Tôi gửi ngay ra Đài Tiếng nói Việt Nam qua đường quân bưu. Một tuần sau tôi nghe ca sĩ Tuyết Thanh hát trên làn sóng của Đài.

Năm 1969, Bác mất - nỗi đau buồn lớn lao quá tôi chưa viết được ca khúc nào. Các nhạc sĩ Chu Minh, Huy Thục, Hoàng Hiệp, Nguyễn Đức Toàn... đã có nhiều ca khúc về Bác rất hay.

Khi sắp kỷ niệm 90 năm ngày sinh của Bác và 50 năm ngày thành lập Đảng, năm 1979 Nhà xuất bản Văn hoá mời 30 nhạc sĩ đến yêu cầu mỗi nhạc sĩ viết hai bài về Đảng và Bác Hồ, chuẩn bị xuất bản hai tập nhạc về Đảng và Bác Hồ.

Tôi viết bài *"Khúc ca mới dâng Đảng"* được Đoàn ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam thu thanh giới thiệu trên sóng phát thanh. Còn bài hát về Bác, trăn trở suy nghĩ vẫn chưa tìm ra cách viết của riêng mình.

Kỷ niệm lần gặp Bác tại Phủ Chủ tịch năm 1967 đã thức dậy trong trái tim tôi hình ảnh gần gũi thân thương của Bác. Tôi khắc họa chân dung Bác bằng âm nhạc với chủ đề *"Bác Hồ - một tình yêu bao la"*, nhịp điệu 6/8 đong đưa, nhẹ nhàng trữ tình, gần gũi với khúc hát dân gian, như một câu chuyện kể về cuộc đời và tình cảm của Bác.

Lời ca vào đầu:

*"Bác Hồ - Người là tình yêu thiết tha nhất
Trong lòng dân và trong trái tim nhân loại
Cả cuộc đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân
Cả cuộc đời Bác hy sinh cho dân tộc Việt Nam".*

Đoạn 2:

*"Bác thương các cụ già xuân về gửi biếu lụa
Bác yêu đàn cháu nhỏ trung thu gửi cho quà
Bác thương đoàn dân công đêm nay ngủ ngoài rừng
Bác thương người chiến sĩ đứng gác ngoài biên cương
Bác viết thư thăm hỏi gửi muôn vàn yêu thương.
- Cả cuộc đời rất thanh cao không gợn chút riêng tư
Mãi ngàn đời ngát hương thơm trong tâm hồn Việt Nam!"*

Ca khúc *"Bác Hồ - một tình yêu bao la"* là một trong năm ca khúc được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2001.

Mỗi lần tôi về thăm quê Quảng Nam - Đà Nẵng, các đồng chí lãnh đạo và bà con quê nhà lại trách móc là người con quê hương mà chưa viết bài hát về Bác Hồ với quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng. Lời trách móc thân thương ấy đã động viên tôi tìm cách nào đó để đáp lại tình cảm của nhân dân đối với Bác Hồ kính yêu.

Năm 1987, tôi về Đoàn văn công Quân khu 5 quyết tâm thực hiện bằng được ca khúc Bác Hồ với quê hương. Anh Lê Huân, Trưởng đoàn văn công Quân khu 5 đã giúp tôi vào thăm khu nhà sàn Bác ở được Quân khu 5 dựng lại như khu nhà Bác ở Thủ đô Hà Nội và nghe nhiều chuyện kể về Bác. Một tuần lễ trôi qua vẫn chưa tạo được chủ đề và cảm xúc. Thấy tôi băn khoăn lo lắng, anh Lê Huân gọi tôi đến nhà riêng. Anh nói: có hai chi tiết này, Thuận Yến nghiên cứu xem. Anh trao cho tôi quyển "*Búp sen xanh*" của nhà văn Sơn Tùng có chỗ viết như sau: trên đường vào Nam đi qua Bình Định, Bác có ghé lên Bình Khê thăm cha đang làm quan tri huyện tại đó. Với tình cảm của người cha, ông khuyên con: "... Con vào đây làm gì. Hãy tìm con đường riêng mà đi!". Năm ấy là năm 1910 - lúc Bác Hồ ở tuổi 20. Tuy vậy tình cảm của người cha vẫn thương con. Ông viết một lá thư gửi cho ông bạn là chủ hiệu nước mắm Liên Thành ở Phan Thiết. Ông bạn ấy đã giữ Bác Hồ ở lại và bố trí Bác làm thầy giáo dạy trường Dục Thanh.

Được một năm thôi, Bác tiếp tục cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước. Theo lời kể của nhà văn Sơn Tùng trong quyển "*Búp sen xanh*" - Bác Hồ được ông Tư Lê đưa vào Sài Gòn bằng thuyền máy. Từ bến cảng Nhà Rồng Bác xuống tàu xin làm phụ bếp để được đi sang Pháp. Những chi tiết trong quyển "*Búp sen xanh*" đã gợi mở cho tôi tứ thơ và nhạc, hình thành một chủ đề âm nhạc. Có nội dung, chủ đề, còn ngôn ngữ âm nhạc phải viết thế nào để tránh sự lặp của mình với các nhạc sĩ đã viết trước về Bác. Tôi chọn ngôn ngữ âm nhạc có âm hưởng dân ca miền Nam Trung Bộ. Bộ cục nhạc phẩm này cũng phải thay đổi một cách

khác, không giống ai, nhân vật chính trong ca khúc là lớp chiến sĩ trẻ sinh ra trong hoà bình.

Khúc dạo đầu tôi trích hai câu thơ của nhà thơ Tố Hữu:

*"... Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha..."*

Ca khúc mang tên "*Miền Trung nhớ Bác*"

Sau hai câu thơ bắt đầu vào hát:

*"Chúng con sinh ra khi nước còn chia cắt
Nỗi nhớ Bác Hồ dâng đặc đêm miền Trung
Để sớm nay con đi giữa đoàn quân
trong gió biển chan hòa đi theo dấu chân Bác".
... "Trời Bình Khê xanh trong bát ngát
lưu luyến một chiều Bác đến thăm cha..."
... "Biển Phan Thiết đêm đêm sóng hát
Khúc tiễn đưa lưu luyến bến Nhà Rồng
Biển muôn đời hát mãi nỗi nhớ mong!"*

Đó là kỷ niệm riêng tư của tôi trong hai ca khúc viết về Bác, xin được tâm sự để những độc giả yêu các ca khúc viết về Bác hiểu thêm!

Tháng 7.2005

BÁC HỒ TRONG KÝ ỨC VĂN NGHỆ SĨ

DÂN HUYỀN

Thông thường, người ta biết đến nhà văn hoá Hồ Chí Minh, một quan điểm văn hoá mác-xít chân chính, một bản sắc văn hoá Việt Nam đầy tính sáng tạo trong mối liên hệ với thực tiễn lịch sử, ở sáng tác thơ văn của Người. Nhưng những gì có mối liên hệ với văn hóa trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người đã làm chúng ta phải ngạc nhiên và thán phục bởi cái bình diện vừa rộng lớn vừa sâu sắc của nó.

Bên cạnh những sáng tác thơ văn, chính luận, Người đã từng vẽ tranh, chụp ảnh, viết kịch, phê bình phim... Đối với âm nhạc - một loại hình nghệ thuật đặc thù tưởng như rất trừu tượng, chúng ta cũng tìm thấy những nét riêng có liên quan tới hoạt động cách mạng và quan điểm văn hoá của Người.

Trong các tiểu sử, hồi ký, truyện ký, chuyên luận về Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta thấy sự hiện diện của âm nhạc như một nguồn nuôi dưỡng tinh thần và tình cảm dân tộc, một thành tố tạo nên diện mạo nhà văn hoá, một vũ khí và phương tiện đấu tranh cách mạng, một đối tượng được cảm thụ và đánh giá trên quan điểm thẩm mỹ.

Âm nhạc dân tộc đã đi vào tâm hồn và tình cảm của Bác ngay từ thời thơ ấu. Dù sau này phải rời quê theo cha vào kinh đô Huế từ thời niên thiếu, đi dạy học ở Phan Thiết, làm nghề khuân vác ở bến cảng nhà Rồng, rồi xuất dương tìm đường cứu nước suốt gần nửa thế kỷ đến khi trở thành lãnh tụ của dân tộc Bác vẫn nhớ đình ninh những làn điệu, những câu hát dân gian ở

quê nhà. Chính vì vậy, sau này khi gặp gỡ các nghệ sĩ đến thăm và biểu diễn Bác thường nói: "Lúc còn nhỏ Bác nghe nhiều cụ ở Nghệ An hát ví phường vải và các điệu dân ca Nghệ Tĩnh rất hay". Có một lần đoàn văn công quân khu IV đến thăm và biểu diễn cho Bác xem, một diễn viên hát điệu ví đò đưa với câu mở đầu *"Ai biết nước sông Lam rằng là trong là đục..."* Bác cười và nói: "Ồ Nghệ An người ta gọi là nác chứ không phải là nước". Một diễn viên khác hát điệu hò khoan, nhưng sau mỗi câu lại không có người hát xen kẽ. Bác liền bảo: "Các cháu không hò khoan theo à?". (Sách Bác Hồ với văn nghệ sĩ).

Ta thấy rõ Bác không chỉ nhớ từng chi tiết lời ca, nhớ các làn điệu mà cả kết cấu của những làn điệu dân ca quen thuộc. Xin lưu ý rằng câu chuyện trên diễn ra vào năm 1969, năm Bác 79 tuổi, mùa xuân cuối cùng trong cuộc đời của Bác, trước khi Bác đi xa.

Nhà cách mạng lão thành Lê Văn Hiến kể: "... Ở chiến khu trong các hội nghị, các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, Bác Hồ thường thích nghe tôi hát tuồng... Có lần trong một hội nghị rất đông, tôi hát lời của "Công chúa Trại 3" tự đấu tranh với bản thân để theo chồng (là Định Thanh)... Hát đến đó tôi ngừng lại cho như thế là đủ. Bỗng Bác bảo tôi tiếp thêm:

"Hữu tình mà hóa vô tình

Bơ vơ thế thiếp, lênh đênh nổi chèo"

Sao Bác có thể nhớ lời của nhân vật rành đến thế? Bác động viên tôi hát tiếp. Thấy hào hứng của Bác đối với nghệ thuật tuồng truyền sang mọi người. Nhiều lần cả những khi tiếp khách quý, tôi thấy Bác thường cho mời các đoàn tuồng, chèo đến biểu diễn.

Vốn cổ truyền quý báu của dân tộc, dù ở miền nào, địa phương nào đều được Bác trân trọng và cảm thụ với niềm xúc động sâu sắc. Bác tìm thấy ở di sản văn hóa tinh thần ấy một ngọn nguồn, một nền tảng để xây dựng văn hóa mới của đất nước, bên cạnh việc hấp thụ tinh hoa của loài người.

Nhưng quan điểm của Người trong công cuộc bảo tồn và phát huy vốn nghệ thuật dân tộc là phải biết gạn đục khơi trong, *"tránh phục cổ một cách máy móc"* (Thư gửi Hội nghị cán bộ văn hóa ngày 28/2/1957). Như vậy, việc giữ gìn và bảo tồn vốn âm nhạc cổ truyền phải gắn với việc phát huy, phát triển. Phát triển nhưng không làm sai lệch, mất đi cái tinh túy cái bản sắc của nó: *"Chớ có gieo vừng ra ngô"*.

Sự cảm thụ tinh tế, sâu sắc của Bác đối với âm nhạc dân tộc, quan điểm của Bác trong việc giữ gìn, phát huy những tinh hoa âm nhạc dân tộc, không tách rời sự chăm sóc ân cần của người đối với văn nghệ sĩ, trong đó có những nghệ sĩ hoạt động ở lĩnh vực âm nhạc cổ truyền dân tộc. Có biết bao câu chuyện cảm động về mối quan hệ này.

Nghệ sĩ tuồng Nguyễn Nho Tuý đã không ngờ cái nghề diễn tuồng trước đây bị xem là "xương ca vô loài" lại được Bác Hồ và các đồng chí Trung ương ngồi xem trân trọng đến thế.... "Bác còn bước lên sân khấu bắt tay anh chị em tôi, lại ân cần dặn dò: *"Nghệ thuật của ông cha ta hay lắm, tốt lắm! Cố mà giữ gìn"*.

Qua các đoạn hồi ký của nghệ sĩ Thương Huyền chúng ta được biết chị là một trong những nhà hoạt động nghệ thuật may mắn và vinh dự được sự chăm sóc và chỉ bảo ân cần của Bác ngay từ những ngày đầu thành lập chính quyền cách mạng "Ngay từ lúc còn là một cô gái 20 tuổi, hát trong những cuộc hội họp của quần chúng sau những ngày Cách mạng Tháng Tám, tôi đã được gặp Bác. Nghe tôi hát, Bác động viên: *"Cháu hát tốt lắm, nhưng phải cố gắng, tập thêm nhiều bài mới để phục vụ chiến sĩ, đồng bào và phải chú ý thuộc nhiều dân ca"* Thời kỳ tôi ở đoàn ca múa trung ương. Có lần Bác đến thăm chúng tôi biểu diễn vở chèo "Chị Tấm anh Đền". Diễn xong, Bác cho gọi cô Tấm (do tôi đóng) đến thưởng cho một đĩa kẹo rồi nói: "Hôm nay cháu hát khá hơn các lần trước nhưng vẫn phải cố gắng nhiều hơn".

Đối với nghệ sĩ, Bác không chỉ động viên khen ngợi, nhắc nhở phải phấn đấu tiến bộ không ngừng trong nghề nghiệp, mà còn có những nhận xét chi tiết về chuyên môn để giúp nghệ sĩ khắc phục những nhược điểm nhằm đem lại hiệu quả nghệ thuật cao hơn, phục vụ công chúng tốt hơn, Thương Huyền giữ mãi một kỷ niệm đáng ghi nhớ: "Tết năm đó, chúng tôi ăn Tết với trung ương ở ATK (an toàn khu). Riêng tôi thỉnh thoảng được Bác dặn: "Cháu hát hay, nhưng luôn nhớ là phải cố gắng hát thật rõ lời và chậm thôi để người ta hiểu được hết nội dung ý nghĩa của bài hát". Một lần khác, vào những năm chống Mỹ, chị được mời đến Phủ Chủ tịch để xem phim. Trước khi chiếu phim Bác hỏi những người cùng xem trong cơ quan có thích nghe Thương Huyền hát không, mọi người đồng thanh hưởng ứng. Bác liền nói: "Cô Huyền hát đi, hát ru con Nam bộ, hát quan họ Bắc Ninh tùy ý, nhưng nhớ là hát phải thong thả và rõ lời".

Sự quan tâm chăm sóc của Bác đối với đội ngũ nghệ sĩ, hơn thế nữa, đối với từng người cụ thể, không chỉ là mối quan hệ giữa một lãnh tụ đối với nghệ sĩ mà trước hết là tình thương của người cha, người bác đối với con cháu. Đó là cái cốt lõi nhân bản đậm bản sắc dân tộc trong đạo đức của Người.

Đối với người nghệ sĩ Bác còn dành sự quan tâm đến đời sống thường ngày và quan hệ xã hội gia đình của họ. Nghệ sĩ Ái Liên, người đã hoạt động trong ngành nghệ thuật cải lương từ trước cách mạng, đã kể lại những mẩu chuyện cảm động trong lần chị và gia đình được đến thăm và biểu diễn cho Bác nghe. Có lần Bác hỏi: "Cô được mấy cháu rồi? Cháu nhỏ, cô đi biểu diễn vất vả lắm không?" Gặp chị lần khác Bác lại hỏi: "Các cháu khỏe cả chứ? Cô đi biểu diễn thế có khi nào mời bà cụ giúp việc đi xem không?".

Bác khuyên các nghệ sĩ phải trau dồi, học hỏi vốn âm nhạc dân tộc không chỉ là làn điệu bài bản, các hình thức, phong cách... mà ở cả trong các nghệ nhân, ở những lớp người đi trước. Họ cũng là vốn quý của nghệ thuật dân tộc.

Nghệ sĩ sáo Đinh Thìn kể lại: có một lần sau khi thổi sáo cho Bác nghe, nghe xong Bác gạt gù và hỏi anh thổi sáo đã lâu chưa và học ai. Đinh Thìn thưa với Bác về cụ Ly, một nghệ nhân giỏi sáo dạy anh, nay đã gần 70 tuổi. Bác hỏi thân thể và hoạt động của người nghệ nhân và nói: "Thể là tốt, cháu đã gặp thầy rồi đó".

Bác rất yêu thích âm nhạc dân tộc và quen thuộc nhiều làn điệu dân ca. Chưa có nguồn tự liệu nào cho biết thời trẻ Bác đã tập chơi loại nhạc cụ gì. Vậy mà những năm cuối đời, một lần sau khi nghe nghệ sĩ biểu diễn tiết mục sáo trúc, Bác hỏi:

- Chiếc sáo này cháu tự làm lấy hay mua?

- Dạ thưa Bác cháu tự làm.

- Tự làm như thế là giỏi... trong kháng chiến chiến chống Pháp, Bác thấy các chú bộ đội làm sáo nhanh lắm. Đi hành quân, đi tập đều mang theo thổi rất vui.

Nói rồi Bác cầm ống sáo hỏi cách thổi, bấm ngón, lấy hơi và nghệ sĩ đã kể lại cái phút lạ lùng ấy: "Bác để sáo lên miệng thổi. Không khí trong phòng bấy giờ như ngưng đọng lại, mọi người nín thở chờ đợi tiếng sáo của Bác, Bác lấy hơi, nhẹ thổi, hơi chạy vào trong ống sáo, thoát ra các ngón tay của Bác gọi thành một làn điệu dân ca. Bác thổi vừa dứt thì tiếng vỗ tay trong phòng rộn lên, vừa ngạc nhiên vừa sung sướng".

Câu chuyện trên đây tưởng như một huyền thoại, nhưng có lẽ không phải huyền thoại. Bởi lẽ hồn nhạc dân tộc từ lâu đã thấm sâu vào trái tim và tình cảm của Người - Một cuộc đời vĩ đại mà 79 mùa xuân xuất hiện trên hành tinh này đã để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân toàn Đảng và bạn bầu quốc tế.

MÓN QUÀ VÔ GIÁ CỦA BÁC HỒ

MINH NGỌC

Vào một chiều tháng 9, nắng vẫn còn dát vàng trên đường phố, chúng tôi đến thăm bà Trần Thị Ngà, nguyên là diễn viên Đoàn Ca múa Quân đội Tổng cục Chính trị. Đã ngoài 60 tuổi, nhưng bà vẫn còn giữ được những nét của tuổi thanh xuân, giọng nói vẫn trẻ trung, duyên dáng. Tiếp chúng tôi tại nhà riêng ở Hà Nội, bà xúc động kể: "Từ năm 1961 - 1969, tôi vinh dự được nhiều lần vào biểu diễn văn nghệ phục vụ Bác và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Cũng có lần tôi còn được phép đọc sách báo, tạp chí cho Bác nghe, được Bác cho mang hoa tặng các đoàn khách hay rót nước khi Người tiếp khách. Trong những lần vào phục vụ tại Phủ Chủ tịch, tôi được Bác cho 2 món quà vào hai thời điểm rất ý nghĩa với nghề nghiệp của tôi. Đó là quyển sách *Bầu trời và mặt đất* khi tôi làm biên tập âm nhạc tại Xưởng phim Quân đội và tập đĩa hát *Trà hoa nữ* khi là ca sĩ của Đoàn ca múa Quân đội Tổng cục Hậu cần.

Kể đến đây, bà đứng dậy vào trong nhà lấy ra tập đĩa hát vẫn còn như mới đưa cho chúng tôi xem và kể tiếp: "Tôi còn nhớ đó là ngày 5.6.1967, Bác cho tôi tập đĩa hát vở opera *La Traviata* (Trà hoa nữ) của nhạc sĩ Giuseppe Verdi. Tập đĩa hát này của Đảng Cộng sản Ý biếu Bác vào tháng 12.1966. Có lẽ vì biết Bác rất thích âm nhạc, Đảng Cộng sản Ý đã có nhã ý tặng Bác một nhạc phẩm trữ tình nổi tiếng của dân tộc mình.

Trà hoa nữ là một tiểu thuyết của Alexandre Dumas (con) được xuất bản đầu tiên vào năm 1848. Đây là tác phẩm đầu tay nhưng đã khẳng định tài năng và đem lại vinh quang rực rỡ cho ông. Nội dung tiểu thuyết kể về mối tình bất thành của chàng

thanh niên thượng lưu Duval với cô kỹ nữ Marguerite. Sau này tác phẩm được chuyển thể, đưa lên sân khấu và trình diễn vào năm 1852 ở Paris. vở diễn đã luôn đứng ở vị trí hàng đầu tại Nhà hát de Vaudeville thuộc Paris. Từ sự thành công của vở diễn, nhạc sĩ người Ý Giuseppe Verdi đã chuyển thành nhạc kịch. Ông dựa trên cảm hứng của tác phẩm văn học *Trà hoa nữ* sáng tác vở opera cùng tên, nữ nhân vật chính Marguerite Gautier trong *Trà hoa nữ* được đổi tên thành Violetta Valéry.

Bác đưa tập đĩa hát cho tôi và hỏi: "Nhà bé có máy hát không?". "Thưa Bác, có ạ". "Bé có biết cái "tích" này nói gì không?". "Thưa Bác con biết ạ". Tôi nói tóm tắt nội dung của vở nhạc kịch. Bác lắng nghe, mỉm cười tỏ ý hài lòng và hỏi: "Bé có thuộc đoạn nào trong này không?". "Thưa Bác, con hát một đoạn để Bác nghe ạ". Và tôi đã hát đoạn người bố khuyên con trai rời bỏ chốn phồn hoa đô hội để trở về với gia đình nơi miền quê Provence êm đềm.

Đã 43 năm trôi qua, biết bao nhiêu đổi thay. Chiến tranh tàn khốc, đơn vị luôn di chuyển phục vụ bộ đội ở khắp nơi, bom rơi đạn nổ, đồ đạc mất mát, thất lạc, nhưng cuốn sách và tập đĩa hát vẫn được bà Trần Thị Ngà giữ cẩn thận. Cuốn sách bà đã trao tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh, nay bà có ý nguyện trao tặng tập đĩa hát, món quà vô cùng thiêng liêng Bác đã dành cho bà mà bà gìn giữ như báu vật của cuộc đời cho Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

Cuộc đời 45 tuổi quân của bà gắn liền với sự nghiệp hoạt động nghệ thuật trong quân đội, ngoài Giải người Dẫn chương trình xuất sắc của Liên hoan phim Việt Nam lần thứ IX (năm 1990), Giải Biên tập âm nhạc xuất sắc của Liên hoan phim Việt Nam lần thứ IX (năm 1990) bà còn được phần thưởng vô giá là nhiều lần được biểu diễn phục vụ Bác Hồ và điều hạnh phúc hơn là được Bác cho quà, điều mà không phải nghệ sĩ nào cũng vinh dự được nhận.

BÁC HỒ VỚI VÕN VĂN NGHỆ DÂN TỘC

VĨNH AN

Hồi ấy tôi phụ trách Đoàn văn công quân đội Liên khu 5 đóng ở Nghệ An. Một lần, Bác vào thăm Quân khu 4 và cán bộ nhân dân tỉnh Nghệ An. Một bộ phận diễn viên trong đoàn được vinh dự phục vụ Bác tại nhà khách của Tỉnh uỷ. Sau khi xem chúng tôi biểu diễn một số tiết mục mang đậm màu sắc dân ca Liên khu 5, có lẽ Bác ngỡ ngơ giọng hát của đồng chí Kim Lương qua bài *Gởi anh lính bờ Nam*. Bác hỏi đồng chí Kim Lương: "Cháu quê ở đâu?". Đồng chí Kim Lương lễ phép trả lời: "Thưa Bác! Quê cháu ở Nghệ An". Bác nói tiếp: "Cháu hát khá đấy, bài này Bác đã nghe nhiều lần qua đài phát thanh của ta, nhưng cháu có biết hát ví phường vải Nghệ An không?". Đồng chí Kim Lương đáp: "Dạ... cháu hát... chưa đúng!". Bác nói: "Lúc nhỏ Bác nghe nhiều cụ ở Nghệ An hát ví phường vải và các điệu dân ca Nghệ Tĩnh rất hay". Bác nhìn các đồng chí Phụng Tiếp, Thanh Trúc, Mai Hương và nói tiếp: "Các cháu người quê ở Khu 5 phải không? Các cháu hát dân ca như thế là khá. Nhưng các cháu phải biết hát nhiều dân ca của các miền, vì mỗi miền đều có dân ca hay, chẳng những người địa phương đó thích, mà người địa phương khác cũng thích. Còn cháu quê ở Nghệ An (Bác chỉ đồng chí Kim Lương) lần sau phải cho Bác nghe ví phường vải đấy!".

Sau đó hơn một năm, đoàn chúng tôi có dịp ra công tác ở Hà Nội được Bác gọi đến biểu diễn tại Phủ Chủ tịch. Diễn viên trong đoàn đang hoá trang thì cửa phòng xịch mở. "Bác! Bác! Bác đến!". Anh chị em đồng thanh reo mừng và vây quanh Bác.

Bác hỏi: "Hôm nay các cháu cho Bác xem mục gì đây?". Tôi đứng nghiêm báo cáo với Bác: "Thưa Bác! Hôm nay chúng cháu phục vụ Bác một chương trình dân ca Khu 5 chọn lọc". Bác cười rồi hỏi tôi: "Các cháu chọn lọc hay Bác chọn lọc?". Tôi đang lúng túng chưa biết báo cáo với Bác thế nào thì Bác đã vui vẻ nói tiếp: "Chú là ông trùm phải không? Hôm nay chú đưa bao nhiêu cháu đến đây?". Tôi thưa: "Thưa Bác! Hôm nay chỉ có nửa quân số trong đoàn đến phục vụ Bác". Bác nói: "Không mấy khi các cháu ở Nghệ An ra, sao không đến đây cả cho vui?". Bác âu yếm nhìn qua một lượt nét mặt từng diễn viên trong đoàn. Bỗng Bác hỏi: "Còn thiếu hai cháu, hai cháu hát bài chòi cho Bác nghe dạo ở Nghệ An, sao hôm nay không có ở đây?". Tôi giật nảy mình, vì Bác nhớ lâu quá! Tôi thưa với Bác: "Hai đồng chí đó là Phụng Tiếp và Thanh Trúc sắp sinh con nên ở lại nhà". Bác hỏi: "Thế có hát bài chòi không?". "Dạ, có nhiều ạ". Anh chị em trong đoàn đồng thanh thưa với Bác như vậy.

Đồng chí Kim Lương mạnh dạn đến gần Bác, đồng chí hô hợp báo cáo với Bác: "Thưa Bác! Hôm nay Bác cho cháu hát ví phường vải để phục vụ Bác". Bác cười rồi nói với đồng chí Kim Lương: "Thế là hôm nay cháu đã hát được dân ca Nghệ An rồi chứ gì? Ừ, người của địa phương nào trước hết phải biết hát dân ca của địa phương mình". Bác bảo tiếp chúng tôi là cứ diễn những tiết mục đã chuẩn bị.

Một dịp khác vào cuối năm 1964, chúng tôi được Trung ương điều động ra Hà Nội phục vụ Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Vê-nê-duy-ê-la sang thăm nước ta. Trên sân khấu hội trường Ba Đình, dàn hợp xướng của đoàn đang đứng sẵn trên bục chờ mở màn thì Bác vén tấm màn bước vào. Dàn hợp xướng mừng quá, đội ngũ xáo trộn. Bác vừa đi vừa đưa tay lên cao, nói to: "Kỷ luật! Kỷ luật bộ đội!". Rồi Bác nói tiếp: "Hôm nay các cháu diễn tiết mục gì đây?". Tôi thưa với Bác: "Thưa Bác! Hôm nay các cháu diễn nhiều tiết mục dân tộc". Bác nói tiếp: "Còn những tiết mục khác là của dân tộc nào?". Tôi còn chưa biết nên thưa

với Bác như thế nào thì Bác đã nói ngay: "Ta không diễn văn nghệ dân tộc của ta thì diễn văn nghệ dân tộc nào? Theo Bác thì phải là dân tộc tất cả. Dân tộc! Chiến đấu! Các cháu phải hát thật khoẻ, thật hay vào!".

Ngày hôm sau, chúng tôi tổ chức đoàn thảo luận học tập lời Bác dạy qua nhiều lần phục vụ Bác. Chúng tôi rút ra ba điểm lớn:

- Một là, phải biết quý trọng vốn nghệ thuật dân tộc vì đó là kết quả sáng tạo lâu đời của nhân dân ta.

- Hai là, diễn viên phải biết hát nhiều dân ca. Diễn viên ở địa phương nào trước hết phải tìm tòi, khai thác, học tập và hát hay dân ca của địa phương mình.

- Ba là, phải biết kế thừa, phát triển vốn dân ca để sáng tác miêu tả con người và cuộc sống sản xuất, chiến đấu hiện nay của nhân dân ta, sao cho xứng đáng với nhân dân đang phát huy sức mạnh tuyệt vời của thế hệ Hồ Chí Minh, quyết giành độc lập, thống nhất cho đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

NGHỆ SĨ TIỀN “BẦU” VÀ HAI LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Phỏng vấn NS. NGUYỄN TIẾN

Hơn 40 năm hoạt động nghệ thuật và công tác tại Nhà hát ca múa nhạc Quân đội, trải qua rất nhiều sự kiện trong cuộc sống và trong công việc, nhưng Phó giám đốc Nhà hát, nhạc sĩ Nguyễn Tiến không bao giờ quên được kỷ niệm thuở ấu thơ được gặp Bác Hồ. Những kỷ niệm đó không chỉ sống mãi trong lòng anh, mà còn là kim chỉ nam cho anh khi lựa chọn con đường nghệ thuật cho riêng mình. Nhạc sĩ, nghệ sĩ đàn bầu Nguyễn Tiến (còn gọi là Tiến "bầu") đã chia sẻ những kỷ niệm không bao giờ quên đó, cùng những trải nghiệm qua cả hai vị trí nhạc sĩ và nhà quản lý của một nhà hát 60 năm tuổi.

- *Thưa nhạc sĩ Nguyễn Tiến, anh có thể chia sẻ về kỷ niệm hai lần được gặp Bác Hồ?*

- Năm 1963, Bác Hồ về thăm Nam Định, hồi đó tôi đang chơi đàn bầu trong CLB Vàng Anh, một trong ba CLB thiếu nhi đầu tiên ở miền bắc. Một tốp thiếu nhi, trong đó có tôi được cử vào biểu diễn ca nhạc cho Bác Hồ xem. Trước giờ biểu diễn, lúc đứng ngoài hành lang cùng tốp thiếu nhi, khi Bác Hồ đi qua và hô “Nghiêm”, tôi còn bị giơ tay chào sai, được Bác sửa. Khi biểu diễn xong đàn bầu, khúc *Hành vân*, Bác Hồ ra tận mép sân khấu đưa kẹo cho tôi. Khi đó tôi còn rất nhỏ, chưa ý thức được, chỉ một mực thích xuống ngồi cạnh Bác, thậm chí vút cả đàn lại trên sân khấu, ai dọn thì dọn. Khi hết chương trình, mọi người đổ xô vào chụp ảnh cùng Bác, vì quá bé không chen được nên tôi tìm cách túm chặt gấu áo Bác, Bác thấy vậy bèn nắm tay kéo tôi lên



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nghệ sĩ Đoàn Ca nhạc
Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam sau buổi biểu diễn tại
Phủ Chủ tịch ngày 7/1/1967.

Ảnh: Vũ Đình Hồng

và cho ngồi vào lòng chụp ảnh. Đó là tám ảnh tôi giữ như một báu vật bên mình.

Năm 1966, nhân dịp có khách ngoại giao sang thăm, Phủ Chủ tịch cũng mời một nhóm thiếu nhi vào biểu diễn văn nghệ, bao gồm tôi, em gái là Thúy Đạt, cùng hai chị Ái Vân và Ái Xuân. Đoàn khách ngoại giao sau này đột xuất hoãn chuyến thăm, nhưng buổi biểu diễn của các cháu thiếu nhi thì vẫn diễn ra. Bố tôi là nghệ sĩ đàn bầu Nguyễn Tiểu, được đi theo để lắp đàn cho tôi. Buổi tối hôm đó chúng tôi biểu diễn trong phòng gương ở Phủ Chủ tịch, cho các anh hùng và các lãnh đạo, như các bác Trường - Chinh, Phạm Văn Đồng... Nhìn thấy tôi, Bác đến xoa đầu và bảo với mọi người: “Năm kia bác gặp cháu ở Nam Định, cháu còn bé hơn bây giờ một cái đầu, năm nay đã lớn như thế này rồi, cháu đánh đàn có hay hơn không?” Mọi người cười ồ lên. Chú Vũ Kỳ bảo: “Thằng cu Tiến, cháu biểu diễn lại bài *Hành vân* cho Bác Hồ nghe đi”. Lúc đó bố tôi nói: Thưa Bác, lần này cháu sẽ biểu diễn bài *Câu hò bên bến Hiền Lương* để Bác nghe ạ. Biểu diễn xong, như lần trước, tôi lại leo vào ngồi cạnh Bác, nhưng lần này Bác không đồng ý, mà bảo, cháu được ngồi với Bác rồi, phải để cho các bạn kia ngồi cạnh Bác nữa chứ... Những kỷ niệm đó tôi không bao giờ quên, mặc dù lúc đó tôi còn rất nhỏ.

- *Những kỷ niệm đó chắc cũng có ảnh hưởng đến cuộc đời làm nghệ thuật của anh sau này?*

- Chắc chắn rồi. Đôi lúc trong cuộc đời, vì công việc bận bịu, hay vì lý do này khác mà tôi quên đi, nhưng sự kiện đó thực sự ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi. Tôi là một nhạc sĩ theo dòng nhạc dân gian truyền thống, cũng một phần do tôi chơi đàn bầu, và một phần do tôi không thể viết được nhạc nhẹ. Và Bác Hồ cũng là người thích dân ca.

Trong đời, tôi cũng tự hào vì đã có được những tác phẩm được khán giả yêu mến, như *Hoa cau vườn trầu*, *Chuyện tình lá*

diều bông, Chiều mưa Hà Nội, Nhớ đêm già bạn, Hoa cỏ may.. hay gần đây nhất là *Dời đô ngàn năm vang mãi* vừa được trao giải Nhất ca khúc kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long do Hội nhạc sĩ Việt Nam trao tặng. Trong những tác phẩm đó, bao giờ tôi cũng đau đầu một điều rằng, phải thật cẩn trọng, chăm chút về ngôn từ, giai điệu.

- *Tại sao anh lại chọn đàn bầu?*

- Tôi không chọn được, mà nghiệp đàn bầu theo tôi từ lúc mới sinh ra. Gia đình tôi đến nay có bốn đời chơi đàn bầu: ông nội tôi là tài tử đàn bầu lừng danh ở đất Nam Định, bố tôi là nghệ sĩ đàn bầu Nguyễn Tiểu, một trong những người đầu tiên tham gia Đoàn ca múa nhạc Trung ương. Ngày xưa, bố tôi dạy tôi chơi đàn dũ lăm. Con chơi đàn, bố cầm xe điều ngồi cạnh. Đánh sai một nốt là ông lấy cả xe điều quật vào người. Có hôm tôi vừa chơi vừa giàn giụa nước mắt. Mẹ tôi xót quá, bảo, ông dạy con thì dạy, đánh con thế à. Nhưng bố tôi kiên quyết bắt bà ra chỗ khác. Sau này lớn lên, tôi mới hiểu và vô cùng biết ơn bố, nhờ bố tôi mới có được ngày hôm nay. Sau này, tôi đi học sáng tác và trở thành nhạc sĩ, nhưng vẫn dạy con trai tôi chơi đàn bầu. Con trai tôi là Nguyễn Tùng, cũng là một thành viên của Nhà hát ca múa nhạc quân đội. Tuy nhiên tôi không thể dạy con mình được như bố ngày xưa, mà vất vả hơn rất nhiều bởi bây giờ hoàn cảnh xã hội hoàn toàn khác.

Năm 1989, Tổng Cục chính trị quyết định thành lập hai đội ca múa nhạc dân tộc và nhạc nhẹ, và tôi là một trong những người đầu tiên khôi phục lại đội ca múa nhạc dân tộc. Lúc bấy giờ tôi cũng chịu nhiều sức ép lắm. Ban đầu dàn nhạc chỉ có hai người, tôi và anh Tiến Thọ, biểu diễn đàn bầu và sáo tre. Tôi đã phải đi đến từng trường âm nhạc lôi kéo học sinh về. Dần dà, chúng tôi thành lập được một dàn nhạc dân tộc đầy đủ với hơn 10 người. Và từ đó đến nay, dàn nhạc đã trưởng thành với tên gọi Đoàn ca múa nhạc dân tộc. Nhà hát ca múa nhạc quân đội

sắp tổ chức kỷ niệm 60 năm thành lập, với phương châm “Làm gọn, tiết kiệm nhưng phải đầy đủ ý nghĩa”. Chúng tôi muốn thế hệ trước thấy được lớp trẻ ngày hôm nay đã trưởng thành như thế nào, và đã không quên quá khứ, đồng thời đây cũng là một cách giáo dục lớp trẻ, tạo nên sự nối tiếp của truyền thống.

TUYẾT LOAN thực hiện

NGHỆ SĨ THẢO GIANG VÀ "CÂY ĐÀN TÌNH YÊU"

NGỌC TÂN

Hơn 30 năm sau ngày miền Nam giải phóng, làng Pờ Dầu - xã Lơ Pang (huyện Mang Yang Gia Lai) mới thoát khỏi sự biệt lập của một "ốc đảo" mệnh mang những gió giữa đại ngàn: có đường ô tô đến làng, có điện lưới Quốc gia thấp sáng... Có lẽ không nhiều người biết được rằng ngôi làng Bah Nar chưa đầy 60 hộ, hơn 300 khẩu ấy, suốt hai cuộc kháng chiến luôn là một ngôi làng Cách mạng trung kiên - và trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay vẫn là một ngôi làng Cách mạng gương mẫu. "Đi trước về sau", tự hào với truyền thống Cách mạng luôn chảy trong huyết quản, Pờ Dầu cũng tự hào đã sinh ra một tài năng nghệ thuật - người đã có công đưa cây đàn goong ra thế giới, làm rạng danh thêm truyền thống văn hóa của dân tộc mình: nghệ sĩ ưu tú Thảo Giang...

Thảo Giang tên thật là Thảo Nhéch, sinh năm 1940. Ông là con thứ năm của một gia đình dân tộc Bah Nar. Tuổi thơ Thảo Nhéch đã sớm gắn với những biến động của thời cuộc... Là nơi sớm được nhen nhóm ngọn lửa Cách mạng, làng Pờ Dầu bị đế quốc Pháp cưỡng bức di dời ra Hà Ra để tiện bề theo dõi, khống chế. Tại đây Thảo Nhéch được đi học một thời gian ngắn ở trường làng, do một giáo viên người Pháp đảm nhiệm, đủ để biết chữ Bah Nar và bập bõm một ít tiếng Pháp. Năm 1952 được giác ngộ Cách mạng, cậu bé Thảo Nhéch đã thoát ly gia đình tham gia đội văn nghệ kháng chiến của địa phương, 12 tuổi đã là Đội trưởng đội văn nghệ, Thảo Nhéch tự hào mang hết sức mạnh của

lời ca tiếng hát cô vũ đồng bào hăng hái sản xuất, đánh giặc giữ làng. Năm 1954 hiệp định Giơnevơ được ký kết, Thảo Nhéch là người duy nhất của đội văn nghệ được lên đường tập kết. Trên chuyến hành trình vượt biển, Thảo Nhéch đã có dịp làm quen với những Y Brom, Siu Phích... những đồng nghiệp sau này đã cùng ông chung sức đưa tinh hoa của nghệ thuật Tây Nguyên ra công chúng miền Bắc và thế giới.

Đến Hải Phòng, sau một thời gian ngắn tham gia công tác cải cách ruộng đất, Thảo Nhéch được tập trung về Trường cán bộ dân tộc Trung ương để học văn hóa. Tiếng phổ thông chưa rành, chữ viết chỉ mới bập bõm, làm quen với nếp sống tập thể nơi phố thị là một thử thách không nhỏ với Thảo Nhéch. Tuy nhiên cậu thiếu niên Thảo Nhéch đã hiểu rằng muốn thực hiện ước mơ làm nghệ thuật trọn đời thì không thể có con đường nào ngoài học vấn. Sau 4 năm miệt mài học tập, năm 1959 Thảo Nhéch được phân công về công tác tại Đoàn ca múa Tây Nguyên cùng với các nghệ sĩ Siu Ken, Kpă Púi, H'Ben, Siu Phích... Tại đây ông đã đặt cho mình một cái tên mới thay cho cái tên Thảo Nhéch khó gọi: Thảo Giang - nghĩa là "Cỏ trời".

Đoàn ca múa Tây Nguyên lúc bấy giờ do Siu Ken làm Trưởng đoàn, Nhạc sĩ Nhật Lai là Phó đoàn. Thảo Giang được giao đảm nhận diễn viên múa. Trước đây ở đội văn nghệ kháng chiến, Thảo Giang cũng chỉ biết múa và hát. Dù được trở lại vị trí cũ, ông vẫn cảm thấy không hứng thú - nhất là trong điều kiện thời tiết của Hà Nội, việc tập luyện quá ư vất vả. Ông muốn được chuyển sang học accordéon. Nguyên vọng được chấp nhận. Năm 1960 Thảo Giang được cử đi học accordéon tại Nhạc viện Hà Nội. Năm 1964 tốt nghiệp, ông lại trở về đoàn, lúc này được mang tên là "Đoàn ca múa các dân tộc miền Nam".

Đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh ra miền Bắc, lao động nghệ thuật của đoàn cũng khẩn trương theo nhịp điệu thời chiến. Cùng với anh chị em nghệ sĩ, Thảo Giang có mặt khắp nơi: nhà máy, công trường, trận địa... Rất nhiều kỷ niệm để lại trong tâm

hồn nghệ sĩ của ông thời kỳ này. Tuy nhiên những kỷ niệm thiêng liêng nhất, trọn vẹn nhất theo suốt cuộc đời ông vẫn là những dịp được biểu diễn phục vụ Bác Hồ...

Là con em đồng bào miền Nam, cũng như đồng bạn cùng trang lứa, lúc ở Trường cán bộ dân tộc Trung ương, ông đã được Bác đến thăm nhiều lần. Tuy nhiên chưa có lần nào ông được gần Bác, được Bác trực tiếp hỏi chuyện. Năm 1965 Tổng thống Indonesia Xucacnô sang thăm Việt Nam, lần đầu tiên ông mới cảm nhận được vinh dự ấy... Hôm đó ông và nghệ sĩ Nay Pha được chọn biểu diễn đàn T'rưng để Bác và khách xem. Nay Pha biểu diễn chính, ông phụ họa. Kết thúc buổi diễn Tổng thống Xucacnô khen ngợi cây đàn kỳ diệu của Việt Nam hết lời. Bác dặn: nghệ thuật của các dân tộc Việt Nam ta rất phong phú và độc đáo. Các cháu phải ra sức giữ gìn và phát huy để phục vụ nhân dân...

Tuy nhiên trong nhiều lần được vinh dự biểu diễn phục vụ Bác, ông nhớ nhất là một lần vào quãng năm 1968 tại Phủ Chủ tịch. Xong buổi biểu diễn, Bác mời anh chị em ăn kẹo. Các diễn viên vui vẻ xúm quanh Bác thì bỗng Bác bảo: các cháu khoan ăn, hãy nhìn và làm theo Bác đây... Bác đứng lên lấy ít kẹo và thuốc lá cho vào túi. Ông và mọi người ngạc nhiên không hiểu ra sao, rụt rè làm theo. Nhìn khắp lượt chờ mọi người thực hiện xong, Bác cười: bây giờ thì các cháu ngồi xuống ăn kẹo, hút thuốc tự nhiên đi. Vừa rồi Bác bảo các cháu làm như vậy để làm gì, các cháu biết không? Mọi người vẫn chưa hiểu, Bác bảo: các cháu đến thăm Bác, biểu diễn văn nghệ cho Bác xem, lúc về lỡ bạn bè hỏi: “Vào biểu diễn cho Bác có quà gì không” thì các cháu trả lời sao? Mọi người lúc bấy giờ mới hiểu ra... Bác hỏi thăm sức khỏe, gia đình, điều kiện ăn ở của từng người. Ai cũng rơm rớm nước mắt bởi tấm lòng yêu thương chân tình, mệnh mệnh như biển trời của Bác.

Những lần được biểu diễn phục vụ Bác, không chỉ mang lại cho cuộc đời ông những giá trị tinh thần lớn lao mà còn cho ông nhiều bài học thấm thía về nghề nghiệp: kho tàng nghệ thuật của

nhân dân là mạch nguồn không bao giờ vơi cạn của người nghệ sĩ. Sự sáng tạo đạt tới sức sống lâu bền chỉ khi cảm rữ được vào mạch nguồn vô tận ấy của nhân dân...

Năm 1974 Thảo Giang cùng một số anh chị em Đoàn ca múa các dân tộc miền Nam đi B phục vụ chiến trường. Cho đến năm 1975 miền Nam hoàn toàn được giải phóng mới quay ra Hà Nội. Sau các chuyến đi biểu diễn tại Liên Xô và một số nước Đông Âu như là một sứ mệnh báo cáo thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của bè bạn, năm 1977, cùng với những cánh chim nghệ thuật đầu đàn của Tây Nguyên, Thảo Giang trở về Gia Lai - mảnh đất chôn nhau cắt rốn sau chặng đường đằng đẵng 23 năm thương nhớ...

Cũng như khoa học, sự sáng tạo đỉnh cao trong nghệ thuật đôi khi chỉ là sự may mắn tình cờ. Trường hợp Thảo Giang và cây đàn goong cũng như vậy... Đã không ít người tưởng rằng nổi tiếng với cây đàn goong đến thế, hẳn cây đàn đã gắn bó với cuộc đời ông - chí ít là những năm tháng hầy còn là một cậu bé trong đội văn nghệ kháng chiến. Chính ông cũng không ngờ được rằng khi đã bước sang tuổi "tứ thập" mới tình cờ phát hiện ra sự kỳ diệu của nó, để rồi chính nó đã chấp thêm vinh quang cho cuộc đời nghệ thuật của mình vào những năm tháng cuối đời...

Với những công lao đóng góp cho nền nghệ thuật nước nhà, năm 1996 Thảo Giang vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú"... Bây giờ ông đang an hưởng tuổi già trong một căn phòng giản dị trên gác 2 chung cư Lê Lợi thành phố Plei Ku. Mắt ông đã yếu, đọc được chữ rất khó khăn... Nhìn lại quãng đời hơn nửa thế kỷ cống hiến cho nghệ thuật, dù đời tư còn những điều không may mắn, ông vẫn tự hào là người hạnh phúc. Mà hạnh phúc lớn nhất của cuộc đời là tên tuổi của ông đã gắn với đàn goong - cây đàn tình yêu muôn điệu...

VIÊN KẼO BÁC HỒ

QUANG TUỆ *ghi*

NS H'BEN *kể*

Trong cuộc đời nghệ sĩ của mình, tôi đã có nhiều niềm vui. Nhưng có lẽ không có niềm hạnh phúc nào bằng việc trực tiếp gặp Bác Hồ. Suốt những tháng năm qua, lúc nào hình ảnh và những lời căn dặn của Bác vẫn luôn ở bên cạnh tôi, động viên tôi vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ chung cũng như những trách trở đời thường...

Tôi sinh năm 1933 ở làng Đé Đông, xã Yang Trung, huyện Kông Chro - một cái làng nghèo khó của người Bahnar.

Khi tôi bắt đầu lớn lên, Đé Đông là một làng nô lệ nên sự khổ nhục của con người không thể kể xiết... Khi đã có nhận thức, biết thương người làng mình, cũng là lúc tôi biết làng tôi có cán bộ chống Pháp đang ở. Một hôm, cán bộ người Kinh vào làng nói, bây giờ tôi vẫn còn nhớ đại ý: Hiện nay có Bác Hồ là người lãnh đạo nhân dân đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Đánh được Pháp rồi, người làng ta và cả dân các làng Tây Nguyên rộng lớn này sẽ được sung sướng, tự do... Hồi đó, tôi không hiểu biết những lời ấy. Nhưng cuộc sống hiện tại cực quá, nên chẳng riêng tôi mà cả làng ai cũng muốn đứng lên đánh Pháp, đứng lên làm cách mạng. Và lại, từ trong sâu thẳm suy nghĩ của mỗi người, nói đến Bác Hồ là nói đến lẽ phải, sự công bằng nên ai ai cũng ưng, cũng muốn đi theo con đường của Bác... Tính hiếu động lại ham việc, từ khi biết khoác cái gùi, tôi đã theo người nhà đi vận chuyển hàng hóa cho bộ đội. Những buổi sáng mờ sương tĩnh mịch, những đêm trăng sáng vàng vạc

trong rừng, tôi vừa nhúc nhắc đi vừa hát những bài dân ca quen thuộc của người làng. Thực ra thì công việc ấy cũng vất vả thậm chí nguy hiểm nữa, nhưng những ngày tháng ấy được phục vụ cách mạng là một niềm vui nên chẳng ai để ý đến chuyện đó nữa. Trong tâm trí tôi, luôn có hình ảnh Bác Hồ, một người không thể giống những người bình thường, nhưng cụ thể ra sao thì tôi không thể tưởng tượng được. Mỗi ngày lớn lên thêm, hình ảnh Bác trong suy nghĩ của tôi càng đổi khác và gần gũi hơn. Nhưng càng nghe nói nhiều về Bác, tôi lại càng nóng lòng muốn được gặp Bác ngay, dù chỉ là trong giây lát... Thời gian ấy, nhờ có chất giọng trời phú, tôi vinh dự được tham gia hát cho đồng bào và bộ đội nghe khá nhiều lần.

Thời gian cứ thế trôi và rồi một may mắn đã đến với đời tôi. Đó là vào một ngày tháng 10 năm 1955 đầy kỉ niệm: tôi được tuyển vào Đoàn văn công Tây Nguyên! Từ đây, nhiệm vụ chủ yếu của tôi là dùng lời ca, điệu múa phục vụ cách mạng. Đảng đã thay đổi cuộc đời tôi từ đây, tôi sung sướng đến trào nước mắt mỗi khi biểu diễn thành công một vài tiết mục nhỏ. Nhưng có lẽ không bao giờ tôi dám nghĩ rằng mình lại sớm được gặp Bác Hồ đến thế... Một ngày của năm 1956, bác đến thăm trường Dân tộc Trung Ương đóng tại Gia Lâm Hà Nội. Lần đầu tiên, tôi được biểu diễn văn nghệ cho Bác và các cán bộ cùng đi theo, xem xong, bác xoa đầu tôi và ân cần hỏi.

- Cháu dân tộc gì?

- Thưa Bác, dân tộc Bahnar - Tôi trả lời Bác.

Bác hỏi tiếp:

- Cháu ở đây ăn cơm có no không?

- Thưa Bác có ạ - Tôi thưa.

Bác lại hỏi:

- Cháu có nhớ nhà không?

- Thưa Bác, có ạ - tôi trả lời Bác.

Bác thoáng dăm chiêu “ừ” rồi nói với tôi:

- Cháu cố gắng học cho giỏi rồi sau này sẽ trở về quê hương Tây Nguyên phục vụ đồng bào...

Đêm ấy, tôi không sao chợp mắt được. Hóa ra, Bác Hồ gần gũi và thân thương quá. Bác không phải là thánh thần, không phải là Yang hay là một người xa lạ như đôi khi khát khao được gặp tôi vẫn nghĩ. Bác là một người bình thường mà không bình thường. Vì con người ấy dám hiến dâng cả đời mình cho cách mạng, cho Tây Nguyên chúng tôi! Tôi nhớ như in lời Bác dặn. Tôi sẽ cố gắng học tập và rèn luyện, sẽ cố gắng thật nhiều để sớm được trở về với quê hương. Ngày trở về, tôi sẽ chạy hết khắp cả làng mà nói với mọi người rằng: tôi đã được gặp Bác Hồ rồi...

Nhưng chiến tranh đã không cho tôi cũng như bao người khác trở về nơi chôn rau cắt rốn của mình như điều người ta vẫn hằng mong đợi... Là diễn viên của Đoàn văn công giải phóng, sống ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhớ lời Bác dặn tôi càng cố gắng phấn đấu để biểu diễn phục vụ ở Phủ Chủ tịch và Nhà khách của Bác thêm một lần nữa. Có lần chúng tôi còn được biểu diễn phục vụ một “người khách đặc biệt” của Bác Hồ - ông Xu-các-nô...

Ấn tượng sâu sắc nhất của tôi là hôm biểu diễn lần cuối cùng cho Bác xem ở Phủ Chủ tịch năm 1967. Đó là lần chúng tôi biểu diễn trước lúc lên đường đi lưu diễn dài ngày tại nhiều quốc gia như Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Cu ba, Triều Tiên... Kết thúc buổi biểu diễn, Bác gặp riêng các nữ diễn viên. Bác cho kẹo và hỏi từng người;

- Cháu xin Bác bao nhiêu?

Ai cũng nhanh nhẩu xin Bác cho nhiều nhiều. Đến lượt tôi, bác hỏi:

- Thế cháu xin Bác bao nhiêu?

Tôi thật thà đáp:

- Thưa Bác, cháu chỉ xin một viên thôi ạ.

Bác cười to và nói:

- À, cháu này ngoan lắm!

Nhưng rồi gương mặt Bác thoáng buồn. Bác nói với tôi, với mọi người xung quanh mà nói như với chính mình, với những người đang ở xa:

- Còn hàng triệu cháu như các cháu, giờ này chưa có được một viên kẹo nào đâu...

Chúng tôi lặng đi trong xúc động. Chúng tôi hiểu trái tim mệnh mông của Bác khi ấy cũng như bất cứ lúc nào khác vẫn đang hướng về miền Nam còn ngập chìm trong lửa đạn quân thù. Cả miền Bắc đang sục sôi hướng về miền Nam, chúng tôi hiểu thêm về vai trò, nhiệm vụ của người nghệ sĩ, chiến sĩ trên mặt trận của mình. Trước ngày mất không lâu. Bác có nói một lời tưởng đơn giản, nhưng nghĩ ra thì mới thấy thấm sâu về ý nghĩa: miền Nam luôn ở trong trái tim tôi...

Chiến tranh kết thúc miền Nam và Tây Nguyên đã giải phóng, được sum họp một nhà cùng miền Bắc ruột thịt; chỉ tiếc là ngày chiến thắng của dân tộc ấy, Bác không còn được thấy. Vâng lời Bác, những người như chúng tôi đã một lòng theo cách mạng đến cùng... Tôi đã trưởng thành, từ Đoàn văn công được chuyển về công tác tại Đoàn nghệ thuật Đạm San, rồi trường Văn hóa nghệ thuật Tây Nguyên, trước khi về hưu năm 1988. Cuộc đời ai cũng có những vui buồn. Với riêng tôi, cho dù hoàn cảnh khó khăn đến mấy, tôi vẫn có thể cố gắng để vượt qua được. Bởi bên tôi luôn có hình bóng Bác, có những lời dặn dò ân cần thiết tha của Người “Cha già dân tộc”, và nhất là có viên kẹo mà người đã tặng cho tôi năm nào...

NHỚ MÃI NHỮNG LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

QUANG TUỆ *ghi*
NSND Y BROM *kể*

Những năm 1950-1952, khi còn là du kích ở huyện Đăk Bớt (nay là huyện Mang Yang), thỉnh thoảng tôi đã nghe người lớn kể chuyện về Bác Hồ. Hồi ấy, Tây Nguyên gọi Người là Bok Hồ, trân trọng và kính yêu như một vị thánh, một vị Yang thứ hai với những huyền thoại kỳ vĩ chẳng khác gì ánh sáng chói loà của vầng mặt trời cứu tinh đối với những người dân mất nước. Thế rồi, không hiểu số phận sắp đặt thế nào mà sau đó ít lâu, khi miền Bắc vừa lập lại hoà bình (1954) cũng là lúc tôi và nhiều anh chị em ở miền Nam, Tây Nguyên được tập kết ra Bắc học tập và công tác. Vốn là du kích lại có chút ít năng khiếu âm nhạc nên tôi nhanh chóng được bổ sung vào Đoàn văn công Tây Nguyên ở Hà Nội. Ít lâu sau đó, tôi được cử đi học khoá đầu tiên tại Trường Múa Việt Nam. Những sự thay đổi to lớn ấy đối với một người du kích bình thường như tôi là quá hạnh phúc và bất ngờ rồi, song niềm hạnh phúc lớn lao không có gì tả nổi là từ vị trí công tác mới này, tôi đã có dịp được gặp Bác Hồ nhiều lần, niềm vinh dự ở đời không phải ai cũng có được.

Lần đầu tiên được gặp Bác là vào một ngày của mùa thu năm 1956, khi tôi còn là diễn viên của Đoàn văn công Tây Nguyên. Hồi ấy, tôi nhớ Bác cho mời chúng tôi vào Phủ Chủ tịch biểu diễn để nhiều vị khách quý cùng xem, trong đó nếu tôi nhớ không nhầm có cả ân nhân của Bác là vợ chồng luật sư Lô-dơ-bai, người Anh.

Hôm đó, sáu nam diễn viên biểu diễn tác phẩm múa *Đi săn* do tôi sáng tác và dàn dựng. Tiết mục diễn tả công việc đi săn của những người dân Tây Nguyên đang ở cao trào khá hấp dẫn, đến đoạn phát hiện ra con mồi, một trai làng lúi lúi giương nà làm điệu bộ kéo dây chuẩn bị bắn thì... choang, cái bình hoa rất đẹp ở phía sau người diễn viên nọ (anh Nay Bơ, người Êđê, đội trưởng đội múa, bây giờ đã nghỉ hưu) rơi xuống nền nhà và vỡ. Tất cả chúng tôi đứng như trời trồng trong căn phòng hẹp, nghệt thở đến không kịp phản xạ gì cả.

Kỳ lạ thay, trong cái giây không biết nên dừng hay tiếp tục tiết mục ấy, thì từ hàng ghế đầu, Bác Hồ đã đứng dậy tươi cười nói: không sao, các cháu cứ tiếp tục đi... Chúng tôi hoàn hồn và diễn tiếp, cuối buổi, Bác khen và tặng kẹo như không hề có chuyện cái khuỷu tay xui xẻo kia xảy ra...

Sau cái lần được gặp Bác ấy, năm 1959, nhân ngày Quốc khánh 2-9, chúng tôi lại được vào phục vụ Bác, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ một lần nữa tại Nhà hát ngoài trời Hà Nội. Diễn viên Trường Múa chúng tôi gồm 20 nam và 20 nữ đang hóa trang để biểu diễn tiết mục *Hò kéo pháo* (âm nhạc Hoàng Vân, biên đạo Hoàng Châu) thì Bác cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp... vào thăm. Bác tươi cười hỏi thăm sức khỏe, tình hình học tập của chúng tôi rồi hóm hỉnh nói:

- Bác vào thăm, tặng các cô chú kẹo và hoa trước để biểu diễn cho thành công. Chứ lỡ biểu diễn rồi mà lại... không thành công thì Bác không tặng được...

Mọi người xung quanh vỗ tay và cười vui vẻ nhưng trong lòng thì không ai giấu được sự xúc động đang dâng trào. Chúng tôi hiểu, Bác còn bận trăm công nghìn việc mà vẫn dành thời gian quan tâm đến những người làm nghệ thuật chúng tôi... Khoảng 1967, chúng tôi (gồm tôi và các anh, chị: Nay Pha, Siu Phích, Siu Ly, Hben) được tách riêng để thành lập một nhóm văn

công miền Nam - Tây Nguyên làm công tác đối ngoại. Thời gian này, tôi có sáng tác và dàn dựng được một vài tiết mục như *Dũng sĩ Điện Ngọc, Múa khiên, Múa trống Tây Nguyên...* Tôi nhớ có một lần (5-1967), chúng tôi được vào biểu diễn phục vụ Trung ương Đảng tiết mục *Múa trống Tây Nguyên*. Sau tiết mục, ba diễn viên thể hiện được Bác tặng ba bông hồng thật đẹp, còn tôi thì nhận được một lời khen của Người mà suốt cuộc đời tôi sẽ không bao giờ quên. Bác hỏi:

- Ai là tác giả của tiết mục này?

- Thưa Bác, đó là đồng chí Y Bơ-m ă - anh Vinh Trường đoàn trả lời.

Bác quay lại với tôi: Cháu giỏi lắm! Thế các cháu Tây Nguyên có mấy người?

Tôi đáp: Thưa Bác năm người ạ.

Bác lại bảo: Thế là hơi ít, các cháu phải cố gắng học tập, sau này về phục vụ đồng bào cho tốt...

Lời Bác đơn sơ mà ấm áp biết chừng nào! Những đứa con của núi rừng Tây Nguyên chúng tôi đã tự hứa với lòng mình sẽ nỗ lực học tập và rèn luyện không ngừng để xứng đáng với lời căn dặn của Bác ngày ấy.

Sau này, do điều kiện công tác, tôi có được gặp Bác thêm nhiều lần nữa nhưng lần gặp Bác cuối cùng thì vô cùng đáng nhớ. Một hôm, trước ngày Bác mất hơn một năm, sau khi xem biểu diễn và tặng quà xong, thấy chúng tôi mặc quần áo quân giải phóng. Bác vui vẻ hỏi:

- Các cô chú thuộc binh chủng gì?

Chúng tôi đồng thanh đáp: Thưa Bác, chúng cháu là quân giải phóng ạ.

Bác liền hô: Nghiêm... đằng sau quay! Bước đều... bước!

Chúng tôi đi vào trong theo hiệu lệnh của Bác như những người lính thực thụ mà không một ai dám ngoái đầu nhìn lại...

Chúng tôi đâu có biết rằng đây là lần cuối cùng chúng tôi còn được nhìn thấy Bác... Giá như biết trước, dám chắc tất cả chúng tôi đã vi phạm “điều lệnh” rồi!

Ngày Bác mất, tôi đang ở Cầu Giấy, Hà Nội. Băng qua lớp lớp trời mưa và muôn trùng những hàng người đứng khóc Bác, tôi đã chạy đến để được nhìn thấy từ xa hình hài thân yêu của Người lần cuối cùng. Bác đã vĩnh viễn ra đi...

Rồi đất nước được giải phóng, tạm biệt miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tôi và nhiều anh em, đồng chí đã trở về quê hương Tây Nguyên của mình để sống và làm việc theo lời Bác dặn. Những lần được gặp Bác trở thành những câu chuyện mà tôi hằng nhớ, hằng kể cho biết bao buôn làng và đồng bào tôi nghe. Lần nào cũng vậy, sau khi kể, tôi lại ghen ngào không biết nói gì hơn trước tấm lòng yêu thương bao la như trời bể của Bác đối với chúng tôi, với đồng bào Tây Nguyên cũng như đối với miền Nam, Việt Nam... không có Đảng, Bác Hồ thì làm sao một đứa trẻ Bahnar bình thường như tôi ngày ấy lại có được cuộc sống như ngày hôm nay?!

Bao nhiêu năm rồi, đất nước mình đã vắng Bác, song từ trong tiềm thức, tôi vẫn tưởng như luôn được nghe những lời căn dặn ngày nào của vị cha già dân tộc muôn vàn kính yêu.

NGƯỜI NGÂM BÀI THƠ CHÚC TẾT CUỐI CÙNG CỦA BÁC

KIM LIÊN *kể*

Vào một ngày cuối năm, lần đầu tôi có dịp tiếp xúc với nghệ sĩ hát chầu văn nổi tiếng Kim Liên. Tôi chợt nhớ đêm giao thừa đón Tết Kỷ Dậu năm 1969 đã được nghe nghệ sĩ Kim Liên ngâm bài thơ chúc Tết của Bác Hồ. Và ngày mùng 1 Tết, lại được nghe giọng ngâm quen thuộc của các nghệ sĩ Trần Thị Tuyết, Linh Nhâm. Lý do nào mà bài thơ chúc Tết của Bác Hồ được ba nghệ sĩ cùng thực hiện?

Nghệ sĩ Kim Liên xúc động trước điều tôi nhắc lại. Tuy bận rộn công việc của đoàn, chị vẫn dành thời gian kể lại niềm vinh dự.

Trung tuần tháng Chạp năm Mậu Thân (1968), tại địa điểm sơ tán, Đoàn văn công tỉnh Hà Nam Ninh đang chuẩn bị gấp rút tiết mục để phục vụ cán bộ chiến sĩ, đồng bào trong dịp Tết Kỷ Dậu sắp tới.

Trong bối cảnh bận rộn tập luyện, tôi được lệnh của cấp trên, điều đi công tác tại Hà Nội để nhận một công việc quan trọng. Đồng chí Trưởng đoàn văn công tỉnh đề đạt lên cấp trên cho tôi ở lại để hoàn thành vở mới *Tám vốc đại hồng*. Lời đề nghị không được chấp thuận. Tôi lên Hà Nội bằng xe của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Địa điểm tập trung của tôi tại Đài Tiếng nói Việt Nam ở nơi sơ tán. Thăm tâm nghĩ, hẳn các anh ở Ban Văn nghệ muốn thu lại một bài hát chầu văn nào đó của mình chăng. Bác Trần

Lâm thông báo cho tôi chuẩn bị ngâm bài thơ chúc Tết Kỷ Dậu của Bác Hồ. Tin đến quá đường đột, bởi nhiều điều khó khăn sẽ đến. Bài thơ chúc Tết của Bác, ngoài tôi còn có chị Trần Thị Tuyết, chị Linh Nhâm cùng thể hiện. Hai chị là "át chủ bài" trong chương trình tiếng thơ vào tối thứ Tư, tối Chủ nhật hàng tuần của Đài Tiếng nói Việt Nam. Bản thân hai chị nhiều năm nay đã ngâm thơ chúc Tết của Bác vào đêm giao thừa. Do vậy công việc này đối với tôi là quá mới mẻ. Trong nỗi lo nghề nghiệp, tôi lại thêm mừng. Tôi dự tính lần công tác này hẳn sẽ được gặp lại Bác Hồ lần thứ tư.

Theo đề nghị của tôi, chị Kim Liên kể lại ba lần được gặp Bác Hồ trước đây. Lần thứ nhất vào năm 1967, Đoàn chèo Nam Hà được lên phục vụ Trung ương Đảng. Trước lúc Đoàn về, Bác Hồ có mời một số diễn viên đến gặp Bác. Trong buổi tiếp còn có bác Phạm Văn Đồng, chú Vũ Kỳ. Nghệ sĩ Kim Liên nhớ lại: "Bác dặn dò phát huy bộ môn chèo để phục vụ nhân dân ta, chủ yếu là người làng quê gắn bó với tiếng trống chèo".

Lần thứ hai và lần thứ ba là vào dịp chị Kim Liên được tham gia vào Đoàn nghệ thuật tổng hợp của Việt Nam do đồng chí Cù Huy Cận làm Trưởng đoàn sang biểu diễn tại Pháp đúng vào dịp Hội nghị Paris đang họp bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Thời gian ở Paris, Kim Liên đã cố gắng biểu diễn bộ môn nghệ thuật đậm đà bản sắc dân tộc, gây được ấn tượng tốt đẹp trong bạn bè Pháp và Việt kiều.

Sau đợt phục vụ ở nước ngoài, đồng chí Vũ Kỳ thông báo một tin vui, Kim Liên được vào thăm Bác và ăn cơm trưa cùng Bác. Bữa cơm thức ăn giản dị nhưng ngon miệng. Cùng ăn cơm với Bác có cả đồng chí Vũ Kỳ. Bác nói: Kim Liên tức là bông sen vàng. Quê Bác có nhiều sen. Nói tới cây sen, cháu nên nhớ "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Bác dặn chú Vũ Kỳ mua bánh kẹo cho Kim Liên mang về quê làm quà cho các cháu, lo phương tiện cho Kim Liên về nhà được an toàn.

Kỷ niệm những lần gặp Bác thôi thúc Kim Liên dàn dựng chương trình. Bài thơ chúc Tết năm Kỷ Dậu của Bác chỉ có 6 dòng lục bát, nhưng bao hàm một tầm nhìn chiến lược lớn của đất nước. Kim Liên nhập hồn thơ từ nội dung, lẫn nghệ thuật. Chị đã chọn chất giọng thể hiện ở sự cộng hưởng của làn điệu hát sa mạc và lầy *Kiều*. Thu băng xong, Kim Liên mừng thầm đã hoàn thành nhiệm vụ. Bài thơ chúc Tết được Bác duyệt rất cẩn thận qua băng ghi âm. Kim Liên được chú Vũ Kỳ thông báo: Bác nhận xét cả ba cô văn công đều thể hiện khá thành công.

Đêm giao thừa, sau lời chúc Tết của Bác, Kim Liên cùng bố mẹ, chồng, con... nghe băng của chính mình ngâm được phát vào lúc giao thừa: "Niềm vui quá bất ngờ, nước mắt tôi đã chảy vào lúc thời khắc thiêng liêng..."

"Lần đầu tiên trong đời tôi được ngâm thơ Bác chúc Tết vào đêm giao thừa. Tôi ước mong, sang xuân Kỷ Dậu (1969) Bác mạnh khoẻ để *"Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn"*. Nào ngờ bài thơ chúc Tết Kim Liên ngâm lại là bài thơ cuối cùng chào đón năm mới của Bác Hồ kính yêu trước lúc Người đi xa..."

Mỗi đêm giao thừa đến Kim Liên có thói quen mở băng để nghe mình tự ngâm bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn!*

Bài thơ chúc Tết của Bác Hồ đã tròn 40 năm. Điều nghệ sĩ Kim Liên kể cho tôi đã gần 10 năm. Tất cả mãi mãi vẹn nguyên và mới mẻ, đi vào lịch sử của dân tộc với bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác Hồ kính yêu.

NGUYỄN CẢNH TUẤN ghi

NHỚ BÁC HỒ VỚI ĐOÀN THIẾU NHI NGHỆ THUẬT

NGUYỄN NGỌC OÁNH

Tôi không bao giờ quên ngày sinh nhật Bác lần thứ 60 (1950) được tổ chức tại khu căn cứ thời kháng chiến chống Pháp. Hồi đó, chúng tôi là những em thiếu nhi của một số dân tộc miền xuôi cũng như miền ngược được nhạc sĩ Lưu Hữu Phước tập hợp để rèn luyện làm công tác nghệ thuật. Một vinh dự đối với Đoàn chúng tôi là được Bác đặt tên "Đoàn Thiếu nhi Nghệ thuật" và được sự chăm sóc ân cần của Người qua từng bước trưởng thành.

Hè 1950, chúng tôi đang phục vụ ở trại hàng binh Âu Phi tại một khu rừng ở Việt Bắc, bỗng có lệnh hành quân cấp tốc, chúng tôi khoác ba lô lên đường. Có điều lạ, tuy không được phổ biến mục đích của chuyến đi nhưng qua ánh mắt và nụ cười, mỗi người lại không hề lộ vẻ băn khoăn mà ngược lại, ai nấy đều hân hoan phấn khởi theo bước chân người dẫn đường. Buổi chiều hôm ấy, chúng tôi xuất phát rồi đi suốt trong đêm mưa rừng. Suối sâu, đèo cao, đường xa chân mỏi không hề làm chúng tôi chùn bước. Có lẽ những ngày tháng lịch sử có sức cuốn hút mọi người về khu rừng già A.T.K thuộc châu Tự Do (Sơn Dương, Tuyên Quang), nơi Bác cùng TW Đảng và Chính phủ làm việc..., đường lên thăm Bác có sức hấp dẫn đặc biệt với chúng tôi, các cháu thiếu nhi mà Bác luôn dành cho "muôn vàn tình thương yêu".

Chúng tôi được lệnh dừng chân bên bìa rừng, nơi gần trạm gác thường trực của A.T.K để người dẫn đường vào báo tin.

Trong lúc nghỉ ngơi và sửa soạn hành lý, chúng tôi bàng hoàng trước cảnh sắc thiên nhiên, vừa uy nghiêm hùng vĩ vừa rất phóng khoáng, nên thơ. Xa xa, chúng tôi thấy thác nước bọt trắng xóa đổ vào dòng nước uốn quanh một nếp nhà sàn; xung quanh có núi cao bao bọc trông như một thung lũng. Quan sát kỹ hơn nữa, chúng tôi thấy trong ngôi nhà sàn có một "ông già tiên" trong bộ quần áo trắng với bộ râu dài đang ngồi làm việc bên bàn đánh máy. Một bạn không nén nổi cảm xúc đã thốt lên: Bác! Tất cả chúng tôi đều hướng về một phía và nín lặng, hồi hộp. Ước mơ được gặp Bác nay sắp sửa thành hiện thực. Thật vậy, Bác đang đi xuống thang ngôi nhà sàn; và theo sau có một số các chú cùng đi về hướng đoàn chúng tôi. Niềm xúc động trào dâng trong lòng chúng tôi nhưng nguyên tắc bí mật địa điểm không cho phép chúng tôi làm ồn, và lại trong giờ phút ấy, niềm vinh dự quá lớn không khỏi làm cho mọi người bàng hoàng.

Nhưng kìa, Bác đã đến thật rồi! Theo sau Bác có các chú cùng đi hướng về trạm thường trực. Chúng tôi sửa sang đội ngũ chỉnh tề để đón Bác. Bác tươi cười hỏi thăm tình hình sức khỏe và chuyến đi của chúng tôi có vất vả không? Rồi bỗng dừng với vẻ trầm lặng và giọng nói xúc động, Bác mời chú Lê Văn Hiến, lúc đó là Bộ trưởng Bộ Tài chính lại và nói: "Chúng ta có rau ăn rau, có dưa ăn dưa, sao lại để các cháu như thế này?". Nghe lời Bác nói nét mặt ai nấy trầm hẳn xuống vì xúc động, cả khu rừng gần như nín lặng. Thấy vậy, Bác lại đưa mọi người trở về không khí đầm ấm, tươi vui như lúc ban đầu bằng dáng vẻ linh hoạt tươi cười. Bác hỏi chúng tôi có biết thế nào là nguyên tắc bí mật? Chúng tôi đồng thanh trả lời: "Thưa Bác có ạ", sau đó Bác giải thích thêm và động viên chúng tôi: "Bác được nghe báo cáo các cháu chăm học tập và rèn luyện văn hoá nghệ thuật. Bác mong các cháu cố gắng tiến bộ nhiều hơn nữa. Hôm nay Bác thưởng cho các cháu 1000đ, nhưng Bác thưởng không phải là để trở về rủ nhau đi chén xôi gà đâu nhé! Bác thưởng để các cháu có tiền mua hạt giống tặng gia đình cải thiện. Kết quả ra sao báo tin cho

Bác biết". Tất cả mọi người đều cười vui ấm tình Bác. Chúng tôi mong được quây quần bên Bác lâu hơn nữa nhưng Bác bảo: "Các cháu từ xa đi bộ đến thăm Bác, chắc là mệt, bây giờ các cháu về nghỉ để bồi dưỡng sức khoẻ rồi chuẩn bị cho Bác xem các tiết mục trình diễn". Chúng tôi vâng lời Bác trở về lán mới được lợp ngay gần nơi Bác làm việc để nghỉ ngơi, chuẩn bị tiếp nhận kịch bản *Hái hoa dâng Bác* mà nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đang khẩn trương ngày đêm hoàn chỉnh.

Sau mấy ngày nghỉ, được Bác chăm lo bồi dưỡng sức khoẻ, chúng tôi náo nức chuẩn bị vở diễn. Đây là một ca kịch ngắn biểu hiện tấm lòng của thiếu nhi Việt Nam, vào rừng hái hoa để dâng lên Bác nhân ngày sinh nhật lần thứ 60.

Tôi được vinh dự đóng vai bé Tâm, trong đó có 2 bài hát "Đánh vần tên Bác" và "Vẽ ảnh Bác Hồ", cho đến nay tôi vẫn thuộc "nằm lòng".

Buổi lễ "Lục tuần đại khánh" diễn ra vào buổi chiều ngày 19/5/1950 tại khu rừng A.T.K. Hôm đó có mặt đông đủ các đồng chí lãnh đạo của TW Đảng như: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... Mọi người vô cùng sung sướng được sống trong không khí ấm áp tình Bác và vui mừng chúc Bác mạnh khoẻ, sống lâu để lãnh đạo cuộc kháng chiến mau đến ngày thắng lợi. Không khí đó còn lan toả khi tan buổi lễ: Bác và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước vui vẻ thăm hỏi và chụp ảnh kỷ niệm với các đại biểu, với đoàn thiếu nhi nghệ thuật.

Buổi trình diễn cũng được tổ chức ngay trong đêm ấy, trong khu rừng ở A.T.K. Một sân khấu được dựng lên, có phông màn, có ánh sáng... Bác và các đồng chí lãnh đạo ngồi chỉ cách sân khấu chừng hơn 10m nên chúng tôi được thoải mái ngắm Bác, nhưng chỉ sợ mãi ngắm Bác mà quên vai diễn nên tâm trạng của chúng tôi lúc ấy cứ đan xen giữa niềm vinh dự và trách nhiệm.

Cũng may là hôm đó chúng tôi đã biểu diễn thành công, được Bác và các đồng chí lãnh đạo động viên khen ngợi.

Rồi ATK chúng tôi trở về trại, thực hiện lời Bác dặn, chúng tôi thi đua học tập, trau dồi nghệ thuật và hăng hái tăng gia tự cải thiện. Tiền Bác cho chúng tôi mua hạt giống rau cải thi đua nhau vun bón để cây rau cải nào to và đẹp nhất sẽ được chọn làm quà biếu Bác như lời Bác đã dặn.

Từ ấy đến nay nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng hình ảnh Bác, tấm lòng Bác với những lời chỉ bảo, chăm sóc ân cần đã ghi sâu trong mỗi chúng tôi, như lời Bác vẫn vang vọng thúc giục chúng tôi trong mỗi bước trưởng thành.

TRONG ĐỜI TÔI MỘT BÌNH MINH ĐÃ ĐẾN

VÕ AN NINH kể

Cụ Võ An Ninh dẫn tôi về nhà riêng của cụ ở phố Ngô Gia Tự - Thành phố Hồ Chí Minh vào một ngày xuân rất đẹp trời. Lão nghệ sĩ nhiếp ảnh tiếp tôi bốn giờ đồng hồ liền, thông cả buổi trưa, trong một không khí thân tình, cởi mở. Ông già ngoài 90 tuổi không hề tỏ ra mệt mỏi, mà trái lại, càng trò chuyện cụ càng sôi nổi. Bao kỷ niệm trong đời, trong nghề cứ cuộn cuộn... Tôi lắng nghe, ghi chép không ngừng tay, chỉ thỉnh thoảng dừng lại một chút, hỏi cụ vài ba chi tiết nào đó. Tôi cảm thấy đang đắm mình trong dòng ký ức vô tận của một nhân chứng lịch sử. Cuộc đời cụ Võ An Ninh trải dài gần hết cả thế kỷ XX đầy biến động. Cụ nói: "Tôi sinh năm 1907, cầm máy từ năm tuổi 25. Tôi ra đời vào buổi bình minh của thế kỷ này, hăm hở bước vào với một sức sống và ước mơ mãnh liệt. Từ ước mơ, tôi hành động không ngừng, không nghỉ. Cả một đời chụp ảnh liên tục! Năm mê cũng thấy mình chụp ảnh. 50 lần đến chùa Hương, 20 lần lên Sa Pa. Và biết bao lần tới Hạ Long, Đà Lạt. Cả đời tôi yêu thương và gắn bó với quê hương, với con trâu, đồng ruộng, ao bèo, với chiếc xe đạp, với chiếc áo dài của cô gái Việt Nam!"

Càng nói, cụ càng say sưa. Nhất là khi cụ lật từng trang cuốn ảnh của cụ, giới thiệu cho tôi nghe ý tưởng và nội dung, kỷ niệm và vẻ đẹp của từng tác phẩm. Gương mặt cụ hồng hào và sinh động tràn đầy vẻ phúc hậu, nhân ái, với nụ cười dí dỏm, hài hước.

Cụ bỗng dừng lại, nói một câu làm tôi thực sự xúc động:

"Tôi cất tiếng khóc chào đời trong buổi đầu thế kỷ. Nhưng, bình minh của đời tôi thực sự bắt đầu khi được gặp Bác Hồ và được chụp ảnh Người!"

Cụ tỏ ra thật tự hào được là một trong những người đầu tiên chụp ảnh Bác Hồ trên đất nước Việt Nam. Hơi nheo mắt một chút, tay vuốt mái tóc bạc phơ, cụ kể:

"Ngày 2-9-1945, cả Hà Nội náo nức đón Lễ Độc lập. Ai cũng đứng vào hàng ngũ để được cuộn cuộn chảy về hướng Ba Đình, với cờ và khẩu hiệu trong tay. Tôi sẽ làm gì đây trong ngày hội lớn của dân tộc? Chụp, chụp và sẽ phải chụp thật nhiều ảnh. Cái đích của tôi là phải chụp được ảnh Cụ Hồ khi đang đọc Tuyên ngôn Độc lập, nếu không thì hỏng hết.

Đúng 2 giờ chiều, từ chân lễ đài, tôi nhìn thấy các vị đại biểu dự lễ xuống xe và bước lên kỳ đài. Tôi thấy rất đông người và có nhiều người tôi không được biết tên... Tôi luýnh quýnh theo chân liền và hoàn toàn không bị ai ngăn cản.

Trên kỳ đài, diện tích có vài mét vuông thôi mà hàng chục người đứng. Mọi người hình như chen vai thích cánh, hỏi như vậy làm sao tôi chụp được ảnh Cụ Hồ lúc đang đọc Tuyên ngôn Độc lập? Các vị dự lễ cũng rất tế nhị, khi tôi đang giơ máy lên, người đứng trước cũng khẽ nghiêng mình cho tôi chụp nhưng cái lưng khác lại che lấp ngay lập tức. Biết là không được, tôi vội tụt xuống cầu thang, đứng ôm máy dưới chân kỳ đài, nghĩ kế khác. Buổi lễ diễn ra trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ. Khi bài *Tiến quân ca* kết thúc, buổi lễ vừa dứt, tôi đã thấy một chiếc xe ô tô tiến sát vào chân kỳ đài. Xe đến đón Cụ Hồ, đi bên có ông Võ Nguyên Giáp. Đúng lúc Cụ Hồ và ông Giáp đã ngồi vào xe và xe chưa lăn bánh, tôi nhào tới đưa máy vào khoang cửa và nói: "Thưa Cụ, vừa rồi trên kỳ đài đông quá, con không chụp được ảnh Cụ. Xin Cụ cho phép con được lấy một hình của Cụ". Cụ Hồ khẽ gật đầu. Nhưng lúc ấy Cụ Hồ đang đội mũ. Trời đã về chiều. Cái mũ cát vành rộng lại che đi mất nhiều ánh sáng. Tôi đánh liều:

"Thưa Cụ, con muốn Cụ hạ cái mũ xuống ạ!".

Ông Giáp ngồi bên tủm tỉm cười như hiểu ý nguyện của tôi ông đưa tay lên hạ cái mũ của Cụ Hồ đang đội và nhìn tôi, nói: "Này, thì bỏ mũ xuống!".

Thế là tôi có được bức ảnh "độc nhất vô song" trong cả cuộc đời gắn bó với nghệ thuật nhiếp ảnh: Cụ Hồ ngồi bên có ông Giáp, cả hai gương mặt đều cương nghị, nhưng hiền hòa, có chút khắc khổ vì những lo toan cho vận nước ở giờ phút ngàn cân treo sợi tóc. Hơn nữa, đây là tấm ảnh chụp vào ngày lịch sử muôn đời ghi nhớ của dân tộc ta, ngay sau khi Cụ Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập với quốc dân đồng bào cả nước và thế giới.

Cụ Võ đập khế vào tay tôi, chỉ lên tường: "Bức ảnh ấy đây!"

Tôi nhìn lên tấm ảnh to, đặt cạnh những khung to treo bằng Huân chương Độc lập và Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 1). Trên ảnh, Bác Hồ có cặp mắt sáng như sao và thật quắc thước, kiên nghị. Bộ râu Bác còn đen. Ông Võ Nguyên Giáp ngồi bên, đội mũ phớt, thắt cavát. Tôi thật sung sướng được cụ Võ An Ninh tặng cho tấm ảnh này. Cụ nói tiếp: "Tôi đã chụp nhiều người, kể cả vua chúa. Tôi là người có may mắn chụp ba vua cuối cùng của Việt Nam là vua Khải Định, vua Thành Thái, vua Bảo Đại. Tôi chụp vua Thành Thái, một ông vua yêu nước chống Pháp vào năm 1951, khi Pháp đưa ông vua ấy từ nơi đảo xa trở về. Khi ấy vua Thành Thái đã khoảng 80 tuổi, một mắt đã bị kéo màng. Cả những người khác nữa, tôi chụp nhiều, nhiều lắm, nhưng không một ai có cặp mắt tinh anh và đặc biệt như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một phòng triển lãm ảnh về ngày Lễ Độc lập đã được tổ chức tại phố Tràng Tiền - Hà Nội ngay sau ngày 2-9-1945. Một cán bộ Việt Minh đồng thời cũng là bạn tôi thấy tôi có bức ảnh quý đó nên vồ vập liền. Ông ta treo bức ảnh Cụ Hồ và ông Võ Nguyên Giáp ở chỗ trang trọng nhất của phòng triển lãm.

Thời đó, mỗi khi có triển lãm, nhất là những triển lãm về đấu tranh cho độc lập tự do, dân chúng thường đi xem rất đông, cho nên bức ảnh nói trên được nhiều người biết đến.

Riêng tôi, do thời cuộc, đã để thất lạc cả phim tấm ảnh gốc đó. Nhưng may mắn sao, tôi đã gặp lại tấm ảnh đáng quý nhất của đời mình được in trong một cuốn hồi ký viết gần đây của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và tôi đã "sao" lại tấm ảnh, tác phẩm của mình. Cũng như "bạn" (cụ Võ gọi tôi như vậy - T.Đ), khách đến thăm nhà không ai không ngược mắt nhìn lên tấm ảnh này mà gia đình tôi đã trân trọng treo ở giữa phòng khách. Những đốm nắng chiều rơi trên khuôn mặt hai nhà cách mạng trở thành những yếu tố thật kỳ diệu như khắc họa một thời gian khó và quyết liệt của cả một dân tộc mà Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng nhiều vị khác là những nhân vật đại diện".

Sau sự kiện cụ Võ An Ninh kể trên đây chừng 14 tháng, cụ còn là nhà báo ghi lại được những giây phút đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp trở về ngày 21-10-1946 trên chiếc tuần dương hạm Dumont d'Uville của thực dân Pháp, sau khi Người ký hòa ước ngày 6-3 với thực dân Pháp tại Fontainebleau và trở về Việt Nam. Tờ nhật báo buổi chiều *Vì nước* mà Chủ nhiệm lúc đó là ông Nguyễn Đức Thuyết đóng ở số nhà 84 phố Hàng Bột (Hà Nội) đã mời cụ thực hiện một thiên phóng sự ảnh. Số báo ra ngày 25-10-1945 dành hai trang đăng trọn vẹn phóng sự 21 ảnh về sự kiện lịch sử này. Qua lời cụ Võ kể, nhân dân Hải Phòng có vinh dự được đón Bác Hồ ngay từ những ngày đầu của chính quyền nhân dân còn non trẻ. Mọi người nhiệt liệt chào mừng vị lãnh tụ kính yêu trở về sau hơn bốn tháng hoạt động trên đất Pháp. Giờ đây, Người lưu lại thăm đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Hải Phòng hai ngày. Cụ Võ An Ninh đã được đi theo cụ Nguyễn Văn Tố về thành phố cảng, đêm ngủ trên cái sập một nhà dân, sau mới biết đó chính là nhà của nhà thơ Lê Đại Thanh. Cụ Tố là Bộ trưởng của Chính phủ Hồ Chí Minh, vốn là thầy dạy tiếng Pháp của cụ Võ An Ninh. Học Tây học, nhưng cụ Tố không mặc đồ Pháp mà mặc áo dài trắng, chít khăn và đặc biệt không biết đi xe đạp. Cụ Võ An Ninh kể:

"Tôi còn nhớ rõ như mới ngày gần đây thôi, những giờ phút thiêng liêng ấy... vừa cập Bến Ngự, chiếc tuần dương hạm

cùng lúc với Hải Phòng rung lên một hồi còi làm trong lòng mọi người bùng dậy một niềm ấm áp, tự hào, và cũng nghẹn ngào vì sung sướng, nhất là lúc vị Chủ tịch đặt bước chân đầu tiên trên đất quê nhà. Nhân dân Hải Phòng đã được sống những ngày đẹp nhất bên vị lãnh tụ kính yêu.

Dọc đường từ Hải Phòng về Hà Nội, chao ôi, đâu đâu cũng thấy người, cờ và biểu ngữ. Lúc này, tôi sung sướng lắm, được đi lại thoải mái trên tàu hoả và chụp ảnh thì... nhiều khối phải nói. Trong toa tàu, không một phút nào Người ngưng tay vẫy, không một phút nào ngớt trả lời cho dân chúng, từ các cụ phụ lão, binh sĩ, viên chức, phụ nữ, thanh niên cho đến các cháu nhi đồng, và đặc biệt là cho giới báo chí. Đến Hải Dương, Người ngừng lại nửa giờ.

Đúng 3 giờ 5 phút, đoàn tàu chuyển bánh tới Thủ đô Hà Nội. Lúc bước ra, Bác không giấu nổi cảm động trước một biển người và rừng cờ, xen lẫn trong những tiếng reo vui sung sướng: "Bác đã về...".

Cụ Võ An Ninh cho phép tôi xem kỹ từng tấm ảnh trong bộ phóng sự đó. Đây là hình ảnh các vị ra đón Bác ở Hải Phòng: Cụ Nguyễn Văn Tố, ông Võ Nguyên Giáp, ông Trần Huy Liệu, ông Vũ Đình Hoè, ông Nghiêm Kế Tổ, ông Phạm Văn Bạch và Đại tá Lami, đại diện cho các nhà đương cục Pháp; hình ảnh Bác Hồ bước xuống, giữa tiếng hò vang chào mừng của dân chúng; và đây là hình ảnh Người hút thuốc trong phòng riêng trên tuần dương hạm, bên trái Người là ông Hoàng Hữu Nam, Trưởng ty Liên kiểm Trung ương cùng ông Chủ tịch uỷ ban hành chính Hải Phòng lên tiếp rước Người... Những tấm ảnh, những tư liệu vô cùng quý giá. Những tác phẩm này cũng như toàn bộ công hiến bằng hoạt động nhiếp ảnh của cụ Võ thật xứng đáng được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1. Tôi xin phép hỏi cụ Võ:

- Sau sự kiện này, cụ có còn dịp nào được chụp ảnh Bác Hồ không?

- Có chứ! Chủ yếu là ở Hà Nội. Tôi đã được hướng dẫn Bác và phái đoàn Đồng minh đi xem triển lãm 40 bức ảnh tôi chụp về nạn đói năm 1945, phóng cỡ 18 x 24cm để trong tủ kính. Bác đọc kỹ từng chú thích ảnh. Đến bức ảnh Nhật cướp xe gạo, Bác nói: "Thôi, cướp xe, không nên...". Hôm ấy thật tiếc, trời hơi tối, tôi không chụp được Bác. Tôi còn được theo Bác chụp ảnh Người đi thăm Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Nhân dân. Bác đi nhanh lắm, tôi không theo kịp, vì một chân bị hỏng mà! Tôi nhớ nhất cái lần một đoàn đại biểu các dân tộc ít người về Hà Nội chào mừng Bác. Hôm ấy thì có tôi chụp. Bác đến chỗ tôi, nói vui:

- Này, hình như cái vừa chụp bị hỏng rồi!

- Dạ vâng, hình như cái đó hơi rung. Con xin Bác cho chụp lại!
Bác cười: Được!

Trong những năm 20 của thế kỷ này, khi bốn ba hoạt động ở nước ngoài, Bác cũng từng làm thợ ảnh, cho nên Người rất quan tâm đến chúng tôi. Nhiều khi thấy tôi đến, Bác bảo chú Ninh phải chụp thế này thế kia, không thì hỏng đấy!

Trong các buổi chiêu đãi, có lần Bác đến nói:

- Chú Ninh ăn đi chứ. Cứ chụp mãi!

Câu nói ấy thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của người cha, làm tôi vô cùng cảm động và nhớ mãi. Một lần khác, bác sĩ riêng của Người mang bánh đến cho tôi giữa bữa tiệc: "Cụ bảo mời ông ăn!".

Vâng, cả dân tộc ta, trong đó có chúng tôi, sung sướng trở thành những người dân được hưởng Độc lập, Tự do mà Hồ Chủ tịch là người trọn đời phấn đấu để đem lại. Là người nhiếp ảnh, tôi đã sống và ghi lại những hình ảnh của buổi bình minh về vang đó. Tôi cũng từng nghĩ: những ngày được gần Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh - là những ngày có giá trị toả sáng đến suốt cuộc đời. Ánh sáng đó rọi từ buổi bình minh của một kỷ nguyên mới.

T.Đ ghi

CẢNH ĐÀO LÔ-DƠ-BAI

PHÓ ĐỨC AN

Nghệ sĩ nhiếp ảnh Kim Côn từng có một thời gian dài được phục vụ tại Phủ Chủ tịch. Tôi đã được anh Côn kể cho nghe một câu chuyện thật cảm động - Chuyện cảnh đào Lô-dơ-bai.

Năm 1960 đúng dịp Tết Canh Tý, Bác Hồ mời cả gia đình luật sư Lô-dơ-bai sang thăm Việt Nam. Trong thời gian ở thăm Việt Nam, Bác Hồ mời khách quý đi thăm Vịnh Hạ Long. Đó là ngày 29-1-1960.

Ở đâu cũng vậy, khi được biết ân nhân của Bác Hồ cũng là ân nhân đặc biệt của cả dân tộc tới thăm, ở đó đón tiếp thật nồng hậu, chu đáo.

Thăm Vịnh Hạ Long xong, khách quý trở lại thủ đô vào một buổi sáng âm trời.

Bến Bính ngày áp Tết, khách đông, phải vất vả lắm ô tô mới xuống được phà.

Đứng trên phà, nghệ sĩ Kim Côn đang loay hoay với chiếc máy ảnh, bỗng một cụ già, chòm râu thưa điểm bạc, áo the, khăn xếp, quần trắng... tay cầm cành đào rất đẹp đang cố giơ cao để khỏi bị hỏng, hỏi:

- Tây nào mà nhiều thế hả ông?

Anh Kim Côn lễ phép nói:

- Thưa cụ, đây là cụ luật sư từng cứu Bác Hồ năm xưa đây ạ.

Thì ra người Việt Nam nào cũng biết luật sư Lô-dơ-bai từng cứu Bác Hồ thoát khỏi ngục tù của kẻ thù năm xưa. Nghe nói thế, cụ già cố lách đến trước mặt ông già người nước ngoài. Cụ ngỏ ý nhờ đồng chí phiên dịch dịch giúp rồi cụ nói:

- Thưa cụ, tôi ở bên này sông hôm nay đem cảnh đào của vườn nhà sang cho đưa cháu ngoại đón xuân. Trời run rủi thế nào, tôi lại có cái may mắn được gặp đại ân nhân của đất nước. Thưa cụ, chữ "Ân" của cụ nặng lắm. Cụ cho phép tôi được kính biểu cụ cảnh đào này và xin cụ nhận ở tôi ba lễ...

Cụ già miệng nói, tay nâng cảnh đào cung kính tặng luật sư rồi sụp ngay xuống cầu phà vái lia lịa.

Thật quá bất ngờ cho gia đình luật sư và cả chuyến phà người chạt ních. Cụ bà Lô-dơ-bai vội quay đi giấu những giọt nước mắt đang trào ra. Còn cụ ông Lô-dơ-bai sau khi qua giây phút bàng hoàng vội nâng ông cụ dậy, ôn tồn nói:

- Không phải tôi là người đã cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính chủ nghĩa nhân đạo của Người đã cứu Người nên ngày ấy tôi, bạn bè tôi và cả nước Anh của tôi đã nhiệt tình giúp tôi giải thoát cho Người. Tôi xin chân thành cảm ơn cụ đã cho tôi cảnh đào này. Tôi xin cảm ơn nhân dân Việt Nam, một dân tộc luôn sống có nghĩa, có tình. Tôi xin nhận cảnh đào. Cảnh đào này sẽ thấm mãi trong lòng tôi. Bây giờ tôi lại xin phép được nhờ cụ một việc là cụ hãy chuyển giúp tôi cảnh đào tới người cháu ngoại của cụ và nói rằng: đây là cảnh đào của luật sư Lô-dơ-bai, người nước Anh gửi tặng để cháu đón xuân, ăn Tết. Chúc cháu luôn học giỏi, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

NGHỆ SĨ NHIẾP ẢNH MAI NAM VỚI NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BÁC

P.V (báo Tiền phong)

Nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam, Hội Nhiếp ảnh Nghệ thuật Hà Nội, báo Hà Nội mới kết hợp tổ chức triển lãm "Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh" qua ống kính của nhà báo - nghệ sĩ nhiếp ảnh Mai Nam khai mạc vào 16 giờ ngày 18-5 tại Đình Tiên Hoàng, Hà Nội.

Với hàng trăm tấm phim tư liệu trắng đen còn lưu giữ được, nghệ sĩ Mai Nam (nguyên là phóng viên báo Tiền Phong) lần đầu tiên giới thiệu những bức ảnh của ông chụp về Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày Người cùng Chính phủ cách mạng về tiếp quản Thủ đô cho đến ngày Người qua đời với sự ngưỡng mộ đặc biệt của tác giả.

Ông kể lần đầu tiên ông trực tiếp gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông còn ở Việt Bắc và chưa là phóng viên ảnh. Đó là một lần ông nhìn thấy có người đàn ông đi trên ngựa qua đèo có người bảo vệ đi cạnh. Mừng quá, ông nói: "Cháu chào Bác ạ". Hồ Chủ tịch liền đưa một ngón tay lên cao, ra hiệu bí mật.

Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiếp quản Hà Nội thì Mai Nam đã là một phóng viên ảnh, và ông đã chụp những bức ảnh sinh động về vị lãnh tụ kính yêu của mình. Lần cuối cùng Mai Nam chụp ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh là về đám tang của Người.

Có lẽ rất ít người biết được tác nghiệp của phóng viên ảnh thời gian chiến tranh là hết sức thiếu thốn và khó khăn. Có

những chiếc máy ảnh mà Mai Nam sử dụng là do lưu học sinh ở Liên Xô (cũ) góp tiền về tặng Trung ương Đoàn. Lượng phim được sử dụng rất hạn chế, chụp kiểu nào thì báo cáo, để quản lý. Phim lại có xuất xứ ở nhiều nơi trong khối xã hội chủ nghĩa, chất lượng không đồng đều nên việc in tráng đòi hỏi phải công phu và có nhiều tìm tòi. Bảo quản phim cũng rất phức tạp.

Trong một bộ phim nước ngoài giới thiệu tác nghiệp của phóng viên ảnh trong thời kỳ chiến tranh chúng tôi nhìn thấy Mai Nam đã nghĩ ra cách đốt thuốc súng để chụp ảnh trong địa đạo.

Chuyển sang thời bình, khi báo chí đổi mới và có thu nhập khá, phần lớn phóng viên đi xe máy thì Mai Nam vẫn lọc cọc với chiếc xe đạp.

Những bức ảnh tư liệu quý một thời đã được hoàn thành trong điều kiện hết sức khó khăn như vậy. Và rất nhiều bức ảnh đã trở thành một phần không thể thiếu của lịch sử dân tộc. Nghệ sĩ Mai Nam cùng rất nhiều phóng viên ảnh khác đã góp phần viết nên lịch sử bằng ảnh ấy.

Kỷ niệm với "nhân vật" của mình, ông Mai Nam kể: "Có lần Bác đang đi vào phòng họp, tôi mạnh dạn thưa với Bác: "Xin Bác cho anh em nhiếp ảnh được chụp chung với Bác một bức ảnh". Bác nhìn tôi một lúc, không nói gì cả, rồi đi vào. Tôi rất lo lắng, nghĩ rằng sẽ có một bảo vệ ra phê bình. Đến lúc đại hội nghỉ, Bác thấy tôi liền bảo: "Anh em nhiếp ảnh vào chụp chung với Bác". Mọi người đều mừng rỡ. Anh em bảo: "Mai Nam có ý kiến chụp chung với Bác nên ưu tiên cho đứng gần Bác". Đây là bức ảnh mà tôi rất quý".

Xin chúc mừng lão nghệ sĩ nhân triền lăm của ông về đề tài rất đặc biệt mà ông tâm đắc đã lâu: "Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh".

MỘT NHÀ NHIẾP ẢNH ĐƯỢC BÁC HỒ ĐẶT TÊN

TRẦN ĐƯƠNG

Ông hoạt động nhiếp ảnh đã lâu, nhưng ít người biết tên ông, vì ông chủ yếu làm việc tại Thái Lan; năm 1960 ông về nước và làm công tác tại báo Hải Phòng cho đến khi trút hơi thở cuối cùng do bệnh hiểm nghèo (1979).

Ông tên là *Bằng Sâm*, sinh ngày 2 tháng 8 năm 1920. Xin "trích ngang" đôi dòng về tiểu sử của ông:

- Năm 1944, tham gia Hội Việt kiều cứu quốc (Thái Lan) và Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

- 14/8/1945: Gia nhập Giải phóng quân tại Bản Mạ (Thái Lan). Sang chiến đấu tại Tha Khẹt (Lào).

- 21/3/1946: Được cấp uỷ chi hội Nakhon bố trí hoạt động trong Hội Việt kiều ở Nakhon Phanom. Từ tháng 6/1946, phụ trách công tác thanh niên Việt kiều của Hội tại đây.

- Năm 1958: Bị chính quyền Thái Lan bắt, bỏ tù. Tích cực đấu tranh đòi hồi hương về Tổ quốc.

- 1960: Về nước.

- 1961 - 1979: Phóng viên, nhiếp ảnh báo *Hải Phòng*.

*

* *

Tôi đã được gia đình và bạn bè, đồng nghiệp ông kể nhiều chuyện về cuộc đời hoạt động cách mạng hoạt động nhiếp ảnh của ông. Nhưng trong những chuyện đặc biệt, tôi muốn nói trước

hết tới việc ông đã từng được Bác Hồ đặt tên. Vinh dự ấy không chỉ của riêng ông, mà của cả gia đình ông và của bà con Việt kiều yêu nước ở Thái Lan.

Chúng ta biết rằng, Bác Hồ hoạt động ở Thái Lan trong một thời gian chừng 16, 17 tháng, từ tháng 7-1928 đến cuối 1929. Dấu chân Người đã in nhiều trên vùng đất của xứ sở này, từ Bản Đông, thuộc huyện Phi Chít, tỉnh Phít-xa-nu-lốc miền Trung đến U-đen thuộc đông bắc nước Xiêm (tức Thái Lan ngày nay) - một vùng có đông Việt kiều sinh sống, lại tiện đường liên lạc với Noọng Khai, Xa-con, Na-khôn, Thạt Pha nôm...

Hoạt động ở Thái Lan, Bác lấy tên là Thầu Chín, nghĩa là ông già Chín - mặc dù Người mới 38, 39 tuổi. Người nhanh chóng hoà mình với kiều bào, cũng đi chân đất, cũng quần áo nâu sồng và suốt thời gian ở Thái Lan, Người làm đủ các thứ việc như mọi người, làm vườn, trồng cây, đào giếng, gánh gạch xây tường, làm thuốc, lấy củi, đi cày, đi câu... Trong khi đó, Người còn lo công tác chấn chỉnh xây dựng tổ chức, dành khá nhiều thời gian để dịch sách lý luận làm tài liệu tuyên truyền và huấn luyện cho cán bộ Việt Nam ở Xiêm.

Những ngày tháng ở Xiêm của Bác còn lưu nhiều kỷ niệm mặc dù thời gian đã lui lại ngót bảy chục năm trời. Một số người có dịp sang thăm Việt kiều ta ở Thái Lan đã viết bài về vườn lưu niệm Bác Hồ ở Bản Mạ, về ngôi trường Bác dựng ở Sa-con, về cây me Bác trồng năm 1929 ở Noong Ôn, về vườn cây ăn quả cách thành phố U-đôn 12 cây số mà Bác đã trồng nhiều loại cây, loại rau, cả những cây xoài, những luỹ tre...

Nhưng, có một chuyện ít người biết tới. Đó là việc Bác Hồ đặt tên cho bốn thành viên trong một gia đình Việt kiều ở Na-khom Pha-nôm, miền đông bắc Thái Lan. Bốn cái tên, nghe như một niềm tin được thắp sáng trong lòng dân Việt kiều: *Cách mệnh thành công*. Toàn bộ hoạt động của Người và các đồng chí của Người đều hướng tới mục tiêu ấy: *Cách mệnh thành công!*

Chuyện kể rằng: thời gian ở Na-khon Pha-nom, Bác Hồ đã đến ở nhà ông Hoe Lợi, đóng vai phụ việc bán thuốc bắc cho gia đình ông. Người lấy tên là *Lang Tín* (Thầu Chín). Sau này, cụ Hoe Lợi kể: "Thầu Chín rất nhã nhặn, chăm lo công việc, được mọi người trong gia đình yêu quý".

Cụ Hoe Lợi có bốn người con - ba người đầu tiên đều mang tên một thứ thuốc: Sâm (tức Bằng Sâm - nhà nhiếp ảnh mà chúng ta đang đề cập trong bài này), Nhung, Quế, người sau cùng tên là Công. Thầu Chín bàn và xin phép đặt tên cho người con cả Bằng Sâm tên mới là Cách; người thứ hai (chị Nhung) là Mệnh; người thứ ba (anh Quế) là Thành và người thứ tư (Công) vẫn giữ là Công.

Ông Cách (Bằng Sâm), như đã nói, hoạt động cách mạng từ năm 1944, khi ông 24 tuổi. Ngày Bác đến Na-khon Pha-nam, ông mới lên 8 tuổi.

Bà Mệnh (Nhung), ở lại Thái Lan, buôn bán, là một trong những cơ sở của cách mạng, như bố mẹ trước đây đã từng nuôi dưỡng cán bộ từ trong nước sang.

Ông Thành (Quế) hy sinh trong trận đánh Pháp ở Tha Khít (Lào) năm 1945.

Ông Công hy sinh trong kháng chiến chống Pháp ở Bát-tam-bang (Campuchia) năm 1946.

Như vậy, cả bốn người đều đã làm việc và chiến đấu cho cách mạng. Trước khi hy sinh hoặc qua đời, họ đã nhìn thấy nước nhà độc lập, cách mạng do Bác Hồ lãnh đạo đã thành công.

Cũng xin nói thêm: nhà nhiếp ảnh Bằng Sâm mà Bác Hồ đặt tên là Cách chính là cha đẻ của thượng tá Bằng Lâm, họa sĩ, cũng là nhà nhiếp ảnh. Anh Bằng Lâm cho biết, bà nội anh, khi còn sống, có kể với anh: năm 1945, cả nhà đọc báo, nhìn thấy ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, mọi người đều rất vui mừng nhận ra Người chính là Thầu Chín, năm 1928 đã ở nhà mình

và ghi dấu lòng mọi người bằng 4 cái tên do Người đặt: *Cách Mệnh Thành Công!*

Ba năm sau đó, ông nội anh - cụ Hoe Lợi, tức Nguyễn Bằng Cát, đã gửi thư lên Hồ Chủ tịch. Bức thư này do Thông tấn xã Việt Nam tại Băng Cốc phát về nước ngày 3-3-1948, theo điện văn số 21 DT8. Bức thư này đã được đăng trên tờ *Thân Ái* của Việt kiều tại Thái Lan và hiện đang được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia. Cụ Bằng Cát cũng đã gửi mừng tuổi Hồ Chủ tịch số tiền một nghìn bạc Xiêm.

Nhà nhiếp ảnh Bằng Sâm, trong 19 năm công tác tại báo *Hải Phòng* đã ghi lại nhiều hình ảnh về cuộc sống xây dựng ở thành phố cảng. Một sự kiện được ông nhắc đến như một vinh dự đặc biệt là ông đã được chụp ảnh Bác Hồ cùng anh hùng vũ trụ Liên Xô Ghéc-man Ti-tốp về thăm Hải Phòng năm 1962. Ông cũng có lần được cùng cha mình (cụ Hoe Lợi) và một số Việt kiều ở Thái Lan đến Phủ Chủ tịch theo lời mời của Người để Người gặp gỡ, cảm ơn và chuyện trò, ôn lại những kỷ niệm trên đất Xiêm ngày trước.

TÁM ẢNH BÁC HỒ VÀ NHỮNG NGƯ DÂN BIỂN SẦM SƠN

KIM CÔN *kể*

Nhà nhiếp ảnh lão thành Kim Côn là một trong những nhà nhiếp ảnh vinh dự được nhiều lần tháp tùng Bác Hồ trong những chuyến công tác. Những bức ảnh của ông về Bác Hồ không chỉ là những tư liệu quý về hoạt động của Bác, mà còn nói lên rất nhiều điều về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Ông đã kể cho chúng tôi nghe về một kỷ niệm trong rất nhiều lần được tháp tùng Bác.

Năm 1960, năm diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, Bác Hồ có đi công tác tại Thanh Hoá. Đoàn công tác của Bác nghỉ tại một ngôi đền trên lưng chừng núi ven biển Sầm Sơn.

Sáng hôm sau, cải trang như một lão ngư, quần cộc, áo nâu cộc, đội mũ không có chóp và quần chiếc khăn bông quanh cổ để che bớt chòm râu, Bác cùng đoàn công tác vào thăm một xóm chài. Thấy nhà nào cũng đóng cửa, Bác đi một đoạn rồi rẽ vào một gia đình có một cụ già đang ngồi bên một be rượu. Mấy đứa cháu nhỏ đang nằm chõng kề bên. Bác lên tiếng:

- Xin chào cụ!

- Vâng, chào cụ và các ông vào chơi. Mời cụ nhấp với tôi chén rượu cho vui buổi sớm. Có câu "khi rượu sớm, lúc trà trưa" mà. Tuổi già chỉ có vậy thôi cụ ạ.

- Đa tạ cụ, chúng tôi đã ăn sáng rồi, xin mời cụ cứ tự nhiên!

Thấy cụ chủ nhà có vẻ hiền lành, cởi mở, Bác Hồ hỏi cụ:

- Thừa cụ đời sống dân xóm chài ta đạo này ra sao ạ?

Không ngần ngại ông cụ trả lời vanh vách:

- Nhờ ơn Đảng và Chính phủ dân chài chúng tôi no ấm và hạnh phúc lắm ạ!...

Bác dẫn đoàn tùy tùng xuống tận bãi cá, nơi ngư dân đang cật lực lao động kéo lưới, thu hoạch cá.

Thấy mấy lão ngư đang choãi chân thang kéo lưới, Bác liền xắn tay kéo lưới cùng các cụ. Bác làm rất thành thực, say sưa không khác gì một lão ngư thực thụ. Mải làm, mình dầm mồ hôi, Bác cởi áo, rồi bỏ cả khăn mặt quấn cổ, vui chuyện với các lão ngư. Nhìn Bác lao động, không ai phân biệt được trong số các lão ngư kéo lưới đó, ai là lãnh tụ, ai là lão ngư của bãi biển Sầm Sơn.

Kéo lưới xong, Bác lại đến với bà con xã viên đang chia cá. Nhìn những vun cá tươi rói, Bác cũng vui chung niềm vui với ngư dân. Ngồi bên vòng người chia cá, Bác cũng nhặt từng con cá vui vẻ trò chuyện với họ...

Nhìn thấy những cảnh ấy, tôi đã không khỏi xúc động và đó cũng là những cảm xúc để tôi ghi lại những bức ảnh quý giá còn lại đến hôm nay.

HUY NAM ghi



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trường xây dựng
Đài phát thanh Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội (11/1/1958)

Ảnh: Nguyễn Kim Côn - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

BÁC HỒ VỚI NGHỆ SĨ TẠO HÌNH VIỆT NAM

TRẦN KHÁNH CHƯƠNG

Trong những năm qua, nhiều mẫu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được các nghệ sĩ tạo hình xúc động ghi lại trong các bài viết, hồi ký, bài báo. Những câu chuyện cảm động ấy đã cho thấy Bác Hồ rất quan tâm đến giới mỹ thuật nước nhà, và tình cảm của Người đối với các nghệ sĩ tạo hình luôn thấm đượm lòng nhân ái, sự cảm thông ân cần mà sâu sắc.

Ngày 7/10/1945, chỉ sau ngày Tuyên ngôn Độc lập hơn một tháng, triển lãm giới thiệu truyền thống văn hóa Việt Nam và các tác phẩm mỹ thuật được khai mạc tại Nhà Khai trí Tiến Đức (Hà Nội). Bác Hồ đã đến dự. Báo *Cứu quốc*, cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh số ra ngày 8/10/1945 đã ghi lời phát biểu của Người trong buổi khai mạc triển lãm: "... Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi dưới đất mà cứ muốn vút lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít... Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ mường tượng như Lỗ Tấn, nhà văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi rồi cũng phải chán nản, nhạt nhẽo và mới biết rằng: muốn tìm thấy sự thay đổi, sự ham mê thật, phải trở về với cuộc sinh hoạt thực tại của con người".

... Ngày nay, trước khi đi đến việc kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ đấu tranh cực kỳ khổ sở, khó

khăn nữa. Giới văn hóa cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng các anh em văn hoá đã cố gắng lên mãi, để cùng đồng bào đi đến chỗ vẻ vang của nước nhà”.

Tháng 5 năm 1946, Hội Văn hóa cứu quốc cử nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim, họa sĩ Tô Ngọc Vân và họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung vào Bắc Bộ phủ nặn tượng và vẽ chân dung Bác Hồ hơn hai mươi ngày. Nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim kể: “Ngày ngày tôi và hai anh em Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung được phép vào nơi Bác làm việc ở Bắc Bộ phủ, ghi chép ký họa từ 6 đến 8 giờ sáng... Phòng làm việc của Bác thoáng đãng, sàn gỗ đánh xi bóng. Tôi xin mang theo một cái giá khá nặng và một hòm gỗ thông đựng đất sét. Thấy phòng quá sạch sẽ, tôi lúng túng không dám bước vào. Bác biết ý, cho người kiếm một cái chiếu để cô Kim để giá và hòm đất. Mỗi ngày hai tiếng được làm việc cạnh Bác, tôi thấy thì giờ trôi đi rất nhanh, thời gian lại rất gấp. Lúc này là đầu tháng 5-1946. Bác chuẩn bị lên đường sang Pháp dự Hội nghị Phôngtennơblô, là thượng khách của chính phủ Pháp. Buổi đầu tiên, Bác mời thuốc lá thơm các anh Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung. Bác cười bảo tôi: “Ngày mai sẽ mời cô ăn kẹo”. Vào ngày thứ mười trái với thông lệ, ba nghệ sĩ chúng tôi được vượt giờ quy định khoảng hai mươi phút. Bác cười vui bảo ba người: “Hôm nay tôi làm thêm giờ, phải có bồi dưỡng đây nhé”. Sau lần được nặn tượng Bác, nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim đã có tác phẩm chân dung Bác Hồ bằng đồng, dự triển lãm mỹ thuật tháng 8-1946 và nhiều tác phẩm về Bác trong kháng chiến chống Pháp.

Vào cuối năm 1948, họa sĩ Phan Kế An (con cụ Phan Kế Toại) được đồng chí Trường Chinh cử đi vẽ Bác Hồ để làm tranh in trên báo *Sự thật*. Đi gần đến chỗ Bác ở, họa sĩ đã được Bác ra đón. Ông kể: “Cụ bắt tay, ôm lấy vai tôi thân mật thăm hỏi sức khỏe và chuyện đi đường. Tôi vô cùng cảm động vì khi ấy mình mới là một thanh niên 25 tuổi, đến công tác với Bác mà được Bác đối xử trân trọng và thân tình đến như vậy. Vừa đi vừa nói

chuyện, Bác dẫn tôi đến một cái lán to bằng tre nửa lá dưới tán những cổ thụ. Bác cho tôi biết đây là chỗ ở và làm việc của cán bộ và nhân viên. (...) Tôi được ở và vẽ Bác hơn hai tuần lễ, vẽ được trên 20 bức tốc họa và một bức thâm họa. Tôi nghĩ đến số báo *Sự thật* tới cần có tranh chân dung Bác, nên tôi xin trở về cơ quan. Bác bảo tôi treo tất cả những tranh đã vẽ lên tám liếp ở nhà tập thể và mời tất cả anh chị em trong cơ quan đến xem. Cuối cùng Bác chỉ vào một bức ký họa vẽ đơn sơ mấy nét bằng bút sắt mực đen, Bác nói: “Nếu in báo thì lấy bức này giản dị và có thần”.

Năm 1947, họa sĩ Diệp Minh Châu đã vẽ bức tranh *Bác Hồ với thiếu nhi Bắc - Trung - Nam* bằng máu tại Đồng Tháp Mười. Năm 1951 ông được gặp Bác nhân dịp theo đoàn Nam Bộ ra dự Đại hội Đảng toàn quốc. Ông đã xin ở gần Bác ít lâu để vẽ, và được toại nguyện. Họa sĩ viết: “Tôi ở với Bác không đầy sáu tháng, nhưng cũng nhiều lần dời nhà. Trước khi đi khỏi ngôi nhà thứ hai, Bác cúi húi trồng một cây quýt, tôi lần quần theo Bác, giúp Bác xới đất cắm cọc xung quanh cây quýt nhỏ. Tôi nói: “Thưa Bác, mai ta rời đi rồi, Bác còn trồng làm gì?” Bác đứng dậy ngắm nghía cây quýt mới trồng một lúc như chợt nhớ câu tôi vừa hỏi. Bác lại nói: “À, mình đi thì để mai sau qua ngang đây gặp ăn cũng được”. Trong thời gian ở bên Người, họa sĩ Diệp Minh Châu đã được học tập cuộc sống giản dị, lạc quan của Bác. Sau ngày đi học ở nước ngoài về, ông đã dồn tâm huyết của mình sáng tác nhiều tác phẩm về Bác Hồ và miền Nam.

Tháng chạp năm 1951, Triển lãm hội họa và Hội nghị tranh luận hội họa được Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang). Theo họa sĩ Tô Ngọc Thành, “cha tôi (họa sĩ Tô Ngọc Vân) thay mặt anh em họa sĩ viết giấy mời Bác Hồ đến dự khai mạc triển lãm. Bác có ghi mấy câu bên cạnh lá thư đó: “Chú Lành (tức nhà thơ Tố Hữu), chú nói với chú Vân, Bác bận không đến được”. Báo *Văn Nghệ* số 35 tháng 4-1952 đã đăng toàn văn thư Hồ Chủ tịch gửi Triển lãm hội họa năm 1951,

trong đó có những lời đã trở thành kim chỉ nam cho sự nghiệp văn học nghệ thuật nước nhà:

“Gửi anh chị em họa sĩ.

Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện, tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật, để anh chị em tham khảo.

Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận.

Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh...”

Năm 1952, họa sĩ Dương Bích Liên đã được vẽ Bác Hồ tại chiến khu Việt Bắc. Nhà nghiên cứu triết học Nguyễn Hào Hải, người gần gũi và sưu tập nhiều tranh của Dương Bích Liên đã viết: “Mùa xuân năm 1952 họa sĩ Dương Bích Liên được cử lên Việt Bắc đến đại bản doanh của cách mạng để vẽ Bác Hồ. Những tháng ngày được sống bên cạnh Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc là thời gian có biết bao nhiêu điều đáng ghi nhớ trong cuộc đời làm nghệ thuật của họa sĩ. Họa sĩ đã ghi chép khá nhiều những ký họa về cảnh sinh hoạt thường ngày của Bác và đã có khá nhiều ký họa bằng chì than rất đẹp trong thời kỳ này. Chẳng hạn như bức “Bác Hồ khoác trên vai một chiếc áo cặm cùi làm việc trên chiếc máy chữ trong một buổi chiều mùa đông”, bức “Bác Hồ đứng giữa sân trong cơ quan sau giờ làm việc, tay cầm một bát ngô rắc đều trên đất, đàn gà đủ loại lớn nhỏ, trông mái quây quần, cặm cùi, hời hả ăn dưới chân Người”. rồi bức “Bác Hồ mặc quần áo cánh nâu nằm nghỉ trên chiếc chõng tre ở đầu hiên nhà trường một buổi trưa hè...”.

Họa sĩ Tô Ngọc Thành viết: “1954, vào mùa xuân. Cha tôi đi công tác về. Chúng tôi thấy cha tôi mặc áo màu chàm. Cha cho chúng tôi hay: “Chiếc áo này là của Bác Hồ tặng”. Hôm ấy

cha tôi bị ho. Bác đã cởi áo tặng và còn dặn: “Chú cố gắng giữ gìn sức khỏe để còn phục vụ nhân dân chứ!”. Cha tôi đã cởi chiếc áo cho chúng tôi xem dòng chữ thêu chỉ đỏ trên cổ áo: “Đồng bào Mèo kính dâng vị cha già dân tộc Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Chiếc áo của Bác cha tôi mặc trên đường đi về ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong chiếc ba lô và cặp vẽ gửi trả lại gia đình, sau khi cha tôi hi sinh trong trận ném bom oanh tạc của địch ở bên kia đèo Lũng Lô, vẫn còn chiếc áo của Bác. Một bức tranh cha tôi vẽ Bác đang nói chuyện trước hội nghị, với chiếc áo đó, vẫn còn lưu giữ đến ngày nay. “Đó là chiếc áo ấm của Bác”, cha tôi bảo thế, để như Bác nói “Có tin tâm, quyết tâm là chiến thắng”. Cha tôi hi sinh như một người chiến sĩ, một người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, đúng như lời dặn của Bác Hồ kính yêu của chúng ta”.

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại ở miền Bắc, các họa sĩ quân đội khẩn trương chuẩn bị một triển lãm tranh về lực lượng vũ trang nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân (22/12/1954) cũng là triển lãm mỹ thuật đầu tiên ở Hà Nội sau ngày giải phóng Thủ đô. Họa sĩ Phạm Thanh Tâm kể: “Chúng tôi, các họa sĩ và chiến sĩ đang làm công việc chuẩn bị khai mạc triển lãm ở Bích Câu, thì có tiếng còi tập hợp, và tin Bác đến thăm làm mọi người náo nức. Bác nhanh nhẹn đi qua hai hàng quân, Bác mặc bộ quần áo nâu và đi dép lốp. Đi tới một quãng rộng, Bác vẫy tay bảo mọi người ngồi xuống xung quanh mình. Chúng tôi ngồi bệt ngay xuống đất. Bác đứng giữa nói chuyện. Bác nói rất thân mật nhưng toàn là chuyện công việc của đất nước. Tôi nhớ nhất là ý Bác nhắc đi nhắc lại: “Việc nước nhà rất nhiều, phải đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc, chỉ có Bác cháu ta ở trên rừng về thì không làm xuể đâu”.

Triển lãm mỹ thuật toàn quốc 1958 do Hội Mỹ thuật Việt Nam tổ chức tại địa điểm trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (Yết Kiêu, Hà Nội) đã được đón Bác Hồ đến thăm. Sau khi xem

các tác phẩm và nói chuyện với tác giả, Bác đã ghi vào sổ vàng triển lãm:

*“So với trước, đã tiến bộ khá.
Cần phải cố gắng nữa, để tiến bộ hơn.
Mĩ thuật cũng phải ra sức phục vụ nhân dân”.*

Ngày 9/7/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký quyết định tặng Hội Mĩ thuật Việt Nam Huân chương Lao động hạng nhất vì “Đã có thành tích sáng tác nghệ thuật tạo hình và giới thiệu ra nước ngoài nhiều tác phẩm nghệ thuật dân tộc”.

Ngày 26/9/1960, Bác Hồ đã đến xem Triển lãm mĩ thuật toàn quốc 1960 tổ chức tại Nhà triển lãm ở 40 Yết Kiêu (Hà Nội) và thăm trường Cao đẳng Mĩ thuật Việt Nam. Bác xem rất kỹ các tác phẩm trưng bày trong triển lãm rồi đi thăm chỗ ở của cán bộ và học sinh nhà trường. Họa sĩ Thanh Ngọc lúc đó là sinh viên năm thứ hai hệ cao đẳng xúc động kể lại: “Bác xem rất kỹ, đi hết tất cả triển lãm, trên, dưới, trong, ngoài, rồi Bác đi đến cái cửa nhỏ nối khu triển lãm với nhà ở của cán bộ, học sinh trong khuôn viên trường, chỉ chừa đúng một cửa ngách nhỏ, mở cửa vào trong. Rồi Bác thăm từng nhà, xem nơi ăn ở, góp ý về cách sắp xếp, xây dựng

Năm 1962 Triển lãm mĩ thuật của các họa sĩ và Nhà điêu khắc miền Nam tập kết ra Bắc đã được tổ chức tại Câu lạc bộ Thống nhất Hà Nội. Đây là một triển lãm lớn gồm nhiều tác phẩm ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và tác phẩm của các học sinh miền Nam đang học tập tại trường Cao đẳng Mĩ thuật Việt Nam. Ngày 19/2/1962, Bác Hồ đã đến thăm triển lãm. Nhà điêu khắc Lê Công Thành kể: “Hồi đó tôi đang học điêu khắc tại trường Mĩ thuật nên cũng có một tượng tròn *Du kích miền Nam* tham dự. Chúng tôi, các họa sĩ, nhà điêu khắc miền Nam tập kết vui mừng được đón Bác Hồ, cảm nhận tấm lòng của Bác với đồng bào và chiến sĩ miền Nam mà chúng tôi là những người con đang được sống trên đất Bắc. Nhà thơ Bảo Định

Giang và nhà điêu khắc Trần Văn Lắm đã dẫn Bác đi xem các tác phẩm, còn chúng tôi thì đi theo sau để ngắm nhìn Bác. Sự giản dị gần gũi ân cần của Bác tại triển lãm là một kỷ niệm đẹp trong đời mà tôi không bao giờ quên”.

Triển lãm mỹ thuật toàn quốc năm 1962 được tổ chức tại hai địa điểm 45 Tràng Tiền và 43 Đinh Tiên Hoàng (Hà Nội) với 350 tác phẩm của 130 tác giả. Bác Hồ đã đến thăm triển lãm. Báo *Nhân dân* số 3135 ngày thứ năm 25/10/1962 đã đưa tin này: “... Hồ Chủ tịch đã chú ý xem tỉ mỉ các tác phẩm và dừng lâu trước những tranh tượng phản ánh đời sống của công nhân, nông dân, bộ đội, đồng bào các dân tộc, đồng bào miền Nam và trẻ em. Hồ Chủ tịch đã tỏ ý khen ngợi những bước tiến mới của ngành mỹ thuật và nói: “Các tranh, tượng đã nói lên được tình người, tả chân thật những người lao động bình thường. Anh chị em đã cố gắng đi vào đời sống. Thế là tốt. Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc. Anh chị em có kinh nghiệm cần khuyến khích, giúp đỡ tốt hơn nữa những anh chị em trẻ, bày vẽ thêm cho họ, nhưng phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật, chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo”.

Năm 1963 Bác Hồ đến thăm triển lãm nghệ thuật tạo hình trưng bày ở Tràng Tiền (Hà Nội). Họa sĩ Trần Văn Cẩn kể: “... Xem tranh sơn mài, Bác khuyên chúng tôi nên nghiên cứu sao cho chất liệu này giữ được bền hơn nữa. Về nghệ thuật khám trai, Bác cũng có ý kiến: “Các chú cần cố gắng duy trì loại này. Nó quý lắm. Nó là cái vốn nghệ thuật cổ truyền của cha ông ta xưa, phải phát triển nó lên”.

Bác Hồ luôn quan tâm đến cuộc chiến đấu chống Mỹ của đồng bào miền Nam và các văn nghệ sĩ trong đó có các họa sĩ ở chiến trường. Cả hai cuộc trưng bày ký họa từ miền Nam gửi ra Bắc, Bác đều dành thời gian để đến xem. Đó là triển lãm ngày 24/10/1966 tổ chức tại hội trường Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, và triển lãm ngày 25/12/1968 tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Mùa xuân năm 1969, Bác Hồ đã đến thăm triển lãm tranh của bộ đội tại Câu lạc bộ Thống Nhất Hà Nội. Họa sĩ Phạm Thanh Tâm kể lại: “Lần thứ hai, sau đợt tổng tấn công Tết Mậu thân, tôi đi chiến dịch Khe Sanh ra, thì Bộ Tổng tư lệnh giao tổ chức triển lãm tranh của bộ đội. Tôi cùng các họa sĩ Nguyễn Bích, Mai Văn Hiến, Huy Toàn...đi sưu tầm, tập hợp tranh của các chiến sĩ, chọn ra được 300 bức, chủ yếu là ký họa chì, bột màu, thuốc nước. Tranh bày ở câu lạc bộ Thống Nhất, người đến xem rất đông. Một hôm, từ sáng sớm, tôi bị gọi dậy. Đồng chí Chính Hữu (nhà thơ, trưởng phòng Văn nghệ quân đội) bảo tôi tới ngay phòng triển lãm chuẩn bị để đón Bác tới thăm. Tin Bác đến làm anh em vô cùng bất ngờ và vô cùng sung sướng. Bác bước vào phòng triển lãm, có đồng chí Song Hào (Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị) đỡ một tay, tôi để ý thấy bàn tay kia Bác nắm một viên đá tròn (chắc là một dụng cụ để tập luyện). Bác còn yếu nhưng đi xem rất kỹ, xem từng bức tranh. Bác dừng lâu trước một ký họa của anh Huỳnh Phương Đông, các phóng viên Thông tấn xã Việt Nam đã chụp cảnh này và công bố ngay sau đó để toàn dân vui mừng vì sức khỏe Bác đã phục hồi. Nhưng đó là lần đi xem triển lãm cuối cùng của Bác”.

Những câu chuyện cảm động, những hình ảnh ghi lại được trong những lần Bác Hồ tiếp đón các họa sĩ, nhà điêu khắc, những lần Người đến xem các triển lãm mỹ thuật mãi mãi không thể phai mờ trong lòng các nghệ sĩ tạo hình Việt Nam.

HÌNH TƯỢNG BÁC HỒ TRONG NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM

TRẦN KHÁNH CHƯƠNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, người anh hùng dân tộc, nhà tư tưởng và nhà văn hoá kiệt xuất, danh nhân văn hóa thế giới. Sinh thời Người luôn gần gũi với dân, chăm lo cho đời sống của nhân dân, dâng hiến cả cuộc đời mình cho dân tộc, vì vậy nhân dân ta gọi Người là “Bác Hồ” với tấm lòng kính yêu vô hạn. Hình tượng của người tạo nguồn cảm hứng sáng tạo lớn cho các văn nghệ sĩ, trở thành một đề tài lớn, tâm huyết trong nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật.

Hơn nửa thế kỉ qua, hàng ngàn tác phẩm mỹ thuật của Việt Nam đã khái quát cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh như một cuốn sử bằng nghệ thuật tạo hình: từ khi Người còn nhỏ, tuổi thành niên ra đi tìm đường cứu nước, hoạt động cách mạng ở nước ngoài, rồi trở về Tổ Quốc lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, đến hình ảnh của Người trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Ở tất cả các tác phẩm đều hiện lên một hình ảnh Bác Hồ gần gũi thân thương, vị lãnh tụ vĩ đại nhưng hết sức khiêm nhường và giản dị, một hình ảnh luôn xúc động lòng người.

Sau ngày được Bác cho vào Bắc Bộ phủ vẽ và nặn tượng. Họa sĩ Tô Ngọc Vân đã có bức tranh sơn dầu *Bác Hồ làm việc ở Bắc Bộ phủ*, họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung có chân dung Bác vẽ bằng sơn dầu và nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim hoàn tất bức tượng chân dung bán thân của Bác. Trong kháng chiến, họa sĩ Tô Ngọc

Vân đã sáng tác bức tranh khắc gỗ *Bác Hồ ở Bắc Bộ phủ*, nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim tiếp tục sáng tác những tác phẩm khác như bức đắp nổi chân dung Bác Hồ năm 1952, bức tượng Bác ngồi làm việc năm 1960 và Bác Hồ năm 1930 (được sáng tác năm 1970, 1971). Họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung sau này đã sáng tác bức tranh sơn dầu *Chân dung Bác Hồ* năm 1965 và tác phẩm *Bác Hồ thăm nhà máy xe lửa Gia Lâm*.

Trong thời kì đầu cách mạng, nhiều họa sĩ và nhà điêu khắc đã vẽ, nặn tượng chân dung Bác. Ngày nay chúng ta còn được chiêm ngưỡng bức tượng *Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh* bằng đồng của nhà điêu khắc Vũ Cao Đàm tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đó là bức tượng nặn trực tiếp Bác Hồ khi Bác sang dự Hội nghị Phôngtennoblô tại Pháp và đến thăm nhà họa sĩ Vũ Cao Đàm. Trong triển lãm tranh Tết ngày độc lập, họa sĩ Lương Xuân Nhị đã có tác phẩm *Hồ Chủ tịch* với phong cách tranh dân gian, hình ảnh Cụ Hồ được thay cho hình ông Phúc trong bộ Phúc - Lộc - Thọ, tay cầm hình nước Việt Nam có chồi mọc những mầm xanh tốt, các em nhỏ thì cầm lá quốc kì và dâng hoa, xúm xít, quyến luyến. Nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim vẽ *Hồ Chủ tịch* cầm bình tưới những bông hoa tự do - hạnh phúc - chiến đấu. Họa sĩ Nguyễn Sáng thể hiện hình ảnh Bác Hồ qua bộ tem được phát hành đầu tiên năm 1946. Ở Nam Bộ, họa sĩ Huỳnh Văn Gấm có bức *Cụ Hồ Chí Minh* bằng bột màu năm 1947. Tại chiến trường khu 8, ngày 2 tháng 9 năm 1947, sau khi dự lễ kỷ niệm ngày độc lập ở Đồng Tháp Mười, họa sĩ Diệp Minh Châu đã trích máu ở cánh tay để vẽ lên lụa bức tranh *Bác Hồ với thiếu nhi Trung-Nam - Bắc*. Bức tranh đã được đoàn đại biểu Nam Bộ đưa ra Việt Bắc kính tặng Bác kèm theo bức thư của họa sĩ.

Năm 1951 họa sĩ Diệp Minh Châu được ra Việt Bắc nhân dịp Đại hội lần thứ II của Đảng. Ông được gặp Bác Hồ và theo nguyện vọng của ông, Bác Hồ đã cho ông được đến bên Người để thỏa lòng mong mỏi: "... được vẽ Bác thật nhiều, để sau này cháu mang về miền Nam cho đồng bào được thấy chân dung

Bác”. Cùng với nhiều ký họa, là bức tranh sơn dầu vẽ nhà Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc, sau này, khi đi học điêu khắc ở nước ngoài về, nhà điêu khắc Diệp Minh Châu đã dành nhiều thời gian, công sức để sáng tác về đề tài Bác Hồ mà tiêu biểu là bức tượng đồng *Bác Hồ với thiếu nhi* đặt tại Quảng trường Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tượng chân dung Bác Hồ bằng đá có kích thước lớn...

Cũng trong thời kì kháng chiến chống Pháp, Bác Hồ đã dành cho các họa sĩ Phan Kế An, Dương Bích Liên niềm vinh dự được ở bên Bác để vẽ khi Bác đang làm việc tại chiến khu Việt Bắc. Hai họa sĩ nói trên đã vẽ nhiều kí họa về Bác Hồ và sau này đã sáng tác những bức tranh về đề tài Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất sắc như *Hồ Chủ tịch ở Việt Bắc* của Phan Kế An, *Bác Hồ đi công tác ở Việt Bắc* của Dương Bích Liên...

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, các họa sĩ đã thể hiện hình ảnh Bác Hồ qua tranh cổ động, tem, báo chí, tiền, ngân phiếu, và được phổ biến rộng rãi. Nhiều tác phẩm trong số đó đã được lưu truyền trong vùng địch tạm chiếm như những kỷ vật vô giá của tâm lòng người dân đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Các nghệ sĩ tạo hình trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã nhiều lần được gặp Bác Hồ khi Bác đi công tác, đi thăm nhà máy, các đơn vị quân đội, đến với nông dân, học sinh, gặp gỡ các anh hùng chiến sĩ thi đua, thăm xưởng phim, dự các hội nghị, thăm các triển lãm mỹ thuật... và bằng tiếp xúc với các tư liệu phim, ảnh, những hình ảnh của Người đã tạo nên cảm xúc mãnh liệt cho các họa sĩ để hình thành những tác phẩm hội họa xuất sắc với các chất liệu sơn mài, sơn dầu, lụa, bột màu, thuốc nước như: *Bác Hồ bên suối Lênin* của Trần Văn Cẩn; *Bác Hồ trông cây với thiếu nhi* của Hoàng Tích Chù; *Bác Hồ đi công tác* của Trần Đình Thọ; *Những lời dạy bảo và Bác Hồ thăm triển lãm mỹ thuật* của Mai Văn Hiến; *Nguyễn Ái Quốc thời kỳ ở Pháp* của Trịnh Phòng; *Nguyễn Ái Quốc đến Pêtrôgorát 6/1923* của Hồ Thọ; *Nghe*

lời Bác dạy của Vương Trình; Bác Hồ đến trận địa pháo của Huy Toàn; Bác Hồ thăm bộ đội của Nguyễn Cao Thương; Năm đất quê hương và dòng chân bên suối của Phạm Công Thành; Bác Hồ với đồng chí miền Nam của Quang Thọ; Ông kẻ cách mạng của Nguyễn Thế Vy; Bác Hồ của Văn Đa; Bác Hồ đi công tác của Nguyễn Thụy; Bác Hồ thăm lớp vỡ lòng của Đỗ Hữu Huệ; Bác Hồ ở Việt Bắc của Giang Tô; Học chữ Bác Hồ của Trần Hữu Chát; Bác Hồ thăm nhà máy xe lửa Gia Lâm của Phạm Lung; Rời lều cỏ Bác tiếp tục hành quân của Trọng Kiệm; Bác Hồ với Tây Nguyên của Xu Man; Bác Hồ làm thơ của Đoàn Văn Nguyên; Bác Hồ làm việc ở Pác Bó của Trịnh Phòng; Trên đỉnh non cao của Phạm Thanh Tâm; Bác Hồ thăm thương bệnh binh của Trần Tê.

Trong lĩnh vực đồ họa, hình tượng Bác Hồ được các nghệ sĩ thể hiện qua nhiều tác phẩm trên tranh khắc. Có thể kể tới các tác phẩm; *Hồ Chủ tịch cùng các em nhi đồng* của Tô Ngọc Vân; *Thỏ, Nùng, Mán, Kinh đoàn kết đuổi giặc Pháp* của Trần Văn Cẩn; *Bác Hồ làm việc ở Việt Bắc* của Nguyễn Văn Ty; *Bác Hồ với thiếu nhi* của Sỹ Ngọc; *Bác Hồ với nông dân* của Phạm Văn Đôn; *Ba Đình ngày 2/9/1945* của Trịnh Thiệp; *Ý Bác lòng dân* của Trần Nguyên Đán; *Bác Hồ đi công tác* của Nguyễn Nghĩa Duyệt; *Bác Hồ với các thầy thuốc* của Trọng Cát...

Các họa sĩ hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam trong cả nước thường xuyên sáng tác tranh cổ động với hình tượng Bác Hồ nhân dịp các Đại hội Đảng toàn quốc, bầu cử Quốc hội, kỷ niệm thành lập nước, kỷ niệm ngày sinh của Bác, các đại hội của các đoàn thể chính trị - xã hội do Cục thông tin cơ sở - Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức trong nhiều năm. Hội Mỹ thuật Việt Nam đã tổ chức nhiều đợt sáng tác tranh cổ động về Bác Hồ và tổ chức triển lãm, như triển lãm tranh cổ động chào mừng kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2005) với 49 tác phẩm của 42 tác giả tại bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Toàn bộ số tranh này đã được Hội Mỹ thuật Việt Nam tặng Bảo tàng Cách mạng Việt Nam để lưu giữ và trình bày.

Tháng 4 năm 2008, hưởng ứng cuộc vận động sáng tác, biểu diễn, quảng bá các tác phẩm văn học - nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “Thi đua ái quốc” (11/6/1948-11/6/2008) của Ban Tuyên giáo Trung ương, bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Hội Mỹ thuật Việt Nam đã tổ chức trại sáng tác và trưng bày các tác phẩm nhân dịp kỷ niệm 118 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Nhà triển lãm mỹ thuật 16 Ngô Quyền, Hà Nội với 38 tác phẩm của 36 tác giả chọn lọc từ 62 tác phẩm của 41 tác giả tham dự trại thuộc các tỉnh thành: Hà Nội, Hải Dương, Hòa Bình, Ninh Bình... Qua hai triển lãm, có nhiều tác giả chuyên vẽ tranh cổ động với nhiều tác phẩm tốt như: Lê Huy Toàn, Huỳnh Văn Thuận, Phạm Lung, Lê Lam, Lê Huy Tiếp, Mai Văn Hiến, Trần Gia Bích, Nguyễn Tiến Cảnh, Ngô Mạnh Lân, Đỗ Mạnh Cường, Nguyễn Thủy Liên, Trần Mai, Nguyễn Duy Lâm, Vũ Huyền, Trần Mộng Huân, Nguyễn Phúc Khôi, Lương Xuân Hiệp, Vũ Kim Liên, Trần Thế Vinh, Nguyễn Công Quang, Trịnh Bá Quát, Lê Kim Oanh, Hà Huy Chương...

Hình tượng Bác Hồ đã được các họa sĩ trân trọng thể hiện trên tranh cổ động với nhiều tác phẩm đi vào lòng người, cổ vũ quân dân cả nước chiến thắng giặc Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có thể kể tới các tác phẩm xuất sắc như: *Sống chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại* của Huỳnh Văn Gấm; *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân* của Huy Oánh, Nguyễn Thụ; *Đời đời nhớ ơn Bác Hồ* của Quang Phòng; *Kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ* của Nguyễn Bích; *Sáu mươi năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* của Trần Mai; *Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại* của Nguyễn Viết Quang; *Độc lập, thống nhất, hoà bình, hạnh phúc* của Trần Từ Thành; *Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng* của Trần Khánh Chương...

Trong nghệ thuật điêu khắc, hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện trong các tác phẩm tượng tròn và tượng đài. Có

thể kể tới các tác phẩm chân dung Bác Hồ của các nhà điêu khắc Nguyễn Thị Kim, Vũ Cao Đàm, Trần Văn Lắm, Diệp Minh Châu, Minh Đình, Dương Đăng Cẩn... Nhiều tượng đài Bác Hồ đã được xây dựng, ngay trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, như tượng Bác Hồ bằng chất liệu xi măng đặt tại Ninh Giang (Hải Dương), đảo Cô Tô (Hải Phòng) của nhà điêu khắc Nguyễn Phước Sanh (sau này được chuyển chất liệu đá)... Từ sau ngày đất nước thống nhất, tượng đài Bác Hồ đã được dựng ở nhiều nơi bằng chất liệu bền vững như đồng, đá granit với kích thước lớn, có tác phẩm cao tới 14m. Có thể kể tới các tác phẩm chất liệu đồng như *Bác Hồ với thiếu nhi* của Diệp Minh Châu đặt tại thành phố Hồ Chí Minh; *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Hà Tĩnh* của Phạm Sinh; *Nguyễn Tất Thành* đặt tại trường Quốc Học Huế, thành phố Huế của Vương Học Báo; *Bác Hồ với thiếu nhi các dân tộc* của Tạ Quang Bạo đặt tại Buôn Ma Thuột. Các tác phẩm chất liệu đá hoa cương, đá cẩm thạch, có thể kể tới: *Bác Hồ* đặt tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh của Dương Nguyên Phước; *Bác Hồ* đặt tại Nghệ An của Đỗ Như Cẩn; *Chủ tịch Hồ Chí Minh* đặt tại Cao Bằng của Minh Đình; *Bác Hồ với nhân dân Hà Giang* của Nguyễn Phú Cường đặt tại tỉnh Hà Giang...

Có thể thấy trong số hàng ngàn tác phẩm mỹ thuật về Bác Hồ, các tác phẩm tiêu biểu kể trên đã thể hiện phong phú hình tượng của Người trong quá trình hoạt động cách mạng, đặc biệt là Bác Hồ với lực lượng vũ trang nhân dân, với công nhân, nông dân, trí thức, với các cháu thiếu nhi... Hình tượng Bác Hồ trong các tác phẩm luôn thể hiện lòng nhân ái, đức giản dị, khiêm tốn, gần gũi với nhân dân, là hình tượng mẫu mực của vị lãnh tụ kính yêu.

Hình tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã và sẽ mãi mãi sống trong lòng dân tộc, trong trái tim của các nghệ sĩ nhiều thế hệ, luôn là đề tài tâm huyết trong sáng tác của các họa sĩ, nhà điêu khắc Việt Nam cũng như của nhiều nghệ sĩ tạo hình quốc tế.

MỘT NHÂN CÁCH LỚN

(Phỏng vấn họa sĩ NGÔ TÔN ĐỆ)

Trước khi gặp gỡ họa sĩ Ngô Tôn Đệ, tôi không nghĩ rằng được gặp một họa sĩ già vui tính đến vậy. Dưới cái tuổi 84 là một tâm hồn tươi trẻ, một cái đầu minh mẫn và một kho tư liệu quý giá về lịch sử chiến tranh cách mạng hào hùng của dân tộc.

Hai bác cháu, một già, một trẻ đã có một buổi trò chuyện hết sức thú vị và tôi đã có những hình dung rõ nét về Hồ Chủ tịch ở khía cạnh một con người giản dị - bên trong một nhân cách lớn.

Hoàng Anh: Tôi nghe nói, họa sĩ là người đã tiếp xúc nhiều lần với Bác chỉ trong một thời gian ngắn. Việc đó xảy ra vào thời kì nào?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Điều đó rất đúng nhưng việc xảy ra đã lâu quá nên tôi không còn nhớ rõ là vào năm nào, tuy vậy tất cả những chi tiết trong những lần gặp gỡ với Hồ Chủ tịch thì tôi vẫn nhớ rất kỹ.

Hoàng Anh: Họa sĩ có thể kể chi tiết cho bạn đọc được biết?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Tất nhiên rồi. Chuyện hay lắm, liên quan đến rất nhiều việc đấy. Chính xác là năm nào thì tôi không nhớ rõ nhưng triển lãm mà tôi được gặp Bác diễn ra vào khoảng thời gian Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành TW Đảng khóa II. Lúc đó ông Hà Huy Giáp đang là Bí thư Đảng Đoàn bộ trí cho trường (hội đó là Trường Cao đẳng MTCN) bày một triển lãm tại trường Albert Sarraut (hội đó đã là Phủ Chủ tịch) (?). 5 họa sĩ được trực tiếp làm việc tại đó là họa sĩ Nguyễn Khang - hiệu

trưởng; họa sĩ Lê Quốc Lộc - hiệu phó, tôi - trưởng phòng đào tạo, họa sĩ Lê Huy Lộc, họa sĩ Nguyễn Minh Trí. Tác phẩm trưng bày rất nhiều bao gồm cả tranh lụa, sơn dầu, sơn mài, gốm, sành, dẹt thổ cẩm... của cả giảng viên lẫn sinh viên của trường.

Chiều hôm trước ngày khai mạc có một chiếc xe tải rất to đến trường chở toàn bộ các tác phẩm. Tới cổng Phủ Chủ tịch thì một đồng chí công an lên lái xe thay cho tài xế. Và ngay đêm hôm đó, 5 người chúng tôi phải trưng bày và sắp xếp cho toàn bộ triển lãm... đến khoảng 1 giờ đêm thì mới tạm xong công việc. Khi chúng tôi làm xong thì thư ký riêng của Bác là ông Vũ Kỳ có bê xuống một khay bánh kẹo, 2 chai rượu và cả 2 bao thuốc lá bao đỏ. Ông Kỳ nói rất vui: "Mọi người hãy rửa mặt mũi chân tay rồi nhận quà của Bác gửi". Bánh được bóc ra, thuốc lá đã được hút nhưng chúng tôi không ai dám mở rượu ra uống cả. Thấy vậy ông Kỳ nói: "Cứ uống rượu đi, Bác bảo là văn nghệ sĩ phải có rượu nó mới vui".

Chúng tôi thích quá, không ngờ Bác lại tâm lý đến thế.

Nhưng sau đó chúng tôi còn bất ngờ hơn khi biết Bác đã điều xe riêng của Bác để đưa chúng tôi về; vì khi vào Phủ Chủ tịch chúng tôi đi theo xe tải. Nhưng chúng tôi không ai dám ngồi xe cả...

1 giờ 30 sáng chúng tôi mới có mặt ở nhà và không ai dám hé răng kể với vợ là vừa đi đâu về (vì tính chất tuyệt mật) dù vợ cần nhàn và giận dỗi...

Hoàng Anh: Thưa họa sĩ, vẫn chưa tới lúc được gặp Bác Hồ!

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ (cười): Gặp ngay sáng ngày hôm sau thôi. Đúng lịch, 5 giờ 5 phút sáng thì 5 anh em chúng tôi đã có mặt đầy đủ. Nhìn qua một lượt phòng trưng bày chúng tôi nhìn nhau hài lòng. Tất cả đều ổn.

Đúng 5 giờ 30 thì Bác Hồ xuống. Đi theo Bác là 4 hoặc 5 anh công an gì đó. Bác ăn mặc giản dị lắm; bộ bà ba màu nâu, áo

thì phanh cồ rất rộng. Nhìn thấy chúng tôi, Bác chủ động chào trước: "Chào các chú, Bác tập thể dục xong rồi Bác vào nhé".

Sau khi tập thể dục ở vườn khoảng 20 phút, Bác quay lại phòng triển lãm và bảo mấy chú bảo vệ: "Các chú cứ về nghỉ đi, không phải bảo vệ Bác nữa".

Bác nói với chúng tôi là Bác rất bận nhưng Bác sẽ bố trí thời gian xem kỹ triển lãm. Tôi và họa sĩ Lê Quốc Lộc dẫn Bác đi vòng quanh phòng triển lãm. Bác bảo: "Nhiều tranh đẹp đấy".

Sau đó, bánh kẹo lại được mấy anh bảo vệ bày ra và còn có cả một phích nước màu đỏ để pha trà.

Uống trà với chúng tôi xong là Bác về nhà sàn và chuẩn bị đi họp.

Khoảng 9 giờ, chắc là vào giờ giải lao, Bác lại xuống chơi với chúng tôi. Lúc này Bác mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn, tay cầm cuốn sách.

Chúng tôi và Bác cùng đi xem từng tác phẩm một rất chậm rãi. Bác nhận xét một bức tranh sơn mài đại ý là các chú vẽ vẫn chưa hợp lý lắm. Ví dụ như núi xanh, trời đỏ, có đám mây vàng mà vẽ đòi lại đúng màu đất là chưa đúng với tinh thần của tác phẩm. Đã cách điệu là phải cách điệu hết, cứ như thế Bác cùng chúng tôi xem hết toàn bộ tác phẩm gồm cả sơn mài, lụa, gốm, thổ cẩm. Và hầu như tác phẩm nào Bác cũng có những nhận xét rất chuẩn như vậy.

Triển lãm còn tiếp diễn 3 ngày nữa, tất cả những ngày còn lại đều là những kỷ niệm tuyệt vời của chúng tôi với Bác. Một nhân cách lớn và vĩ đại đến như vậy lại rất đỗi giản dị trong đời thường. Một chi tiết thú vị nữa là trong khi chuyện trò với chúng tôi Bác có hỏi về tình hình cơ sở vật chất của trường. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo thực trạng nhà tranh vách nứa của trường Bác đã rất xúc động và cho mời đồng chí Bộ trưởng Tài chính lên gặp chúng tôi. Một thời gian sau, có cán bộ ở Bộ Tài chính đến và việc thảo luận xây trường mới được bắt đầu.

Hoàng Anh: Còn chi tiết nào thú vị hơn nữa không, thưa họa sĩ?

Họa sĩ Ngô Tôn Đệ: Nhiều lắm, chi tiết thú vị thì nhiều lắm. Nhưng tôi nhớ nhất là Bác điều khiển giờ của một cuộc họp quan trọng nhường ấy lại bằng một cái chuông nhỏ. Mỗi khi xuống chơi với chúng tôi, Bác đều đem theo cái chuông nhỏ đó bên cạnh tập bản thảo của Đại hội. Khi đến giờ họp, Bác lại vừa đi, vừa rung cái chuông ấy lên. Tất cả các cán bộ Đại biểu từ Thủ tướng đến Bộ trưởng đều rất nhanh chóng xuất hiện từ khắp sân. Lúc ấy, tôi có cảm giác như Bác rung chuông gọi đàn con về chứ không phải để đi họp những vấn đề quan trọng. Và mỗi khi nghe thấy tiếng chuông reo giòn giã là chúng tôi lại biết đã đến giờ giải lao và sắp được gặp Bác...

HOÀNG ANH thực hiện

VẼ HÌNH BÁC BẰNG TRÁI TIM MÌNH

MINH TÂM

Họa sĩ Lê Duy Ứng nhập ngũ tháng 12-1971 khi vừa học xong Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội. Lúc đầu anh làm lính trinh sát có mặt trong những trận ác liệt bảo vệ thành cổ Quảng Trị 1972. Sau đó làm trợ lý tuyên huấn trung đoàn, sư đoàn, cuối cùng làm trợ lý tuyên huấn Quân đoàn 2 chuyên chụp ảnh tư liệu, ký họa và vẽ tranh cổ động. Sáng ngày 28-4-1975 anh bị thương vào cả hai mắt tại xa lộ Biên Hoà khi đang cùng quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn - Gia Định. Vết thương quá nặng, nghĩ mình không qua nổi, anh đã lấy máu từ chính vết thương mình vẽ chân dung Bác Hồ với dòng chú thích thật đậm bằng máu *"Người là niềm tin tất thắng"*!

Năm 1966, chàng trai nghèo Quảng Bình Lê Duy Ứng tốt nghiệp cấp ba nhận giấy báo học đại học ở Tiệp Khắc. Nhưng vốn nặng máu hội họa, được di truyền từ huyết thống của người cha họa sĩ, đã có thời làm trợ lý tuyên huấn của tỉnh đội Quảng Bình, Ứng mang giấy báo trả lại cho ban tuyển sinh. Người ta hỏi: "Khỏi người mơ đi nước ngoài không được, còn anh thì từ chối". Ứng thưa: "Cháu chỉ có một nguyện vọng duy nhất là được học vẽ ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội". Chiều lòng anh, vả lại ai cũng biết anh đoạt giải A Mỹ thuật toàn tỉnh từ khi đang còn học lớp 5, nhưng kẹt nổi không ai biết trường ấy ở đâu nên Ban tuyển sinh Quảng Bình đã cấp cho anh một giấy nhập học lạ đời như thế này: "Đến số 8 phố Hai Bà Trưng gặp Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp hỏi địa chỉ Bộ Văn hoá, từ đó hỏi đến Trường Cao đẳng Mỹ Hà Nội xin nhập học".

Cầm "bừu bôi" trong tay, Ứng hăm hở đi bộ suốt ba tuần liền, vượt chặng đường hơn 400 cây số từ Quảng Bình ra Hà Nội. Từ Hà Nội vòng vo theo giấy báo, tìm đến Bộ Văn hoá, từ đó lại phải đi bộ tìm đến nơi sơ tán của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội ở mãi tận Hiệp Hoà, Hà Bắc (cũ). Đi ngang qua sân bay Gia Lâm nghe tiếng rú rít của máy bay ta hạ cánh, theo thói quen ở quê (âm thanh ấy là máy bay Mỹ bỏ nhào cắt bom), Ứng nhào luôn xuống ruộng bùn ẩn nấp, khiến bà con đang làm đồng được một trận cười đau bụng.

Đến Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, Ứng lại thêm một phen "bạc tóc". Chương trình của trường lúc ấy phải qua sơ cấp lên trung cấp rồi mới tới hệ cao đẳng. Người ta quyết định trả Ứng về địa phương, ức vì phải "trả giá" đất cho chặng đường tới trường, lại mê học vẽ, Ứng không về, "ngoan cố" ở lại ra cái điều... ăn vạ! Thương tình, Ban giám hiệu quyết định cho Ứng học thêm một năm dự bị đặc cách với điều kiện không bao cấp ăn nghỉ, học hành. Thế là Ứng tự kiếm tiền bằng cách làm mẫu cho sinh viên vẽ. Cởi trần tròng trọc mà đứng trong tư thế không đổi. Mùa hè còn dễ chịu, mùa đông rét cắt da. Đứng 45 phút mới được nghỉ giải lao 15 phút. Và 15 phút nghỉ hiếm hoi này chính là thời gian học vẽ của Ứng. Ứng đi theo xem các thầy chỉ ra sai đúng, cái hay cái dở của từng sinh viên mà học lỏm. Đó là buổi sáng, buổi chiều Ứng được tự do cấp cập vào bất cứ lớp nào để học vẽ. Năm dự bị đặc cách trôi qua, rồi 3 năm chính quy cũng trôi qua. Sang năm thứ 4, hưởng ứng "tuyên ngôn" cuộc đời đẹp nhất của tuổi trẻ là trên trận tuyến đánh quân thù của anh hùng Lê Mã Lương, chàng sinh viên Lê Duy Ứng cấp giá vẽ xung phong cầm súng lên đường ra trận.

Ứng đi bộ đội chưa đầy năm, mẹ anh qua đời. Lúc mẹ hấp hối, bà con hỏi: "Có gọi Ứng về không?", bà trắng trời: "Đừng báo tin chi nữa, để cho Ứng yên tâm đánh giặc!". Nhận tin mẹ qua đời, Ứng tự nhủ mình: "Mẹ ơi, lòng mẹ rộng sông núi nào sánh bằng/ Con hứa thề với mẹ giết hết giặc xâm lăng/ Đường hành quân xa lắc/ Gian khổ đi hết giặc, nhớ mẹ muôn tình

thương". Vui tâm sự vào tận đáy ba lô, Ứng xúc sủng giường lê, cùng đồng đội xông vào thành cổ Quảng Trị.

Vẽ chân dung Bác Hồ bằng máu của chính trái tim mình, khi bị thương cả hai mắt vào lúc chỉ còn cách Sài Gòn có 30km, cũng là Lê Duy Ứng lúc ngỡ cuộc đời sẽ vĩnh viễn chìm trong bóng tối và mãi mãi xa rời nghệ thuật hội họa...

Một chiều buồn, Ứng đang tự vấn mình, than thân trách vận trên ghế đá của khuôn viên Viện Quân y 108 thì một bàn tay mềm, ấm nhẹ nhàng đặt trên vai "Đừng buồn, đừng nản chí, Ứng à" - Đó là giọng nói trầm ấm của Giáo sư - Bác sĩ Đào Sơn Trà, Phó Viện trưởng Quân y Viện 108 kiêm Chủ nhiệm khoa Mắt. Giáo sư cầm tay Ứng nhỏ nhẹ: "Minh hay đi công tác Liên Xô, đã từng gặp một nữ điêu khắc gia mù. Tượng của bà lạ lắm, đặc biệt là không lẫn với ai. Tay Ứng còn nhạy cảm lắm, Ứng thử nặn tượng thử xem". Một tia sáng loé lên trong đầu Ứng. Ứng viết thư về trường nhờ thầy và bạn tìm đất nặn tượng. Họa sĩ Phạm Mười, giảng viên của trường mới đi Liên Xô về đã gửi ngay cho Ứng mấy cân đất xi (thứ đất nặn tượng không bị dính tay). Nhà thơ Lê Thị Mỹ, nhà báo Tuấn Sửu đạp xe sang tận Bát Tràng thờ về cho Ứng cả một đồng đất đẹp. Thế là Ứng vừa điều trị mắt (bị băng kín suốt ngày) vừa mò mẫm nặn tượng. Lúc đầu là các khối vuông, tròn, sau là tượng các con vật. Cho tới lúc quen tay, Ứng quyết định nặn tượng "Anh Giải phóng quân"... Một bữa kia, khi Ứng đang mải mê nặn, thì bất chợt một giọng nói Quảng Bình trầm ấm bên tai: "Tượng xem được lắm, có hồn lắm". Ứng quờ tay ra sau hươu hươu lên hỏi: "Ai đấy?". Giọng nói cùng quê ấm áp đáp lại. Ứng giật mình, hoá ra là Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến xem Ứng nặn tượng. Đại tướng đặt tay mình lên vai Ứng: "Minh là người đồng hương đến thăm Ứng thôi. Ứng có biết nhạc sĩ thiên tài Beethoven sáng tác những bản nhạc hay nhất trong giai đoạn nào không?". Ứng lúng túng chưa biết trả lời rằng, Đại tướng đã nói luôn: "Đó chính là khi ông bị điếc

cả hai tai. Thì cũng như một họa sĩ cần đường nét, màu sắc và ánh sáng mà không nhìn thấy gì. Ứng hãy lấy tấm gương ấy mà phấn đấu và rèn luyện thử xem".

Và từ ấy đến nay, trong tình trạng mất một mắt phải, mắt trái chỉ còn lại chưa nổi 2-10 thị lực, họa sĩ Lê Duy Ứng đã sáng tác được hơn 1000 bức tranh và hơn 120 tượng về các đề tài Bác Hồ, đất nước, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân. Cũng cho tới nay, anh đã làm tới 28 triển lãm cá nhân ở các tỉnh thành khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Tranh tượng của anh đã giành được nhiều giải thưởng lớn trong nước và quốc tế. Xem triển lãm của Lê Duy Ứng, nguyên Phó thủ tướng Nguyễn Khánh viết: "Tôi thích tranh tượng của họa sĩ Lê Duy Ứng vì đó là sản phẩm của tài năng, nghị lực và niềm tin". Tổng bí thư Lê Khả Phiêu viết: "Với một tấm lòng trong sáng, giàu nghị lực, bền bỉ, đồng chí Lê Duy Ứng là tấm gương tốt của người chiến sĩ - người nghệ sĩ...".

Năm 1982, cảm phục tài năng nghị lực và niềm tin sắt đá của Lê Duy Ứng, giáo sư Nguyễn Trọng Nhân đã mổ ghép giác mạc thành công, đem lại ánh sáng cho họa sĩ.



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm Mỹ thuật toàn quốc
(13/9/1958)

Ảnh: Đinh Đăng Định - Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh

NGƯỜI DỰNG LỄ ĐÀI TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

THẢO VI (*sưu tầm*)

Thấm thoát đã bốn bảy năm trôi qua (năm 1992)... Tôi còn nhớ như in ngày hôm đó là ngày 28 tháng 8... Hôm đó tôi có việc cần giải quyết gấp, nên đến nơi thì phiên họp vừa giải tán. Vừa bước lên mấy bậc thềm thì thấy cụ Nguyễn Văn Tổ từ trong phòng họp đi ra. Cụ mừng rỡ, chụp lấy tay tôi, nói: "Anh vào ngay đi, Cụ Hồ đang ngồi đợi trong đó". Tôi theo cụ Tổ vào phòng họp. Đó là lần đầu tiên được gặp mặt Cụ. Ông Cụ ngồi ở ghế tựa, mặc bộ áo quần chàm, tay chống lên ba toong. Cụ Tổ kéo tôi lại trước mặt Cụ, giới thiệu: "Thưa cụ, đây là ông Nguyễn Hữu Đang (quê ở tỉnh Thái Bình), người mà phiên họp quyết định cử làm Trưởng ban tổ chức ngày lễ). Cụ Hồ nhìn tôi một thoáng với cặp mắt rất sáng, cặp mắt mà về sau này nhân dân đồn rằng có bốn con người - như muốn cân nhắc, đánh giá người mà Cụ quyết định giao trọng trách. Cụ hỏi tôi với giọng Nghệ pha rất giống giọng Cụ Phan Bội Châu mà có lần tôi đã được nghe: "Chính phủ lâm thời quyết định làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào vào ngày mùng hai tháng chín. Chú có đảm đương được việc tổ chức buổi lễ không?". Tôi tính rất nhanh trong đầu, tháng 8 có 31 ngày, như vậy chỉ còn có 4 ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong một phút. Hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua để tổ chức được một ngày Đại lễ như vậy, trong khi đó mình chỉ có hai bàn tay trắng. Tôi nói với Cụ Hồ: "Thưa Cụ, việc Cụ giao là quá khó, vì gấp quá rồi". Cụ Hồ nói ngay: "Có khó thì mới giao cho chú chứ". Nghe Cụ nói

vậy lúc đó tôi thấy trong con người mình bùng bùng... khí thế, muốn lập nên được những kỳ tích, những chiến công thật vang dội... Tôi nói với Cụ: "Thưa Cụ, Cụ đã nói như vậy con xin nhận nhiệm vụ. Con xin hứa sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành trọng trách". Cụ Hồ đứng lên bắt tay tôi, dánh bộ, gương mặt nom rất vui vẻ, bằng lòng: "Thế thì chú trở về bắt tay ngay vào việc đi. Đến sáng ngày kia chú đến đây báo cáo với tôi công việc được tiến hành như thế nào". Tôi chào Cụ, ra về, lòng rạo rức lâng lâng... Nhưng khi vừa bước xuống hết những bậc thềm rộng thênh thang Bắc Bộ phủ, tôi chợt nghĩ ra một điều. Tôi liền quay trở lại phòng họp. Cụ Hồ vẫn còn đứng ở đó. Cụ hỏi ngay: "Chú còn cần gì nữa?". "Thưa Cụ, để hoàn thành trọng trách, xin Cụ trao cho con một quyền...". "Quyền gì, chú cứ nói đi!". "Thưa Cụ, quyền được huy động tất cả những gì cần thiết cho việc tổ chức buổi lễ, về người cũng như về của...". "Được, tôi trao cho chú cái quyền đó. Nếu ai hỏi huy động theo lệnh của ai, cho phép chú được trả lời: theo lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Công việc đầu tiên là tôi thảo một thông cáo ngắn gọn. Nội dung như sau: ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào, Tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình. Đồng bào nào có nhiệt tâm, muốn góp sức, góp của vào việc tổ chức ngày lễ lịch sử trọng đại này, xin mời đến Hội quán Trí Tri phố Hàng Quạt gặp Ban tổ chức. Thông cáo được gửi ngay đến tất cả các báo hàng ngày, yêu cầu đăng trên trang nhất, với hàng chữ tít thật lớn chạy hết trang báo. Sáng hôm sau, đồng bào tập hợp trong ngoài chật kín Hội quán. Người ghi tên vào các công tác, người góp tiền, góp vàng, góp vải vóc, gỗ ván. Nhiều người từ chối không lấy giấy biên nhận. "Biết bao anh hùng, liệt sĩ góp xương máu cho nền độc lập, đâu có lấy giấy biên nhận", họ nói vậy. Tôi mời mọi người dự cuộc họp chớp nhoáng, và đưa ra ý kiến: việc cần thiết trước tiên là phải dựng một Lễ đài Độc lập, thật lớn, thật uy nghi, xứng đáng với ngày lịch sử trọng đại này, tại trung tâm

vườn hoa Ba Đình để Chính phủ Cách mạng lâm thời đứng lên ra mắt. Vậy đồng bào nào hiện có mặt ở đây có thể đảm nhiệm trọng trách đó? Một người trạc ngoài ba mươi tuổi, ăn mặc lối nghệ sĩ, đeo kính trắng bước ra nói: "Tôi là họa sĩ Lê Văn Đệ (họa sĩ sang La Mã, được phong Họa sư, được chính Giáo hoàng Pie XI giao cho trang hoàng điện Vatican). Tôi xin tình nguyện nhận việc dựng lễ đài. Trưa nay, tôi sẽ mang bản phác thảo lễ đài đến để Ban tổ chức xem xét". Tôi bắt tay họa sĩ, nói: "Tôi được biết tên tuổi anh từ lâu và cũng nhiều lần được xem tranh của anh. Tôi xin thay mặt Ban tổ chức hoan nghênh nhiệt tâm đóng góp của anh. Nhưng Lễ đài Độc lập là một công trình kiến trúc, tuy dựng gấp rút, tạm thời, nhưng phải đạt được những tiêu chuẩn không thể thiếu của nó như sự vững chắc, sự hài hoà công trình với tổng thể... Nói ví dụ nếu không vững chắc, mấy chục con người đứng lên, nó đổ sụp xuống thì ngày lễ coi như thất bại. Bởi vậy cần có một kiến trúc sư phối hợp với anh". Một người trẻ tuổi ăn vận chỉnh tề, từ trong đám đông bước ra, tự giới thiệu: "Tôi là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh (sau này có thời là Thứ trưởng Bộ xây dựng), cũng hoạt động trong Hội Văn hoá cứu quốc với anh Phạm Văn Khoa. Hôm qua tôi được anh Khoa cho biết ý đồ của Ban tổ chức, tôi đã vẽ xong bản đồ thiết kế Lễ đài". Anh Quỳnh trải rộng cuộn giấy can cầm sẵn trong tay lên mặt bàn. Đó chính là toàn cảnh Lễ đài Độc lập mà sau này ta được nhìn thấy in hình trên báo chí. Bản vẽ thật đẹp, thật chi tiết, tỉ mỉ: Lễ đài với tổng thể vườn hoa Ba Đình, vị trí dựng Lễ đài, chiều cao, chiều rộng, mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc Lễ đài, độ lớn xà gồ, tổng diện tích mặt ván ốp lát, v.v... Sau khi nghe anh Quỳnh thuyết trình, tôi xem xét, cân nhắc rồi đặt bút ký duyệt vào bản thiết kế, đóng dấu Ban tổ chức. Tôi nói với anh Lê Văn Đệ và anh Ngô Huy Quỳnh: "Ban tổ chức quyết định giao công trình này cho hai anh... Các anh cần gì, chúng tôi sẽ lo đầy đủ. Hiện chúng tôi có một kho ba ngàn thước len đỏ (số len này lấy được ngày 19-8-1945, khi tấn công trại lính khổ đỏ ở

phố Hàng Bài), cần dùng bao nhiêu, các anh cứ lấy dùng. Lễ đài được dựng xong trong vòng 48 giờ đồng hồ. Đúng 5 giờ sáng ngày mùng 2 tháng 9, tôi sẽ đến nghiệm thu lễ đài. Chúc các anh hoàn thành nhiệm vụ".

Sáng ngày 31 tháng 8, tôi đến Bắc Bộ phủ gặp Cụ Hồ như Cụ đã chỉ thị. Sau khi nghe tôi báo cáo ngắn gọn, đầy đủ về tất cả mọi việc có liên quan đến ngày lễ, Cụ nói giọng hết sức nghiêm trang: "Chú phải nhớ ngày mùng Hai tháng Chín sắp tới sẽ là một ngày lịch sử. Đó là ngày khép lại cuộc Cách mạng tháng Tám, và ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà".

MỘT HỌA SĨ TRẺ MÊ VẼ CHÂN DUNG BÁC HỒ

ĐẶNG VƯƠNG HUNG

Họa sĩ trẻ "Tú Van Gogh" tên đầy đủ là Trương Anh Tú, sinh năm 1973 tại Sài Gòn, là con trai thứ ba trong một gia đình có 4 anh em. Cha mẹ Tú đều sống bằng nghề buôn bán nhỏ, không có ai làm nghệ thuật.

Ngay từ nhỏ, Tú đã ham vẽ. Cậu bé thường dùng phấn, bút chì, bút bi, bút mực để vẽ lên... tất cả những gì có thể vẽ được: trang giấy trắng, cuốn vở cũ, bờ tường. Tú khoái nhất là vẽ hình Thạch Sanh chém chằn tinh, hình ngôi sao điện ảnh võ thuật Lý Tiểu Long và vẽ cả tranh biếm họa, phá phách. Hễ ghét ai, giận ai, là Tú biếm họa người đó. Có lần, sau khi bị cô giáo cho điểm xấu oan ức, cậu bé đã vẽ chân dung "dở cười dở khóc" của cô lên mặt sau tấm bảng. Bị phát hiện, cả lớp được một trận cười vỡ bụng, còn Tú thì bị cô phạt đứng úp mặt vào tường...

Nhiều lần vẽ nghịch quá, Tú đã bị cha mẹ đánh đòn. Tuy nhiên, ông bà rất ủng hộ năng khiếu của con trai.

Mới học lớp 4, Tú đã bộc lộ khả năng kinh doanh. Cậu bé rủ mấy người bạn đi mua kết quả vé số, rồi chạy theo xe khách bán cho người vắng lai... Số tiền kiếm được đủ để cả nhóm đi ăn kem xả láng, rồi còn kéo nhau vào rạp xem xi-nê.

Năm 1992, học hết phổ thông, Trương Anh Tú thi đỗ vào Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp thành phố và học chuyên ngành vẽ thiết kế. Anh rất hâm mộ danh họa Vincent Van Gogh người Hà Lan, luôn coi đó là thần tượng của mình để

phần đầu. Nhưng một bậc tài danh như thế mà cả đời sống khổ quá, ông chỉ nổi tiếng sau khi chết. Vậy thì muốn theo nghề vẽ, trước hết phải làm kinh doanh để có tiền đủ sống đã!

Nghĩ như thế, nên mặc dù kết quả học tập không đến nỗi nào, lại là một "đệ tử" của Van Gogh (bạn bè đã đặt cho Trương Anh Tú biệt danh "Tú Van Gogh"), nhưng chỉ học Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp mới được 2 năm, chàng trai lãng tử này đã quyết định bỏ học để chuyển sang kinh doanh, trước sự ngỡ ngàng của nhiều người.

Lúc đầu, Tú thuê địa điểm để mở cửa hàng bán đồ gỗ và nội thất. Anh tự vẽ thiết kế, sáng tác mẫu mã rồi thuê người sản xuất. Nhưng hàng làm ra bán rất chậm. Đã kinh doanh mấy năm mà xem chừng hiệu quả rất hạn chế.

Một lần, tình cờ dạo qua phòng chép tranh của người bạn học sau mấy khoá ở phố Bùi Viện, Tú thấy cũng thú vị và nảy ra ý định thử nghề. Anh chọn một bức thiếu nữ khoả thân để chép lại. Nhưng Tú không chỉ lệ thuộc vào bản chính, mà anh làm với tất cả sự say mê, thổi hồn vào cho tác phẩm. Làm xong, thấy rất ưng ý, Tú đem treo chơi ở cửa hàng đồ gỗ. Bức tranh vừa đưa ra, đã có người phụ nữ Nhật đi qua dừng lại đứng ngắm rất lâu, xem xét tỉ mỉ. Bà trả ngay giá 400 USD, và bảo nếu Tú làm thêm mà đạt chất lượng thế này thì sẽ bao tiêu hết. Không những thế, người phụ nữ này còn giới thiệu thêm một số mẫu để Tú chép lại "theo đơn đặt hàng".

"Tú Van Gogh" đã vào nghề chép tranh như thế. Với khả năng của mình, cùng với cái "duyên nghệ thuật" trời cho, anh đã nhanh chóng nổi lên như một người chép tranh "có hạng" và đắt khách ở Thành phố Hồ Chí Minh...

Hầu hết các họa sĩ và nghệ nhân đều cho rằng chép tranh chân dung là khó nhất và mất nhiều thời gian nhất. Lý do thật dễ hiểu: yêu cầu của loại tranh này không phải chỉ giống đến từng chi tiết nhỏ mà quan trọng hơn là phải thể hiện được cái hồn của

chân dung mỗi con người. Với chân dung các lãnh tụ, vĩ nhân, điều đó lại càng khó hơn, vì thần thái của họ là phi phàm và họ đã sống trong tâm tưởng của công chúng từ lâu.

- Vậy tại sao anh quyết định vẽ tranh chân dung Bác Hồ? - Nhiều người đã hỏi họa sĩ trẻ "Tú Van Gogh" như thế.

Tú không giấu giếm cho biết ý tưởng đến với anh rất bất ngờ. Bắt đầu từ việc một số người nước ngoài đặt anh chép tranh lãnh tụ và các thần tượng của họ: Tổng thống Mỹ, Tổng thống Pháp, Nhật Hoàng, các danh tướng thế giới... Đặc biệt, người được chép nhiều nhất là người anh hùng Cu Ba Chêghêvara. Tú đã tự hỏi: mình là người Việt, tại sao lại không thể vẽ chân dung lãnh tụ Việt Nam? Và Tú đã nung nấu ý định vẽ chân dung Bác Hồ từ đó. Để làm việc này, Tú âm thầm đến các nhà sách, thư viện, bảo tàng... sưu tầm tranh ảnh và chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh qua nhiều thời kỳ. Kết quả là anh đã sưu tầm được 24 chân dung của Bác từ năm 1936 đến 1969. Có chân dung rồi, Tú phải mày mò tháng trời nghiền ngẫm, phân vân, nghi ngại vì lo không thể hiện được như ý muốn, sẽ khiến cho người khác hiểu sai, thậm chí là có thể mang tội bất kính. Rồi cuối cùng, anh cũng đã dồn hết tâm sức để vào việc. Đó là thời điểm đầu năm 2004.

Tú đã quyết định chọn những chất liệu tốt nhất từ vải nê, đến sơn dầu, rồi khung tranh để thể hiện chân dung của Bác. Các bức chân dung đều thống nhất cỡ 90 x 60 cm. Miệt mài trong hơn một năm trời, anh đã hoàn thành 20 bức chân dung của Bác Hồ. Từ khi người còn trẻ, cho tới lúc trước khi qua đời.

Khi được hỏi: "Với anh, vẽ chân dung của Bác Hồ, chi tiết nào là khó nhất?". Họa sĩ trẻ Trương Anh Tú cho biết: Đó chính là ánh mắt của Bác. Từ khi còn trẻ cho tới khi tuổi đã cao, ánh mắt của Người luôn rất sáng. Đôi mắt ấy như đang nhìn thấu mọi nỗi buồn vui trần thế, vừa tinh anh, rạng ngời, đầy sức thuyết phục, lại vừa hiền từ, ấm áp và gần gũi vô cùng. Thử nữa là màu da, màu tóc và sắc mặt của Bác. Hầu hết các bức chân dung

(nhất là chân dung thời trẻ) của Bác đều là ảnh đen trắng. Bây giờ, chuyển sang màu da, màu tóc và nét mặt có sắc màu như thật, đòi hỏi người họa sĩ phải tưởng tượng và sáng tạo rất cao. Cuối cùng, là thần thái phi phàm của Bác Hồ. Người không chỉ là lãnh tụ của Việt Nam, mà còn là một danh nhân văn hoá thế giới, một bậc vĩ nhân mà cả thế giới đều phải kính trọng. Tuy nhiên, Bác Hồ lại vô cùng giản dị, rất gần với mọi người, đặc biệt là với quần chúng nhân dân. Vì thế, hình tượng của người đã trở nên cực kỳ thân thuộc trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Và đó cũng chính là những yếu tố khó nhất đối với những họa sĩ muốn thể hiện chân dung của Bác Hồ.

Nhưng với 20 bức chân dung Bác Hồ đã thể hiện, họa sĩ trẻ Trương Anh Tú đã thành công. Tất cả những ai đã từng có dịp bước vào phòng tranh của anh đều không thể thờ ơ trước những bức chân dung ấy. Ai cũng có cảm xúc trân trọng và thành kính. Nhiều người không khỏi ngạc nhiên, trầm trồ chiêm ngưỡng rồi thán phục. Có nhiều khách xem tranh, trong đó có người nước ngoài, đã đặt vấn đề mua những bức chân dung này. Nhưng Tú không bán. Tuy nhiên, anh đã tặng miễn phí 10 bức trong số đó. Tú bảo, mình không thể lấy chân dung lãnh tụ để kinh doanh, nhưng nếu ai đó thật sự trân trọng và xứng đáng, thì anh sẽ tặng ngay mà không hề hối tiếc.

KỶ NIỆM ĐÊM BA MƯƠI TẾT NĂM TÝ

BÙI HƯNG GIA *kể*

Cái đêm ba mươi Tết năm Canh Tý đối với gia đình ông Bùi Hưng Gia thật khó quên. Trời tối một lúc lâu, cả nhà quây quần trong căn phòng lớn rực rỡ cảnh đèn và ngan ngát mùi hương. Bà mẹ ông Gia tuổi đã ngoài tám mươi, còn minh mẫn, vui sướng nhìn đàn con cháu đoàn tụ đủ mặt dưới mái nhà.

Đây là cái Tết thứ sáu cả gia đình được hưởng không khí Tết sau nhiều Tết lo âu ngọt ngào của Hà Nội bị tạm chiếm.

Câu chuyện hàn huyên đang đậm đà sôi nổi thì có tiếng gõ cửa. Một niềm vui bất ngờ như nguồn ánh sáng trong trẻo ủa vào khiến mọi người sững sờ, không nói nên lời: Bác Hồ đến thăm!

Bác Hồ nhanh nhẹn, tươi cười chào hỏi cả nhà. Ông Bùi Hưng Gia chưa kịp mời Bác ngồi, Bác đã đi thẳng vào bếp.

- Năm nay nhà ta có gói nhiều bánh chưng không?

Mọi người cảm động vì sự chăm sóc tỉ mỉ của Bác. Ông Gia kính cẩn mời Bác ngồi. Tháp tùng Bác, có đồng chí Trần Danh Tuyên, Bí thư Thành ủy Hà Nội và một số cán bộ. Già trẻ lớn bé, hơn mười người vây quanh Bác, đầm ấm thân tình.

Bác hỏi chuyện ông Bùi Hưng Gia về chuyến đi thăm nước ngoài của Đoàn đại biểu công thương gia và nhân sĩ mà ông Gia là thành viên. Ông Gia rành rẽ báo cáo với Bác những điều tai nghe mắt thấy ở nước bạn. Bác căn dặn ông Gia nên đem những kinh nghiệm của bạn áp dụng vào những hoạt động công thương nước mình.

Thời gian trôi quá nhanh. Bác Hồ đã đi thăm gia đình khác, mọi người còn bồi hồi nuôi tiếc. Nhưng thật là ân sủng quá lớn, chẳng ai dám mong ước gì hơn.

*

*

*

Vào một ngày cuối năm Giáp Tý, cách năm Tý Bác Hồ đến thăm vừa tròn hai giáp, suýt soát một phần tư thế kỷ, tôi đến ngôi nhà số 56 phố Hàng Trống thăm cụ Bùi Hưng Gia.

Mặt ngoài của ngôi nhà này là cửa hàng Mỹ nghệ của Nhà nước. Chủ nhân, một cụ già ngoài tám chục tuổi, còn khỏe mạnh tinh táo, tiếp tôi ở chính căn phòng Bác Hồ đã ngồi năm xưa. Căn phòng rộng, kê nhiều bộ đồ gỗ cổ, trên tường treo nhiều bằng khen và những bức ảnh lồng kính - những bức ảnh gắn liền với những kỷ niệm sâu sắc về Bác Hồ - bên cạnh, tấm Huân chương Độc lập hạng Nhì cụ Gia được tặng thưởng năm 1982.

Cụ Bùi Hưng Gia nhớ như in chỗ Bác Hồ ngồi ở căn phòng này, bên tai còn như nghe rõ từng lời của Bác.

Cụ Gia rót thêm trà vào chén của khách, ngược nhìn lên một khung kính, đôi mắt trầm ngâm. Im lặng một lát, cụ chậm rãi kể...

Tôi xuất thân nghèo khổ, mười hai tuổi đã phải đi học nghề-nghe nghề kim hoàn. Từ quê Thạch Thất ra Hà Nội tôi đã dọn đến ở nhiều phố: Hàng Bạc, Hàng Đồng, Hàng Thiếc, Hàng Nón. Đến khi làm ăn khấm khá thì ở hẳn Hàng Trống cho đến bây giờ.

Hồi kháng chiến chín năm, tôi không có điều kiện ra ngoài, phải nằm lại thành phố bị tạm chiếm, lòng lúc nào cũng hướng về Chính phủ Cụ Hồ, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Bác và chắc chắn thắng lợi cuối cùng rồi sẽ đến.

Kế đó vào dịp ngày sinh nhật của Bác Hồ, năm ấy, tôi lại kính dâng lên Người một món quà nhỏ: đó là chiếc hộp bạc,

khuôn khổ vừa bằng một tấm danh thiếp của tôi, mặt nắp có khắc bản đồ Tổ quốc. Người thể hiện là ông Nguyễn Văn Mẫn, một nghệ nhân khắc vững tay nghề và có lòng yêu nước. Để đảm bảo an toàn, tôi dùng bí danh PHI Y CAT, theo lối chiết tự từ hai chữ Bùi Gia theo mặt chữ Hán. Ít lâu sau, Ủy ban kháng chiến hành chính quận Nội thành gửi cho tôi một công văn, thông báo đã chuyển ngay chiếc hộp bạc để đệ trình lên Hồ Chủ tịch, và cổ vũ tôi: "Ông đã tỏ ra luôn luôn sốt sắng với công cuộc kháng chiến và tin tưởng mãnh liệt vào Hồ Chủ tịch". Công văn ký tên Chủ tịch Phan Hữu Huân.

Sau này, ngôi nhà của tôi được chọn làm trụ sở bí mật của Ủy ban kháng chiến Hành chính quận Nội thành. Nói cho đúng hơn, nhà tôi là nơi ăn ở, đi về của các đồng chí Trần Sâm, Bí thư; Nguyễn Tiến Đức (bí danh Phan Hữu Huân), Chủ tịch quận Nội thành và một số đồng chí khác. Các anh lui tới nhà tôi với tư cách những gia sư kèm cặp các cháu học.

Gian ngoài là cửa hàng vàng bạc, tủ kính bày nhiều đồ trang sức, mỹ nghệ. Chính cái tủ kính cũng là chỗ thông báo các mật hiệu khi có động.

Tôi nghĩ mình không đủ tài sức để đảm đương những việc lớn, nhưng với khả năng và hoàn cảnh của mình, có thể góp một phần gì cho kháng chiến, cách mạng. Vào dịp Quốc khánh 2-9 và Tết Nguyên đán hàng năm, Ủy ban kháng chiến Hành chính quận Nội thành cho in trên giấy ảnh khổ 6 x 9 hoặc 9 x 12 khẩu hiệu kháng chiến: "Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm", "Hồ Chủ tịch muôn năm", kèm chân dung Bác ở góc trái và thơ chúc Tết của Bác Hồ. Tôi còn nhớ mãi tấm "truyền đơn - ảnh" in bài thơ chúc Tết Nhâm Thìn của Bác:

*Xuân này, xuân năm Thìn
Kháng chiến vừa sáu năm
Trường kỳ và gian khổ
Chắc thắng trăm phần trăm*

*Chiến sĩ thì giết giặc
Đồng bào thì tặng gia
Năm mới thì đua mới
Thắng lợi ắt về ta
Mấy câu thành thật nôm na
Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.*

Năm Thìn là năm 1952 lịch Tây, thế giặc Pháp đã nao núng nhiều không hùng hổ như mấy năm trước. Trong lòng địch, tổ chức của ta đã bắt đầu vận động bà con "cố gắng góp công góp của hơn nữa trong việc chuẩn bị chiến trường để giải phóng Thủ đô".

Tôi cũng góp chút công sức nhỏ bé của tôi. Bài thơ chúc Tết của Bác Hồ kể trên đã gắn với những kỷ niệm liên quan đến đóng góp của tôi. Số là tôi được giao một tập "truyền đơn - ảnh" in hình Bác Hồ và thơ chúc Tết mang đi phân phát ở các cơ sở kháng chiến. Hôm ấy, tôi đến mấy cơ sở ở gần ga Hàng Cỏ, ăn mặc xoàng xĩnh như dân thợ thuyền. Tôi vừa tới Cửa Nam thì thấy mấy tên đội xếp Tây đang khám xét. Tôi chột dạ, nhưng trấn tĩnh ngay: nếu quay lại, chúng sinh nghi sẽ nguy hiểm. Lấy hết can đảm, tôi cứ lừ lừ đi qua mặt chúng. Một tên chỉ vào mặt tôi quát hỏi, tôi vờ vịt không hiểu, trả lời ú ớ: "Tôi đi thăm một người bà con". Tên đội xếp Tây vụt cho tôi hai dùi cui rồi đuổi đi. Lần ấy thoát.

Gia đình tôi tạm có bát ăn, nhà lại ở giữa phố đông đúc, địch ít dòm ngó. Nhưng che giấu cán bộ và bản thân cũng có đóng góp chút đỉnh, lộ ra có thể liên lụy tù đầy. Ý nghĩ thoáng qua ấy bị xua tan ngay vì hình ảnh Bác Hồ, viễn ảnh ngày kháng chiến thắng lợi cứ hiển hiện trong tâm trí tôi.

Cụ Bùi Hưng Gia ngừng kể, tiếp thêm trà mới, mời khách. Rồi cụ nắm tay tôi, kéo vào gian trong, chỉ tay lên tường, nơi có treo tấm ảnh lồng kính. Một bức ảnh quý của gia đình mà cụ coi là đồ gia bảo. Bức ảnh ghi lại cuộc viếng thăm của Bác Hồ, một sự kiện có một không hai đối với họ Bùi. Ảnh còn rõ nét, mặc dù

một phần tư thế kỷ đã trôi qua. Bác Hồ ngồi đó, tươi cười, ăm áp. Quây quần bên Bác, đủ cả "tam đại", từ cụ cố đến đứa cháu nhỏ. Sau đó, tôi được hướng dẫn xem bức ảnh lễ tang Bác Hồ, có hình cụ Bùi Hưng Gia cùng một số thành viên Mặt trận khác, đang túc trực bên linh cữu.

Cụ Bùi Hưng Gia trầm ngâm:

- Bác Hồ đã để lại muôn vàn tình thương yêu cho nhân dân ta. Riêng đối với gia đình tôi, tình thương yêu đó thấm sâu đến cả đàn con cháu. Nay con cháu tôi đều nên người, đứa kỹ sư, đứa bác sĩ, ba người là đảng viên, ân đức Bác muôn thuở chẳng phai. Và chúng tôi không bao giờ quên được cái đêm ba mươi Tết năm Tý ấy!...

ĐỖ THUYẾT ghi

THÊU CHÂN DUNG BÁC HỒ

BÙI NGỌC

Năm 1970, khi Nhà nước phong danh hiệu "Nghệ nhân" lần đầu tiên, Thủ đô Hà Nội có 6 người được nhận vinh dự này. Đó là ông Dương Văn Sản, nghề chạm, ông Nguyễn Văn Quen, nghề đúc đồng, cụ Văn An, nghề khám trai và bác Song Hỷ, nghề thêu, làm việc ở Hợp tác xã thêu Đồng Tâm, quận Ba Đình.

Bác Song Hỷ vốn quê ở Nam Phú, huyện Phú Xuyên, một vùng có nhiều nghề thủ công nổi tiếng. Bác theo học nghề thêu từ năm 20 tuổi, rồi quê hương ra Hà Nội làm ăn, rồi lại lặn lội vào tận Sài Gòn kiếm sống. Nghề thêu chẳng đủ nuôi sống bác, bác phải làm thêm nghề chụp ảnh, vẽ truyền thần. Cuối cùng lại quay trở về Hà Nội gắn bó đời mình với nghề thêu cổ truyền. Đây là một nghề thủ công nhưng cũng là một ngành mỹ nghệ đòi hỏi sự sáng tạo rất lớn. Nhưng đã mấy ai biết trân trọng vốn quý này.

Thủ đô Hà Nội được giải phóng, nghề thêu ren được quan tâm, các hợp tác xã thêu ren được thành lập. Bác Song Hỷ thêm được nguồn cổ vũ, vừa sáng tác, vừa tự tay thêu, vừa ra sức truyền nghề cho lớp thợ trẻ.

Bác Song Hỷ rất xúc động khi được biết Bác Hồ đã có xem tranh thêu của bác. Chả là đồng chí Trần Quốc Hoàn có yêu cầu bác thêu ảnh chân dung một đồng chí Bộ trưởng nước bạn. Bức chân dung thêu xong, đồng chí Trần Quốc Hoàn có đem trình trước Bác Hồ, Bác Hồ xem kỹ bức thêu và khen: "Người thêu này tài thật, tranh thêu như có thần. Phải gìn giữ và phát triển nghề này, đừng để mất đi một vốn quý".

Được nghe nói lại, bác Song Hỷ sung sướng và cảm động lắm. Có lẽ chính Bác Hồ đã từng làm nghề chụp ảnh, rửa ảnh, vẽ trang trí trên đồ sứ nên Người dễ cảm thông và có nhận xét tinh tế về nghề thêu này như vậy.

Từ niềm xúc động đó, bác Song Hỷ quyết đem hết tài năng thêu bức chân dung Hồ Chủ tịch cỡ lớn bằng chỉ màu để tham dự triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ dân gian nhân dịp kỷ niệm lần thứ 15 ngày giải phóng Thủ đô Hà Nội (1969). Bác còn sáng tác một bài thơ trong những ngày thêu chân dung để tự động viên, nhắc nhở mình phải thể hiện bằng được đức độ, phong thái của Người trong ánh mắt, nếp nhăn, vùng trán, chòm râu, mái tóc...

Hơn ba mươi năm trong nghề thêu, từng có hàng trăm tác phẩm có giá trị, quả thật chưa lần nào bác Song Hỷ thấy lòng mình rung động như khi cầm kim thêu chân dung Hồ Chủ tịch. Thể hiện cho được vẻ mặt của mỗi người đã khó, với Hồ Chủ tịch lại càng khó vì Người rất vĩ đại nhưng cũng rất giản dị, thân thuộc với mọi người. Là một người đã từng qua nghề nhiếp ảnh, nghề vẽ truyền thần, có cái vốn kinh nghiệm trên 30 năm trong nghề, thế mà khi bắt tay vào thêu chân dung Hồ Chủ tịch, bác Song Hỷ đã phải tập trung tinh thần nhìn ngắm thật kỹ bức ảnh chụp của Người suốt mấy ngày liền.

Suốt năm tháng ròng, cần cù nhẫn nại thêu chân dung Hồ Chủ tịch, bác Song Hỷ đã chăm chút từng đường kim mũi chỉ, cố gắng hết sức mình làm cho màu chỉ thật ăn nhau, làm cho đường chỉ không một sợi bị kên, bị khác. Chỉ tính riêng chòm râu của Người, bác Song Hỷ đã phải sử dụng hơn 20 loại màu chỉ khác nhau. Hoặc như gương mặt chỉ một màu hồng thôi, cũng đã phải dùng tới hàng chục loại chỉ hồng.

Khi thêu xong bức chân dung Hồ Chủ tịch, mảnh lụa nền đã tháo ra khỏi khung thêu rồi, nhưng khi dựng lên đứng ngắm từ xa, thấy một đôi đường chỉ chưa hài hoà lắm, bác lại đóng vào, cắt bỏ mảng đó đi, thêu lại. Lắm hôm, chỉ một vài sợi râu

uốn lượn còn ngượng nghịu, cũng làm cho bác mất đứt hàng ngày công để sửa lại.

Kể cho chúng tôi nghe về tâm trạng của bác khi thêu chân dung Hồ Chí Minh, người thợ già ấy chỉ trình bày có một điều suy nghĩ, rằng có Bác Hồ, có Đảng thì đời bác mới được như ngày nay, được thấy mình làm chủ bản thân mình, làm chủ nghề nghiệp mình.

Trong triển lãm mỹ nghệ dân gian đó, bức thêu chân dung Hồ Chủ tịch cùng với bức thêu Chùa Một Cột của bác Song Hỷ đã làm cho những người say mê nghề thêu ren Hà Nội và cả những người chưa biết gì về nghề này vô cùng kinh ngạc và khâm phục. Năm sau, bác Song Hỷ được phong danh hiệu nghệ nhân.

Cho tới nay, nghệ nhân Song Hỷ đã thêu gần một trăm bức chân dung Bác Hồ, hàng chục bức chân dung Lê-nin và hầu hết chân dung lãnh tụ các nước bạn. Bác còn dành thời gian để thêu một số bức tranh nghệ thuật nữa... Mơ ước của bác là làm sao có thể giới thiệu rộng rãi hơn nữa để người nước ngoài biết đến và khâm phục bàn tay tài hoa cũng như tâm hồn phong phú của những người thợ thêu Việt Nam.

Mùa xuân Ất Sửu 1985, nghệ nhân Song Hỷ vừa tròn 70 tuổi. Nửa thế kỷ làm nghề thêu, tự hào với nghề mình, bác vẫn cần cù lao động, sáng tạo không mệt mỏi như những ngày đầu tiên thêu chân dung Bác Hồ.

NGƯỜI THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY TANG LỄ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÁI DŨNG

Mùa hè năm 1969, chiến tranh đang quyết liệt, họa sĩ Nguyễn Khang - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng mỹ thuật Công nghiệp đang ở khu sơ tán của trường thì nhận được điện khẩn của Bộ Văn hoá triệu tập về Hà Nội.

Tại Hà Nội, ông được Trung ương Đảng giao nhiệm vụ chuẩn bị thiết kế trình bày "Tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh" (trực tiếp chỉ đạo là đồng chí Tôn Đức Thắng, đồng chí Nguyễn Lương Bằng và Văn phòng Phủ Thủ tướng). Nhiệm vụ được giao phải giữ bí mật nên mọi công việc làm đều phải âm thầm thực hiện qua nhiều công đoạn vô cùng khó khăn. Vừa làm công tác quản lý nhà trường, vừa thực hiện công việc trên giao và lại trong điều kiện chiến tranh thiếu thốn, đó là một thử thách không nhỏ với họa sĩ.

Nhận trách nhiệm này, họa sĩ Nguyễn Khang không khỏi lo lắng bắt tay ngay vào công việc. Thời gian rất gấp, công việc thiết kế, trang trí, trình bày có liên quan tới nhiều công việc phục vụ tang lễ của nhiều ngành khác nhau: Bộ xây dựng, Điện lực, Bộ Y tế, Công an, Văn hoá, Bộ Quốc phòng v.v... tất cả phải làm nhịp nhàng, phối hợp với nhau tạo thành một thể thống nhất.

Lúc giao nhiệm vụ cho họa sĩ Nguyễn Khang, Trung ương Đảng yêu cầu: tang lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh cần phải trang trọng, giản dị, nêu bật hình ảnh thiêng liêng về Bác Hồ với nhân dân và bè bạn Quốc tế, không được tốn kém, cầu kỳ v.v... Toàn

bộ thiết kế lễ tang phải đạt yêu cầu tháo, lắp rời dễ dàng để tiện thực hiện ngay nếu khi có lệnh tháo dỡ; không được sai sót gì vì đây là vấn đề chính trị, ngoại giao.

Hiểu rõ trọng trách và hoàn cảnh thực tế Việt Nam, họa sĩ đã mau chóng xây dựng kế hoạch thực hiện, ý tưởng thiết kế, trình bày trang trí toàn bộ lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh: Từ trong Hội trường Ba Đình nơi đặt linh cữu, Lễ đài đến Quảng trường Ba Đình đã được họa sĩ phác thảo tới 4 dự án khác nhau để trình Bộ Chính trị duyệt. Trong một thời gian ngắn, hai dự án được chọn và cần được hoàn chỉnh tiếp trước khi duyệt chính thức. Lại âm thầm làm việc gấp cả ngày đêm (có lúc không có điện phải dùng đèn dầu ở ngôi nhà riêng nhỏ bé tại 92B ngõ Ngọc Sơn - phố Bùi Thị Xuân - Hà Nội). Ông cố gắng, say sưa thực hiện đúng thời gian. Thật cảm động có lần giữa trưa, họa sĩ đang xoay tròn làm việc, đồng chí Nguyễn Lương Bằng tới thăm, động viên chỉ bảo thêm.

Dự án thiết kế trình bày tang lễ được Bộ Chính trị thông qua cho phép triển khai ngay (lúc ấy sức khỏe Bác Hồ đã yếu nhiều).

Công tác triển khai từ dự án ra thực tế thật phức tạp, bởi có rất nhiều đơn vị phục vụ thi công thực hiện cùng một lúc, cần phải có người chỉ huy chung và họa sĩ Nguyễn Khang được bổ nhiệm làm Trưởng ban trình bày tang lễ Hồ Chủ tịch. Thời gian rất gấp gáp, phải chạy đua từng ngày, mọi việc đổ dồn tới Trưởng ban. Các đơn vị thi công hối hả, nhịp nhàng ngày đêm theo kế hoạch phân bổ thực hiện.

Việc trang trí, sắp đặt diện mạo của lễ tang là phần quan trọng nhất. Để làm được việc này ông điều động thêm một số cán bộ và sinh viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp về Hà Nội làm việc trực tiếp dưới sự chỉ đạo của ông.

Một điều quan trọng nữa phải kể đến là tám chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh cỡ lớn (gần 30m²) treo ở vị trí trung tâm trang trọng nhất trên lễ đài vẫn chưa có người vẽ? (việc phóng to bằng giấy ảnh chân dung Bác lúc này không thể làm được).

Từ trước tới nay vẽ chân dung Bác đã có rất nhiều họa sĩ thể hiện nhưng đều ở dưới dạng ký họa, hoặc vẽ theo tường tượng... Vẽ chân dung Người để dùng vào công việc trọng đại này thì chưa từng ai thực hiện.

Không ai khác, việc này họa sĩ Nguyễn Khang phải thực hiện. Đầu tiên họa sĩ đã vẽ một bức khổ nhỏ (1,6 x 0,80m) bằng sơn dầu màu nâu bình dị, ấm áp để Bộ Chính trị duyệt.

Bức chân dung chính thức được họa sĩ Nguyễn Khang vẽ bằng sơn dầu màu nâu (gần 30m²) hoàn thành trong chưa đến hai tuần. Vẽ bức chân dung này, họa sĩ đã phải đứng trên giàn giáo cao, phải leo lên, leo xuống hàng nghìn lần để lùi xa, ngắm sửa, chỉnh trang lại.

Công việc cứ thế tiếp nối thực hiện nhịp nhàng theo dự án. Nhưng rồi tai nạn đã xảy ra với họa sĩ Nguyễn Khang, ông bị ngã, chân phải bó bột ngay trong đêm, sáng hôm sau ông vẫn phải ra hiện trường để tiếp tục công việc của mình với hai người dìu đi khắp công trình thi công.

Tiếp đó, Bộ Chính trị xuống tổng duyệt toàn bộ nội dung và hình thức chuẩn bị của lễ tang Hồ Chủ tịch. Các đồng chí trung ương tỏ ra rất hài lòng.

Sau khi kết thúc lễ tang (3/9/1969) phần thiết kế trang trí, lễ tang này được Trung ương Đảng đánh giá cao; trang trọng, giản dị, dân tộc, hài hòa, đạt được yêu cầu buổi lễ tang, các đoàn ngoại giao rất khen cách bài trí này.

Sau một thời gian, họa sĩ Nguyễn Khang lại được nhận nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, thiết kế trình bày dự án lễ tang chính thức của Nhà nước theo nhiều cấp độ nghi lễ.

Cũng nhân ngày kỷ niệm giải phóng miền Nam 1 năm (30/4/1976) bức chân dung Hồ Chủ tịch do họa sĩ vẽ lại được đưa ra treo trên lễ đài cuộc mít tinh.

Cuộc đời, tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Khang là sự phấn đấu không mệt mỏi cho lao động sáng tạo và phát triển nghệ

thuật. Ông là người kiến tạo, sáng lập và đặt tên cho Trường Cao đẳng Mỹ thuật Công nghiệp và dày công xây dựng, đào tạo nhiều thế hệ sinh viên thành tài.

Đảng và Nhà nước đã trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh cao quý (phần thưởng về sáng tạo nghệ thuật) cho cố họa sĩ Nguyễn Khang - một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa.

Mọi người nhớ mãi tới họa sĩ Nguyễn Khang - người thiết kế trình bày lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh lịch sử.

CHÚ THÍCH NHÂN VẬT

1. HUY CẬN (1919-2005)

Tên khai sinh là Cù Huy Cận. Quê quán: Hà Tĩnh. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Từ 1955-1984, Thứ trưởng Bộ Văn hoá. Từ 1984: Bộ trưởng đặc trách công tác văn hoá thông tin tại Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Chủ tịch Ủy ban TƯ Hội LHVHNT Việt Nam. Từng là Phó Chủ tịch UBTQ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Ủy viên Hội đồng chấp hành UNESCO từ năm 1978-1983, đồng Chủ tịch Hội đồng văn học Á Phi 1962 tại Cairo, đồng Chủ tịch Hội đồng Văn hoá thế giới 1968 ở La Habana, Ủy viên Hội đồng văn học Pháp ngữ 1985-2000. Năm 2001 được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ thế giới. Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996). **Tác phẩm chính:** *Lửa thiêng* (thơ, 1940); *Trời mỗi ngày lại sáng* (thơ, 1958)... *Kinh cầu tự* (văn xuôi, 1942); *Đất nở hoa* (thơ, 1960); *Cha ông nghìn thuở* (trăng ca, 2002)...

2. ĐẶNG THAI MAI (1902-1984)

Tên khai sinh là Đặng Thai Mai. Quê quán: Nghệ An. Giáo sư văn học, Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông là một trong những người sáng lập Hội truyền bá chữ Quốc ngữ. Từ sau Cách mạng tháng Tám lần lượt đảm nhiệm trọng trách: Đại biểu Quốc hội các khoá I, II, III, IV, V; Ủy viên Ban dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Bộ trưởng Bộ Giáo dục (1945-1949); Giáo sư Trường Đại học Văn khoa Liên khu IV (1948-1951); Giám đốc Trường Dự bị Đại học và Sư

phạm cao cấp Liên khu IV (1952). Sau hoà bình (1954) vừa đảm nhiệm các chức vụ trong ngành giáo dục: Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1957), Hiệu trưởng kiêm Chủ nhiệm khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1956-1959); vừa tham gia Đoàn chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam (1957-1984). Từ 1959, làm Viện trưởng Viện Văn học và Chủ nhiệm Tạp chí Nghiên cứu văn học của Viện (cho đến 1977). Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT (năm 1996). Tác phẩm chính: *Văn học khái luận* (nghiên cứu, 1944); *Lỗ Tấn* (nghiên cứu, 1944); *Tạp văn trong văn học Trung Quốc ngày nay* (nghiên cứu, 1945); *Triết học phổ thông* (nghiên cứu, 1949); *Chủ nghĩa nhân văn dưới thời kỳ văn hoá phục hưng* (nghiên cứu, 1949); *Giảng văn Chinh phụ ngâm* (chú giải, bình giảng, 1950, 1992); *Lược sử văn học hiện đại Trung Quốc* (biên khảo, tập I, 1958); *Văn thơ Phan Bội Châu* (nghiên cứu, 1958); *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* (nghiên cứu, 1961); *Trên đường học tập và nghiên cứu* (nghiên cứu, phê bình, 3 tập, 1959, 1969, 1970); *Đặng Thai Mai tác phẩm* (2 tập, 1978 - 1984); *Hồi ký* (1985). *Dịch, giới thiệu:* *Thế giới hiện đại* (dịch chung, 1946); *Lịch sử triết học phương Tây* (tập I, 1949, tập II, 1957); *Lôi Vũ* (của Tào Ngụ, 1945, 1958); *Á Sím* (1957); *Nhật xuất* (của Tào Ngụ, 1958)...

3. PHẠM TIẾN DUẬT (1941-2007):

Tên khai sinh là Phạm Tiến Duật. Quê quán: Phú Thọ. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên Phó trưởng ban Đối

ngoại Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên Tổng biên tập tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật 2012. Tác phẩm chính: *Vầng trăng quầng lửa* (thơ, 1970); *Ở hai đầu núi* (thơ, 1981); *Nhóm lửa* (thơ, 1996); *Tiếng bom và tiếng chuông chùa* (trường ca, 2000); *Vừa làm vừa nghĩ* (2003)...

4. BÙI HIỀN (1919-2009):

Tên khai sinh là Bùi Hiền. Quê quán: Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Nguyên Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc Nghệ An. Nguyên Ủy viên thường vụ Hội Nhà văn. Nguyên Chủ tịch Hội đồng văn xuôi Hội Nhà văn. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật. Tác phẩm chính: *Nằm vạ* (truyện, 1941); *Những tiếng hát hậu phương* (truyện, 1970); *Hoa và thép* (truyện, 1972); *Tuyển tập Bùi Hiền* (1987); *Bạn bè một thuở* (chân dung văn học, 1999)...

5. CHẾ LAN VIÊN (1920-1989):

Tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan. Quê quán: Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Nguyên Ủy viên thường vụ Hội Nhà văn. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật 1996. Tác phẩm chính: *Điều tàn* (thơ, 1937); *Ánh sáng và phù sa* (thơ, 1960); *Hoa ngày thường, chim báo bão* (thơ, 1967); *Hoa trước lăng Người* (thơ, 1976); *Hoa trên đá* (thơ, 1985); *Di cảo I* (thơ, 1994); *Di cảo II* (thơ, 1995); *Vàng sao* (ký, 1942); *Nói chuyện văn thơ* (tiểu luận, 1960); *Suy nghĩ và bình luận* (phê bình, 1971); *Nghĩ cạnh dòng thơ* (phê bình, 1981)...

6. SƠN TÙNG (1928):

Tên khai sinh là Bùi Sơn Tùng. Quê quán: Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng đặc biệt cho tác phẩm *Búp sen xanh*. Tác phẩm chính:

Búp sen xanh (tiểu thuyết, 1982); *Bông sen vàng* (tiểu thuyết, 1990); *Hẹn gặp lại Sài Gòn* (kịch bản phim, 1990); *Bác về* (truyện ký, 1990); *Bác ở nơi đây* (ký, 2005)...

7. HỒ PHƯƠNG (1930)

Tên khai sinh là Nguyễn Thế Xương. Quê quán: Hà Tây, nay thuộc Hà Nội. Nguyên Phó tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Quân đội, nguyên Tổng biên tập tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam, tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm chính: *Cỏ non* (tập truyện ngắn, 1960); *Cánh đồng phía Tây* (tiểu thuyết, 1994); *Chúng tôi ở Cồn Cỏ* (ký sự dài, 1968); *Ngàn dâu* (tiểu thuyết, 2002); *Cha và con* (tiểu thuyết, 2007)...

8. DƯƠNG DUY NGŨ (1942):

Tên khai sinh là Dương Duy Ngũ. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hội Nhà văn (1998, 2001, 2002). Tác phẩm chính: *Sắc trời* (truyện ngắn, 1979); *Làng Gồ* (tiểu thuyết, 1990); *Rước chữ* (truyện ngắn, 1996); *Người giữ đình làng* (tiểu thuyết, 1999)...

9. NGUYỄN ĐẮC XUÂN (1937):

Tên khai sinh là Nguyễn Đắc Xuân. Quê quán: Thừa Thiên Huế. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên Tổng thư ký Hội văn nghệ thành phố Huế. Nguyên Phó tổng biên tập tạp chí Sông Hương. Tác phẩm chính: *Huế, Bác Hồ thời niên thiếu* (truyện thiếu nhi, 1990); *Chuyện các ông hoàng triều Nguyễn* (chuyện lịch sử, 1994); *Lễ Tết ăn chơi trong cung Nguyễn* (bút ký, 2004)...

10. THANH HẢI (1930-1980):

Tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn. Quê quán: Thừa Thiên Huế. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên Tổng thư

ký Hội văn nghệ Bình - Trị - Thiên. Nguyên ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Huế mùa xuân* (thơ, tập 1-1970, tập 2-1975); *Dấu vồng Trường Sơn* (thơ, 1977); *Mưa xuân đất này* (thơ, 1982)...

11. NHỊ CA (1926-1984):

Tên khai sinh là Chư Đức Kính. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từng phụ trách tổ Lý luận phê bình tạp chí Văn nghệ Quân đội. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2007. Tác phẩm chính: *Từ cuộc đời vào tác phẩm* (tiểu luận phê bình, 1972); *Dọc đường văn học* (tiểu luận phê bình, 1977); *Nguyễn Thi - gương mặt còn lại* (khảo cứu, 1983); *Nhà thơ Đức Bà Paris* (dịch); *Cha và con* (dịch)...

12. HỒ MẬU ĐƯỜNG (1920):

Quê quán: Nghệ An. Nhà lão thành cách mạng, nhà thơ, viết kịch, từng tham gia công tác tuyên huấn và văn nghệ kháng chiến (nguyên trưởng đoàn ca kịch Lý Tự Trọng - Liên khu 4).

13. VŨ KỶ (1921-2005):

Tên thật là Vũ Long Chuẩn. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Là Thư ký riêng của Hồ Chủ tịch từ 1945, được Bác tin cậy giao nhiều trọng trách (như giữ gìn tuyệt mật di chúc của Bác từ năm 1965 đến 1969). Nguyên Chánh văn phòng Chủ tịch nước. Nguyên giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh. Được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân huy chương cao quý khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

14. HỌC PHI (1913):

Tên khai sinh là Chu Văn Tập. Quê quán: Hưng Yên. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Từng là Tổng thư ký

Văn hóa kháng chiến Liên khu 3 (1947-1948), nguyên Giám đốc Nhà hát kịch Hà Nội, nguyên Tổng thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật 1996. Tác phẩm chính: *Dòng đời* (tiểu thuyết, 1941); *Hừng đông* (tiểu thuyết, 1980); *Xuống đường* (1996); *Cà sa giết giặc* (kịch, 1946); *Một đảng viên* (kịch, 1960)...

15. ĐÀO VŨ (1927-2005):

Tên khai sinh là Đào Văn Đạt. Quê quán: Hưng Yên. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Đã qua công tác từ biên tập viên đến Quyền Tổng biên tập báo Văn nghệ. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa III, Ủy viên BCH Hội nhà báo khóa IV. Giải thưởng hợp tác với Thụy Điển cho thiếu nhi, Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Cái sân gạch* (1959); *Vụ lúa chime* (1961); *Con đường mòn ấy* (1972); *Y Leng* (1982); *Lưu lạc* (1973); *Hoa lửa* (1973); *Bí thư cấp huyện* (1983); *Một mùa mưa* (1986); *Tuyển tập Đào Vũ* (2 tập, 2004)...

16. TRẦN ĐĂNG KHOA (1958):

Tên khai sinh: Trần Đăng Khoa. Quê quán: Hải Dương. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Tốt nghiệp Học viện văn học thế giới M. Gorky. Từng là biên tập viên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa VII. Nguyên Trưởng ban Văn học nghệ thuật Đài Tiếng nói Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Từ góc sân nhà em* (thơ, 1968); *Góc sân và khoảng trời* (thơ, 1968, tái bản nhiều lần); *Khúc hát người anh hùng* (trường ca, 1974); *Bên cửa sổ máy bay* (thơ, 1986); *Chân dung và đối thoại* (1998); *Đảo chìm* (2006)...

17. LÊ MINH (1928):

Tên khai sinh: Nguyễn Thị Tài Hồng. Quê quán: Hưng Yên. Hội viên Hội Nhà

văn Việt Nam. Từng làm biên tập viên các báo Văn học, Văn, Văn nghệ, tạp chí Tác phẩm mới. Nguyên Trưởng ban Văn hóa - Văn nghệ báo Nhân dân. Giải thưởng: Giải nhất cuộc thi ký của Hội Nhà văn 1962, Giải nhất cuộc thi truyện ngắn của Hội Nhà văn 1969... Tác phẩm chính: *Cu Dưng* (truyện ngắn, 1959); *Người thợ máy Tôn Đức Thắng* (truyện dài, 1981); *Khúc hát vườn trầu* (tiểu thuyết, 1982); *Người đàn bà cầm bút* (tân văn, 2004); *Văn hóa gia đình Việt Nam* (nghiên cứu, 1992); *Chân dung nữ văn nghệ sĩ Việt Nam* (chủ biên, 1995)...

18. HẢI NHƯ (1923):

Tên khai sinh là Vũ Như Hải. Quê quán: Nam Định. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từng là thư ký tòa soạn báo Sông Lô, quân khu 10; biên tập viên báo Vệ quốc quân, biên tập văn nghệ báo Cứu quốc, báo Đại đoàn kết; Phó tổng biên tập báo Giác ngộ (Tp Hồ Chí Minh). Tác phẩm chính: *Bài thơ trên Bến Nhà Rồng* (1990); *Nỗi buồn hoa bất tử* (thơ, 1990); *Vị thương khách nhà tù Hương Cảng* (kịch, 1990); *Thành phố hoa phượng đỏ* (ca khúc) và nhiều ca khúc khác...

19. NGUYỄN KIẾN (1935):

Tên khai sinh là Nguyễn Quang Hường. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyên Tổng biên tập Nxb. Tác phẩm mới, nguyên giám đốc Nxb. Hội Nhà văn. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa III, nguyên Chủ tịch Hội đồng Văn xuôi Hội Nhà văn. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Giải thưởng Văn học Đông Nam Á 2002. Tác phẩm chính: *Trong làng* (truyện ngắn, 1995); *Nơi xa* (truyện ngắn, 1996); *Lá rụng* (truyện vừa, 1962); *Chặng đường nhớ lại* (truyện vừa, 1984); *Vùng quê yên tĩnh* (tiểu thuyết, 1974); *Một cảnh đời* (tiểu

thuyết, 1992); *Con gái người bán chim* (truyện thiếu nhi, 1963); *Năm tôi 13 tuổi* (truyện thiếu nhi, 1977)...

20. NGUYỄN HỒNG (1918-1982):

Tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng. Quê quán: Nam Định. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam. 1943, tham gia Hội văn hóa cứu quốc bí mật và làm ở tạp chí Tiên phong. Từng trong ban phụ trách trường Văn nghệ Nhân dân ở Việt Bắc. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa I và II. Nguyên Chủ tịch Hội văn nghệ Hải Phòng. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật 1996. Tác phẩm chính: *Bỉ vô* (tiểu thuyết, 1938); *Bảy Hươi* (truyện ngắn, 1941); *Những ngày thơ ấu* (1941); *Hai dòng sữa* (truyện ngắn, 1943); *Đất nước yêu dấu* (ký, 1949); *Sóng gằm* (tiểu thuyết, 1961); *Sức sống của ngòi bút* (1963); *Con bão đã đến* (tiểu thuyết, 1963); *Bước đường viết văn của tôi* (hồi ký, 1971); *Núi rừng Yên Thế* (tiểu thuyết 2 tập, 1981-1993);...

21. BÙI HUY PHỒN (1911-1990):

Tên khai sinh là Bùi Huy Phồn. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Từng là chủ bút tuần báo Đây Việt Bắc (khu X), biên tập viên báo Cứu quốc (khu X). Nguyên giám đốc Nxb. Văn học, nguyên Ủy viên thường trực Hội Văn học nghệ thuật Hà Nội. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa II. Tác phẩm chính: *Lá huyết thư* (tiểu thuyết, 1932); *Mối thù truyền kiếp* (tiểu thuyết, 1942); *Thôn nữ ca* (1944); *Người chiến sĩ chồng tôi* (tiểu thuyết, 1949); *Tình quân ngũ* (truyện vừa, 1949); *Tàn xuân để quốc* (thơ trào phúng, 1959); *Bình minh hôm nay* (tiểu thuyết, 1990)...

22. ĐOÀN GIỎI (1925-1989):

Tên khai sinh là Đoàn Giỏi. Quê quán: Tiền Giang. Hội viên Hội Nhà văn Việt

Nam 1957. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa I, II, III. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2001. Tác phẩm chính: *Những dòng chữ máu Nam kỳ 1940* (ký, 1948); *Cá bóng mú* (truyện, 1956); *Ngon tâm vòng* (truyện, ký, 1956); *Trần Văn Ôn* (truyện ký, 1955); *Đất rừng phương Nam* (truyện, 1957); *Hoa hướng dương* (truyện ngắn, 1960); *Những chuyện lạ về cá* (biên khảo, 1981); *Tê giác giữa ngàn xanh* (biên khảo, 1982)...

23. HẰNG PHƯƠNG (1908-1983):

Tên khai sinh là Lê Hằng Phương. Quê quán: Quảng Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1957. Viết nhiều thơ đăng trên các báo Phụ nữ tân văn, Hà Nội tân văn, Ngày nay, Tri tân... Tham gia Hội truyền bá quốc ngữ. Từng công tác lâu năm tại Hội Nhà văn. Tác phẩm chính: *Hương xuân* (thơ, in chung, 1943); *Mùa gặt* (thơ, 1961); *Chim én bay xa* (thơ, in chung, 1962); *Hương đất nước* (thơ, 1974)...

24. VŨ THỊ THƯỜNG (1930):

Tên khai sinh là Lê Kim Nga. Quê quán: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từng công tác ở báo Văn học, Văn nghệ, tạp chí Tác phẩm mới. Ủy viên BCH Hội Nhà văn khóa III. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật 2007. Tác phẩm chính: *Cái hom gió* (truyện ngắn, 1959); *Hai chị em* (truyện ngắn, 1965); *Vợ chồng ông lão chẵn vịt* (truyện ngắn, 1973); *Câu chuyện bắt đầu từ những đứa trẻ* (truyện ngắn, 1977); *An Tư* (kịch lịch sử, 1985), *Con yêu, con ghét* (truyện ngắn, 1998)...

25. VÕ SĨ THỪA (1925-2005)

Quê quán: Bình Định. Đại biểu Quốc hội khóa VII. Giám đốc Nhà hát tuồng Đào Tấn. Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống nghệ thuật tuồng.

Khi đã trở thành kếp chính của Đoàn tuồng Liên khu 5, Võ Sĩ Thừa được tổ chức phân công làm đội trưởng đội tuồng trong Đoàn ca kịch dân tộc Liên khu 5B về Nam phục vụ. Trải qua những năm kháng chiến gian khổ, ông vẫn liên tục biểu diễn và sáng tác tuồng ngay cả trong nhà tù Mỹ-Ngụy. Võ Sĩ Thừa cũng là người đầu tiên đưa tuồng phối hợp với cải lương Nam Bộ sang trình diễn ở Pháp, Đức, Thụy Sĩ cuối năm 1982 và đã gây được ảnh hưởng rất lớn ở Tây Âu về nghệ thuật dân tộc Việt Nam. Trong cuộc đời hoạt động nghệ thuật, ông từng thể hiện rất thành công nhiều nhân vật lịch sử trên sân khấu tuồng như Quang Trung, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh... Ông đã được phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân. Tác phẩm tiêu biểu: *Trần Bình Trọng*, *Gan bất khuất*, *Ngục lửa*, *Sáng mãi niềm tin*...

26. PHAN ĐÌNH MẬU

Nhà lý luận phê bình điện ảnh. Nguyên giảng viên trường Điện ảnh Việt Nam. Nguyên Tổng biên tập Tạp chí Điện ảnh kịch trường.

27. ĐỖ NHUẬN (1922 - 1991)

Quê quán: Hải Dương. Tổng thư ký đầu tiên của Hội nhạc sĩ Việt Nam khóa I và II từ 1958 đến 1983. Huân chương Chiến sĩ hạng Nhì, Huân chương Chiến thắng hạng Nhì. Giải thưởng Hồ Chí Minh. Ông là một trong những nhạc sĩ tiên phong của âm nhạc cách mạng. Năm 1943, vì in và rải truyền đơn tuyên truyền cho cách mạng nên ông bị bắt giam vào nhà lao Hải Dương, rồi đưa lên Hỏa Lò và sau bị đày lên Sơn La. Thời gian trong tù, Đỗ Nhuận đã viết nhiều bài hát cách mạng nổi tiếng. Sau khi được trả tự do, Đỗ Nhuận tiếp tục sáng tác và hoạt động cách mạng. Đỗ Nhuận cũng là nhạc sĩ duy nhất trong thế hệ đầu của tân nhạc được đào tạo bài

bản, ông đi học tại đại học tại Nhạc viện Tchaikovsky từ năm 1960 đến 1962. Ông là một trong những người đặt nền móng cho thể loại nhạc kịch theo truyền thống của opera phương Tây với vở *Cô Sao* (1965) rồi sau đó là *Người tạc tượng* (1971). Tác phẩm tiêu biểu: *Cô Sao*, *Nhớ chiến khu*, *Du kích ca*, *Đoàn lữ nhạc*, *Hành quân xa*, *Trên đồi Him Lam*, *Chiến thắng Điện Biên*, *Tình Việt Bắc*, *Lửa rừng*, *Tiếng hát đầu quân*, *Áo mùa đông*, *Du kích sông Thao*, *Việt Nam quê hương tôi*...

28. TRẦN KIẾT TƯỜNG (1924-1999)

Quê quán: Cần Thơ. Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Những ca khúc đầu tay của Trần Kiết Tường ra đời trong kháng chiến chống Pháp. Sau khi hiệp định Giơnevơ được ký kết (1954), Trần Kiết Tường tập kết ra miền Bắc. Trong đại hội thành lập Ban Nhạc Vũ Trung ương (nay là Hội Nhạc sĩ Việt Nam) năm 1957, ông là một trong số 9 nhạc sĩ miền Nam tham gia đại hội. Ông là một nhạc sĩ sáng tác hăng say và là tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng, trong số đó nổi bật nhất là ca khúc "Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người". Ca khúc này đã được ca sĩ Quốc Hương hát cho chủ tịch Hồ Chí Minh nghe lần đầu tiên tại Phủ Chủ tịch. Tác phẩm tiêu biểu: *Chiến sĩ vô danh*; *Anh Ba Hưng*; *Áo bà ba*; *Quê hương ơi ta sẽ về*; *Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người*...

29. LƯU HỮU PHƯỚC (1921-1989)

Quê quán: Cần Thơ. Giáo sư, Viện sĩ, Nhà lý luận âm nhạc; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Ban Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam; nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin Văn hóa của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam; nguyên Đại biểu Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa và Giáo dục của

Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Huân chương Độc lập hạng nhất (1987), giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 1 (1996). Ông tham gia cách mạng từ sớm. Trong những đợt tổ chức các hoạt động về nguồn của sinh viên, Lưu Hữu Phước đã sáng tác được nhiều ca khúc nổi tiếng được xem là đỉnh cao của thể loại bài hát về đề tài lịch sử của Việt Nam. Sau khi Pháp gây hấn ở Nam Bộ, Lưu Hữu Phước tham gia công tác tuyên truyền với chức vụ Giám đốc phòng xuất bản Nam Bộ trong một thời gian ngắn. Tháng 5 năm 1946, Lưu Hữu Phước được điều động ra Hà Nội, nhận nhiệm vụ thành lập Trung ương Nhạc viện (thành lập tháng 9 năm 1946), sau đó ông cùng tập thể Hội Văn hoá Cứu quốc tản cư đi kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc. Ông được giao nhiệm vụ thành lập đội Thiếu nhi tuyên truyền xung phong, sau được đổi tên là Đoàn nhạc kịch Thiếu nhi kháng chiến thuộc Trung ương Nhạc viện. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ quan trọng và còn góp công thành lập Trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam), Trường Múa, Trường Sân khấu Điện ảnh, Nhà hát Giao hưởng Hợp xướng Nhạc Vũ Kịch Việt Nam. Tác phẩm tiêu biểu: *Lên đảng*, *Bạch Đằng giang*, *Hồn tử sĩ*, *Tiếng gọi thanh niên*, *Ca ngợi Hồ Chủ tịch*, *Tình Bác sáng đời ta*; *Tiến về Sài Gòn*, *Giải phóng miền Nam*; *Reo vang bình minh*; *Thiếu nhi thế giới liên hoan*...

30. THUẬN YÊN

Tên khai sinh: Đoàn Hữu Công. Sinh năm 1935. Quê quán: Quảng Nam. Ông tham gia công tác từ năm 1949, là cán bộ văn nghệ của Đoàn văn công Khu ủy Liên khu V, sau đó theo học lớp Trung cấp sáng tác tại Trường âm nhạc Việt Nam. Năm 1965, lên đường trở lại chiến

trường sáng tác, lấy bút danh là Thuận Yến. Ông đã có mặt trên chiến trường Trị Thiên-Huế và khi cuộc đấu tranh chính trị phát triển mạnh. Trở lại miền Bắc, ông theo học Đại học Sáng tác nhạc viện Hà Nội, ông đã sáng tác một số tác phẩm khí nhạc. Về Đoàn văn công Tổng cục xây dựng kinh tế, ông tiếp tục viết ca khúc, có những ca khúc nổi tiếng về đề tài ca ngợi lãnh tụ. Ngoài ra ông còn có nhiều tác phẩm nhạc cho múa và phim rất thành công. Ông đã được trao Giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001. Tác phẩm tiêu biểu: *Bắc Hà yêu thương; Bác Hồ một tình yêu bao la; Gửi em ở cuối sông Hồng; Miền Trung nhớ Bác; Người về thăm quê; Chia tay hoàng hôn; Màu hoa đỏ...*

31. Y BROM

Sinh năm 1940. Quê quán: Gia Lai. Phó đoàn kiêm chỉ đạo nghệ thuật Đoàn ca múa Tây Nguyên (sau này là Đoàn nghệ thuật Đam San); Phó Giám đốc Sở Văn hoá – Thông tin Gia Lai từ 1992 đến 2001. Năm 13 tuổi thoát ly, gia nhập đội du kích tuyên truyền; năm 1954 được ra Bắc tập kết, vào Đoàn ca múa Dân tộc Trung ương và được đi học múa tại Triều Tiên. Ông đã được phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân. Tác phẩm tiêu biểu: *Dũng sĩ Điện Ngọc; Múa khiên; Múa trống Tây Nguyên...*

32. THẢO GIANG

Tên khai sinh: Thảo Nhếch. Quê quán: Gia Lai. Với những công lao đóng góp

cho nền nghệ thuật nước nhà, năm 1996 Thảo Giang được phong danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú. Ông tiếp tục giảng dạy tại Trường Văn hoá Nghệ thuật Gia Lai cho đến năm 2009.

33. VÕ AN NINH (1907-2009)

Tên khai sinh: Vũ An Tuyết. Ủy viên Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, ủy viên Hội đồng Nghệ thuật Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam khóa 3. Huân chương Độc lập hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; Huy chương vì sự nghiệp Văn học - Nghệ thuật Việt Nam; Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I (1996). Võ An Ninh sở hữu nhiều bộ ảnh có giá trị của lịch sử Việt Nam, nhận được nhiều giải thưởng nhiếp ảnh trong và ngoài nước. Ông từng làm phóng viên nhiếp ảnh Sở Kiểm lâm Hà Nội thời Pháp thuộc, khu Trại lâm Trung ương và Xưởng phim Đèn chiếu Việt Nam (1954 - 1970) và cống hiến trọn đời cho nghệ thuật nhiếp ảnh và cho sự nghiệp cách mạng của Việt Nam. Tác phẩm tiêu biểu: *Buổi sáng trên đê sông Hồng; Đẩy thuyền ra khơi; Nước ròng bãi Trà Cổ; Đôi nét thủy mặc Sa Pa; Hồ Gươm buổi sớm, Hồ Gươm bốn mùa; Phơi lưới trên sông Cẩm; Biển bạc (Đà Nẵng), Suối nắng rừng thông (Đà Lạt), Nhà thờ Đức Bà...*

Để tiện tra cứu, chúng tôi xếp thứ tự các nhân vật theo mục lục. Một số người do chưa có điều kiện tìm đủ thông tin cần thiết, chúng tôi sẽ bổ sung trong các lần tái bản (BT).

MỤC LỤC

LỜI TỰA	7
LỜI NHÀ XUẤT BẢN	9
1. Bác Hồ trong ký ức của tôi	
<i>Huy Cận</i> (Trích Hồi ký song đôi - Nxb. Hội Nhà văn 2010)	13
2. Kỷ niệm về những lần gặp Bác Hồ	
<i>GS. Đặng Thai Mai</i> (Trích “Bác Hồ - Những ngày đầu ở Bắc Bộ phủ” - Hồi ký, Nhiều tác giả - Nxb. Kim Đồng 2010)	35
3. Tháng Năm	
<i>Phạm Tiến Duật</i> (Tùy bút - báo Văn nghệ ngày 19-5-1979)	43
4. Ghi nhớ về Bác	
<i>Bùi Hiến</i>	46
5. Lời Bác không chỉ chấn động 31 triệu trái tim	
<i>Chế Lan Viên</i> (báo Văn nghệ ngày 25-7-1968)	54
6. O đi thăm cậu Thành	
<i>Sơn Tùng</i> (ghi chép) - Tạp chí Văn nghệ Quân đội số tháng 5-1990	56
7. Nhớ về cái Tết gặp cụ Nguyễn Sinh Khiêm đọc thơ Bác Hồ tại làng Sen	
<i>Sơn Tùng</i> (Báo Văn nghệ ngày 24-1-1981)	74
8. Cảm xúc dưới giàn hoa Bác Hồ	
<i>Sơn Tùng</i> (Trích “Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta” - Nguyễn Sông Lam biên soạn - Nxb. Thanh Niên)	82
9. Điều thuốc lá	
<i>Dương Duy Ngĩ</i> (Rút trong tập “Trời của ta” Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm 1968)	94

10. Bác Hồ sống và viết ở Pác Bó
Trần Quang Vinh (Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam số tháng 2-2001) 106
11. Đi đến cùng lý tưởng của Cụ Hồ
Nguyễn Đắc Xuân (Báo Văn nghệ ngày 28-8-1999) 111
12. "... Ôm hôn ảnh Bác..."
Thanh Hải kể - Hồng Phú ghi 117
13. Những cuốn sách của Bác Hồ dẫn chúng tôi đi...
Nhị Ca (Văn nghệ số ngày 17-10-1969) 122
14. Bàn tay con nắm tay Cha...
Hồ Mậu Đường 130
15. Gặp người thư ký một thời của Bác Hồ
Hoàng Hà (ghi chép) - Văn nghệ trẻ ngày 28-3-1999 134
16. Nghe thư chúc Tết đầu tiên của Bác Hồ
Học Phi (Báo Văn nghệ số 5+6 - 1994) 139
17. Một lần tôi được Bác Hồ bảo hát - Đào Vũ 145
18. Tập thơ chép tặng Bác Hồ - Trần Đăng Khoa 150
19. Bác Hồ tập Kiều, lấy Kiều - Nguyễn Thanh Tú
(Trích sách "Bác Hồ của chúng ta" - Nxb. Hội Nhà văn 2012) 152
20. Tháng Năm nhớ Bác
Lê Minh (Báo Văn nghệ trẻ ngày 21-5-2000) 158
21. Hải Như và hơn bốn mươi bài thơ về Bác
Minh Tâm (Báo Văn nghệ trẻ ngày 5-9-2004) 161
22. Ba lần được gặp Bác
Nguyễn Xuân Sanh (Báo Văn nghệ số tháng 6-1991) 167
23. Những ngày rung chuyển - Hồ Phương
(trích ký sự Lăng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Đài hoa vĩnh cửu Nxb. Quân đội Nhân dân, 2011) 178
24. Phút thiêng liêng lễ viếng Bác Hồ - Nguyễn Kiên
(Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969) 188

25. Bác còn sống mãi - *Nguyễn Hồng*
(*Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969*) 194
26. Nhớ ơn Bác Hồ - *Bùi Huy Phồn*
(*Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969*) 197
27. Lời hứa với Bác - *Đoàn Giỏi*
(*Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969*) 199
28. Thương nhớ Bác Hồ - *Hàng Phương*
(*Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969*) 203
29. Cụ Hồ của nhân dân - *Vũ Thị Thường*
(*Tạp chí Tác phẩm mới số tháng 8+9-1969*) 207
30. Ba lần Bác đến với sân khấu
Phan Kế Hoành (Tạp chí Sân khấu số tháng 1+2 - 1980) 210
31. "Những vần thơ thép" sự thể nghiệm thành công của sân khấu chèo!
*Phòng văn đạo diễn, NSUT Bùi Đắc Sĩ
Nguyễn Chi thực hiện (Báo Văn nghệ trẻ ngày 11-9-2005)* 215
32. Từ nhân vật lịch sử đến hình tượng Bác trên sân khấu tuồng
Võ Sĩ Thừa 220
33. Hoài Giao và hình tượng Bác Hồ trên sân khấu -
*Đức Trung
(Trích sách "Bác Hồ của chúng ta" - Nxb. Hội Nhà văn 2012)* 225
34. Hồ Chí Minh - Hồi ức màu đỏ, vở ca kịch chân thực và xúc động
Ngô Minh 230
35. Từ tay Bác nâng
*Tuyết Nhung (Trích "Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ"
Lữ Huy Nguyên biên soạn - Nxb. Văn học 1995)* 237
36. Bác Hồ với điện ảnh
Phan Trọng Quang 241

37.	Điện ảnh quân đội với Bác Hồ - Nguyễn Thành Lập (Trích sách "Bác Hồ của chúng ta" - Nxb. Hội Nhà văn 2012)	246
38.	Làm phim tài liệu lịch sử Phan Đình Mậu (Tập chí Văn nghệ Quân đội số tháng 9-1981)	250
39.	Những thước phim vô giá Nguyễn Thanh Xuân kể (Trích "Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta" - Nguyễn Sông Lam biên soạn - Nxb. Thanh Niên)	258
40.	Bác Hồ trong phim ảnh - Quang Huy	260
41.	Về bộ phim "Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin" Trung Sơn (Văn nghệ số tháng 2-1980)	265
42.	Ngày Tết đi quay phim ở đồi cây "đón Bác" Hong Nghi	270
43.	Phổ nhạc thơ xuân của Bác (Đỗ Nhuận kể, Đoàn Minh Tuấn ghi - Trích sách "Bác Hồ cây đại thọ" - Nxb. Trẻ 2008)	275
44.	Lưu Hữu Phước và hai bài ca về Bác Hồ Nguyễn Thụy Kha	282
45.	Tôi viết bài hát "Hồ Chí Minh đẹp nhất tên người" Trần Kiệt Tường (Tập chí Âm nhạc số tháng 1-1996)	285
46.	Hình tượng Bác Hồ trong ca khúc cách mạng Việt Nam Nguyễn Đình San	288
47.	Nhạc sĩ Thuận Yến: "Bác Hồ luôn luôn là nguồn cảm hứng vô tận của tôi" Phòng văn nhạc sĩ Thuận Yến, Kiều Thắm thực hiện	293
48.	Kỷ niệm về những bài ca Thuận Yến (Tập chí Văn nghệ Quân đội số tháng 9-2005)	297
49.	Bác Hồ trong ký ức văn nghệ sĩ - Ns. Dân Huyền	302
50.	Món quà vô giá của Bác Hồ Minh Ngọc (báo Văn hóa số tháng 10-2009)	307

51.	Bác Hồ với vốn Văn nghệ dân tộc	
	<i>Vĩnh An</i> <i>Báo Văn nghệ số 464 (2/2/1972)</i>	309
52.	Nghệ sĩ Tiến “Bầu” và hai lần được gặp Bác Hồ	
	<i>Tuyết Loan thực hiện - Báo Nhân dân điện tử 2011</i>	312
53.	Nghệ sĩ Thảo Giang và cây đàn tình yêu - <i>Ngọc Tấn</i>	318
54.	Viên kẹo Bác Hồ - <i>Nghệ sĩ H'Ben kể, Quang Tuệ ghi</i>	322
55.	Nhớ mãi những lần được gặp Bác Hồ	
	<i>NSND Y Brom kể - Quang Tuệ ghi</i>	326
56.	Người ngâm bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác	
	<i>Kim Liên kể</i> <i>Nguyễn Cảnh Tuấn ghi (Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam số tháng 1-2009)</i>	330
57.	Nhớ Bác Hồ với Đoàn thiếu nhi Nghệ thuật	
	<i>Nguyễn Ngọc Oánh (Tạp chí Âm nhạc và thời đại số quý II-2001)</i>	333
58.	Trong đời tôi một bình minh đã đến	
	<i>Võ An Ninh kể - T.Đ ghi</i>	337
59.	Cảnh đào Lô-dơ-bai	
	<i>Phó Đức An (Trích “Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta” - Nguyễn Sông Lam biên soạn - Nxb.Thanh Niên)</i>	343
60.	Nghệ sĩ nhiếp ảnh Mai Nam với những kỷ niệm về Bác	
	<i>PV (Trích “Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta” - Nguyễn Sông Lam biên soạn - Nxb.Thanh Niên)</i>	345
61.	Một nhà nhiếp ảnh được Bác Hồ đặt tên	
	<i>Trần Dương (Tạp chí Nhiếp ảnh số tháng 7-1999)</i>	347
62.	Tám ảnh Bác Hồ và những ngư dân biển Sầm Sơn	
	<i>Kim Côn kể - Huy Nam ghi</i>	351
63.	Bác Hồ với nghệ sĩ tạo hình Việt Nam	
	<i>- Trần Khánh Chương - (Trích sách “Bác Hồ của chúng ta” - Nxb. Hội Nhà văn 2012)</i>	355

64.	Hình tượng Bác Hồ trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam	
	<i>Trần Khánh Chương</i> (Trích sách “Bác Hồ của chúng ta” - Nxb. Hội Nhà văn 2012)	363
65.	Một nhân cách lớn	
	<i>Hoàng Anh (Phòng văn hoạ sĩ Ngô Tôn Đệ</i> <i>- Tạp chí Mỹ thuật số tháng 8-2009)</i>	369
66.	Vẽ hình Bác bằng trái tim mình	
	<i>Minh Tâm</i>	373
67.	Người dựng lễ đài Tuyên ngôn Độc lập	
	<i>Thảo Vĩ sưu tầm (Văn nghệ số 35+36 năm 2009)</i>	379
68.	Một hoạ sĩ trẻ mê vẽ chân dung Bác Hồ	
	<i>Đặng Vương Hưng (Văn nghệ trẻ số Xuân 2007)</i>	383
69.	Kỷ niệm đêm Ba mươi Tết năm Tý	
	<i>Bùi Hưng Gia kể</i> <i>Đỗ Thuý ghi (Trích “Nơi đây Bác viết Tuyên ngôn Độc lập”,</i> <i>Nxb. Hà Nội 1985)</i>	387
70.	Thêu chân dung Bác Hồ - <i>Bùi Ngọc</i>	392
71.	Người thiết kế, trình bày tang lễ của Chủ tịch Hồ Chí Minh	
	<i>Nguyễn Thái Dũng (Tạp chí Mỹ thuật thời nay</i> <i>số tháng 12-2002)</i>	395
	CHÚ THÍCH NHÂN VẬT	399
	MỤC LỤC	406

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội * Tel & Fax: 38222135
E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

Tập 4

HỒ CHÍ MINH TRONG TRÁI TIM VĂN NGHỆ SĨ VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:
NGUYỄN ÁNH NGÂN
NGUYỄN MINH PHƯỚC

Bìa:
VĂN SÁNG

Sửa bản in:
HẢI LY

In 8.000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV
In xong và nộp lưu chiểu: Tháng 5 năm 2012